

# CHÂN LÝ

PHỤ TỈNH THÁNH VINH SƠN LIÊM - DÒNG ĐA MINH VIỆT NAM



## SAN DOMENICO

  
2021

**NĂM THÁNH KỶ NIỆM 800 NĂM**  
**sinh nhật trên trời của Cha Thánh Đa Minh**

# MỤC LỤC

*Độc giả muốn đọc bài nào đưa chuột vào bài đó và bấm chuột nút trái. Khi muốn trở về trang mục lục, bấm chuột nút trái vào mũi tên đỏ.*

Lời Toà Soạn - <i>Hương Văn</i> .....	3
Sắc lệnh ơn toàn xá năm thánh 800 năm .....	4
Gửi đến anh Gerard Francisco Timoner, O.P., .....	5
Nhà giảng thuyết ân sủng - <i>Hương Văn dịch</i> .....	7
Đồng bàn với Thánh Đa Minh - <i>Trần Trung Liêm</i> .....	9
Thánh Đa Minh, Ánh Sáng của Giáo Hội - <i>Nguyễn Tất Thắng</i> .....	12
Sứ mạng rao giảng của Dòng Đa Minh - <i>Toàn Ninh</i> .....	16
Gương tinh lặng của Cha Thánh Đa Minh - <i>Nguyễn Quý Đôn</i> .....	20
Khóc như một Kitô hữu - <i>Nguyễn Hoàng Phong</i> .....	22
Học hành và cầu nguyện - <i>Chu Hoài Nam</i> .....	25
Tái khám phá tình huynh đệ Đa Minh - <i>Phan Tấn Thành</i> .....	27
Căn tính của người Đa Minh - <i>Nguyễn Huy Thông</i> .....	35
Những trải nghiệm về linh đạo Đa Minh - <i>Hoàng Nam Tú</i> .....	37
Mẫu gương cầu nguyện của Thánh Đa Minh - <i>Nguyễn Văn Nhàn</i> .....	41
Suy gẫm về sứ mệnh của Thánh Phụ Đa Minh - <i>Ngọc Lan</i> .....	43
Giữ và truyền đức tin cho hiện tại và mai sau - <i>Mặc Giao</i> .....	45
800 năm nhìn lại hoa trái Đa Minh - <i>Tom Tường</i> .....	48
Lời kinh huyền nhiệm và Trở về (thơ) - <i>Đạo Từ</i> .....	53
Ông A Đam và Tôi - <i>Ngân Hà</i> .....	54
Chúc mừng Tân Linh Mục Nguyễn Huy Thông .....	56
Phiếu ghi danh Hội Nuôi Dưỡng Ơn Gọi .....	57

# Hội Thảo

**H**ội thảo hân hạnh giới thiệu đến đại gia đình Đa Minh số Chân Lý Đặc Biệt về Năm Thánh Mừng Kính 800 Trên Trời của Thánh Tổ Phụ Đa Minh. Vì đại dịch cúm Vũ Hán, Phụ tỉnh không thể tổ chức các buổi huấn luyện và tĩnh tâm định kỳ cho quý anh chị em Huynh Đoàn nên số Chân Lý này sẽ là sợi giây nối kết chúng ta trong tinh thần học hỏi về Linh Đạo Đa Minh và suy niệm về các nhân đức của Thánh Tổ Phụ.

Ngọn Đuốc thiêng Đa Minh bùng cháy ngay trong cung lòng Bà Cố Joanna d'Aza khi hoài thai Thánh Đa Minh và tiếp tục tỏa sáng trong cuộc đời dương thế của ngài, đỉnh cao của việc tỏa sáng chính là giai đoạn thành lập Dòng Giảng Thuyết vào năm 1216 và Dòng đã trở thành một trong những cột trụ nâng đỡ Giáo hội trước những phong ba bão táp. Việc tỏa sáng này không ngừng sau khi Cha Thánh mất vào năm 1221, nhưng vẫn tiếp tục tỏa sáng cho đến hôm nay.

Theo thống kê của Tỉnh Dòng Anh Quốc (<https://www.english.op.org/about-us/dominican-order/history-of-the-order.htm>.) hiện nay Dòng Đa Minh hiện diện trên 100 quốc gia, có trên 41 tỉnh dòng và phụ tỉnh, với 6 ngàn 500 linh mục tu sĩ, 4 ngàn nữ đan sĩ, 35 ngàn nữ tu hoạt động và gần 200 ngàn đoàn viên Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh, đang hăng say theo đuổi lý tưởng của Đấng Sáng Lập Dòng. Riêng Tỉnh Dòng Đa Minh Việt Nam là một trong những tỉnh dòng có nhiều ơn gọi nhất nhì trong Dòng. Thống kê năm 2021 của Tỉnh Dòng Đa Minh Việt Nam cho thấy hiện nay, Tỉnh Dòng có 441 linh mục tu sĩ và Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh lên tới mức kỷ lục gồm 119 Liên Huynh Đoàn, 1,363 Huynh Đoàn, tất cả có 122,975 đoàn viên và 4,804 tuyển sinh. Cho đến hôm nay, Tỉnh Dòng đã hiện diện trên khắp 3 vùng đất nước Việt Nam, lan rộng sang đến tận các quốc gia láng giềng như Lào và Thái Lan với sứ mạng truyền giáo cho người bản xứ tại đây.

Năm nay chúng ta hân hoan cùng với Dòng cử hành kỷ niệm 800 Năm Trên Trời của Thánh Tổ Phụ (1221-2021). Nhìn vào dòng chảy lịch sử, ngọn đuốc Đa Minh vẫn luôn tỏa sáng xuyên suốt 800 trăm năm qua cho đến ngày hôm nay. Hãy cùng nhau cảm tạ Chúa đã trao ban cho Giáo Hội, vị tông đồ nhiệt tâm rao truyền chân lý, đem ánh sáng Tin Mừng đến cho muôn dân.

Chúng ta có đủ lý do để tự hào mình là người Đa Minh. Thống kê của Tổng Hội Trogir 2013 cho biết Dòng đã cống hiến cho Giáo Hội 82 vị hiển thánh, 210 vị chân phước và trên 100 ngàn đáng đáng kính, 4 vị giáo hoàng: Chân phước Inôcentê V (1276), Chân phước Benedictô XI (1303-1304), Thánh Piô V (1566-1572), và Đức Bê-nê-dictô XIII (1724-1730); 78 vị hồng y, hiện nay còn 2 vị: Đức Hồng Y Christoph Schoenborn, Áo và Đức Hồng Y Dominik Duka, Tiệp Khắc; 1,484 giám mục, hiện còn lại 38 vị, trong đó tính cả Đức Giám Mục Phaolô Nguyễn Thái Hợp, O.P. vị Giám Mục Đa Minh Việt Nam duy nhất.

Tuy nhiên, chúng ta không nhìn vào hào quang quá khứ để tự mãn viển vông, nhưng để làm bàn đạp thăng tiến trong đời sống Đa Minh của mỗi người chúng ta. Đây là lý do số Chân Lý đặc biệt được gửi đến đại gia đình Đa Minh với những bài viết mang tính học hỏi về con người và cuộc sống của Cha Thánh, được nhìn từ những góc cạnh khác nhau trong Linh Đạo Đa Minh.

Đây là những bài chia sẻ giá trị giúp cho anh chị em Huynh Đoàn Đa Minh vào lúc Phụ tỉnh không thể tổ chức những khóa huấn luyện định kỳ cho các Huynh Đoàn. Hãy trân quý, in ra làm tài liệu học hỏi chung với nhau trong các buổi nguyệt hội hoặc chia sẻ trong các buổi họp trên mạng về gương sáng cầu nguyện, lòng yêu mến Thánh Thể, và lòng say mê rao giảng Tin Mừng của Cha Thánh, để chúng ta cũng nhau làm cho ngọn Đuốc Thiêng Đa Minh tiếp tục tỏa sáng mọi nơi mọi chốn, hoặc bất cứ nơi đâu có sự hiện diện của người giảng thuyết Đa Minh, dù trong gia đình hay ngoài xã hội, dù trong giáo xứ hay ngoài cộng đồng, đặc biệt nhất là đến với những người chưa có cơ may nhận biết Ánh Sáng Tin Mừng Chúa Kitô.



Hương Văn

# Ơn Toàn Xá Năm Thánh 800 Năm Sinh Nhật Thánh Đa Minh

Văn thư số: 769/20/1



TRỌNG KÍNH ĐỨC THÁNH CHA,

Tu sĩ Gerard Francisco Timoner III, Tổng quyền Dòng Anh em Giảng thuyết, nhân dịp các lễ trọng được cử hành để mừng 800 năm sinh nhật trên Trời của Thánh Đa Minh, từ ngày 06 tháng Giêng năm 2021 đến ngày 06 tháng Giêng năm 2022, xin bày tỏ tâm tình vâng phục và con thảo đối với Đức Thánh Cha và thỉnh cầu:

I.- Ơn Toàn xá với các điều kiện thông thường (xưng tội, rước lễ và cầu nguyện theo ý Đức Giáo Hoàng), có thể lãnh nhận mỗi ngày một lần đối với các tín hữu thật lòng sám hối, được đức mến thúc đẩy (ơn toàn xá này có thể dành cho các linh hồn trong luyện ngục):

a) mỗi lần các tín hữu sốt sắng hành hương viếng Vương cung Thánh đường Santa Sabina trên đồi Aventinô hoặc viếng Mộ Thánh Đa Minh tại Vương cung Thánh đường thuộc Tu viện Thánh Phụ Đa Minh ở Bologna, và dâng lời cầu nguyện khiêm tốn lên Thiên Chúa tại những nơi này, trong một khoảng thời gian thích hợp, cho lòng trung thành với ơn gọi Kitô hữu, cho đời sống thánh hiến, cho việc hoán cải của các tội nhân và sự lớn mạnh của Nước Chúa Kitô nơi trần thế, kết thúc bằng Kinh Lạy Cha, Kinh Tin Kính và lời khẩn cầu Đức Trinh Nữ Maria, Nữ Vương Rất Thánh Mân Côi;

b) mỗi lần các tín hữu thành tâm tham dự một cử hành kính Thánh Đa Minh tại các nhà thờ hay nhà nguyện của Dòng, đặc biệt vào ngày 06 tháng Giêng năm 2021 và 2022, khai mạc và bế mạc Năm Thánh, vào ngày 24 tháng 5 năm 2021, tưởng nhớ việc Cải táng Thánh Đa Minh dưới thời Đức Giáo Hoàng Gregoriô IX (1233), và vào ngày 04 tháng 8 năm 2021, mừng sinh nhật trên trời của Thánh Đa Minh.

II.- năng quyền cho các Giám chức là hồng y hay giám mục được ban Phép lành Tòa thánh kèm theo Ơn Toàn xá một lần trong cử hành mừng Năm Thánh trọng thể nhất, hầu các tín hữu, những người đã sẵn sàng như đề cập ở trên, sốt sắng lãnh nhận Phép lành. v.v.

Ngày 8 tháng 12 năm 2020

TÒA ÁN GIẢI TỐI CAO, do năng quyền nhận được từ Đức Thánh Cha Phanxicô, sẵn lòng chấp thuận các thỉnh nguyện, đồng thời khuyên tuân giữ những quy định lễ nghi về việc ban phép lành. Những người cao tuổi, các bệnh nhân và tất cả những ai vì lý do nghiêm trọng không thể rời khỏi nhà, vẫn có thể lãnh ơn toàn xá, khi bày tỏ quyết tâm chữa bỏ mọi tội lỗi và có ý thực hiện ba điều kiện thông thường sớm nhất có thể, nếu họ hợp ý cách thiêng liêng với các cử hành hoặc các cuộc hành hương, bằng cách dâng những kinh nguyện, các nỗi khổ đau hay những khó nhọc trong cuộc sống của mình cho lòng thương xót của Thiên Chúa qua bàn tay của Đức Maria. Để việc lãnh nhận ơn tha thứ của Thiên Chúa qua năng quyền của Giáo hội nên dễ dàng hơn nhờ đức ái mục tử, Tòa Án giải tha thiết kêu gọi các linh mục Dòng Anh em Giảng thuyết mau mắn và quảng đại ban Bí tích Hòa giải và thường xuyên trao Mình Thánh Chúa cho các bệnh nhân. Sắc lệnh này có hiệu lực trong suốt Năm Thánh. Những điều trái nghịch đều vô hiệu.

Hồng y MAURO PIACENZA  
Chánh án Tòa Án giải Tối cao

Linh mục KRZYSZTOF NYKIEL  
Thư ký



# Giới đên

## Anh Gerard Francisco Timoner, O.P.,

### Bè Trên Tổng Quyền Dòng Thuyết Giáo

**M**ười Giảng Thuyết Ân Sùng (Praedicator Gratiae): trong số các danh hiệu được gán cho Thánh Đa Minh, danh hiệu “Nhà Giảng Thuyết Ân sùng” nổi bật vì nó phù hợp với đặc sùng và sứ mệnh của Dòng do ngài thành lập. Trong năm này, kỷ niệm tám trăm năm ngày Thánh Đa Minh qua đời, tôi vui mừng cùng với các Tu sĩ Giảng Thuyết tạ ơn về thành quả thiêng liêng của đặc sùng và sứ mệnh đó, được thấy trong sự đa dạng phong phú của gia đình Đa Minh khi nó đã phát triển qua nhiều thế kỷ. Lời chào khẩn nguyện và lời chúc tốt đẹp của tôi xin gửi đến tất cả các thành viên của đại gia đình Đa Minh, nơi bao trùm đời sống chiêm niệm và công việc tông đồ của các nữ đan sĩ và các nữ tu, các huynh đoàn linh mục và giáo dân, các hiệp hội đời và các phong trào giới trẻ của gia đình này.

Trong Tông huấn Gaudete et Exsultate, tôi bày tỏ niềm xác tín rằng “mỗi vị thánh là một sứ mệnh, được Chúa Cha hoạch định để phản ánh và hiện thân, vào một thời điểm cụ thể trong lịch sử, một khía cạnh nào đó của Tin Mừng” (số 19). Đaminh đã đáp ứng nhu cầu cấp bách của thời đại không chỉ để rao giảng Tin Mừng một cách mới mẻ và sôi nổi, mà còn quan trọng không kém, để trở thành một nhân chứng thuyết phục cho những lời kêu gọi nên thánh trong sự hiệp thông sống động của Giáo Hội. Với tinh thần của tất cả việc cải cách thực sự, ngài tìm cách trở lại với sự nghèo nàn và đơn sơ của cộng đồng Kitô hữu sơ khai nhất, tập hợp xung quanh các tông đồ và trung thành với sự dạy dỗ của họ (xem Công Vụ Tông Đồ 2:42). Đồng thời, lòng nhiệt thành đối với việc cứu rỗi các linh hồn đã khiến ngài thành lập một đội ngũ những nhà thuyết giáo dân thân, những người có tình yêu với trang sử thánh và sự toàn vẹn của cuộc sống có thể soi sáng tâm trí và sưởi ấm trái tim bằng chân lý ban sự sống của Lời Chúa.

Trong thời đại của chúng ta, được đặc trưng bởi những thay đổi mang tính lịch sử và những thách thức mới đối với sứ mệnh phúc âm hóa của Giáo hội, do đó, Đaminh có thể trở thành nguồn cảm hứng cho tất cả những người đã được rửa tội, họ được gọi là môn đệ truyền giáo, tiếp cận mọi “vùng ngoại vi” của thế giới chúng ta bằng ánh sáng Tin Mừng và



tình yêu thương xót của Chúa Kitô. Khi nói về nhân quan hợp thời lâu dài và đặc sùng của Thánh Đa Minh, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI nhắc nhở chúng ta rằng “trong lòng Giáo hội, ngọn lửa truyền giáo phải luôn bùng cháy” (Audience, ngày 3 tháng 2 năm 2010).

Lời kêu gọi lớn lao của Đa Minh là rao giảng Tin Mừng về lòng Chúa thương xót trong tất cả chân lý cứu độ và sức mạnh cứu chuộc của Tin Mừng. Khi còn là một sinh viên ở Palencia, Đa Minh đã đánh giá cao việc không thể tách rời đức tin và lòng bác ái, sự thật và tình yêu, sự chính trực và lòng trắc ẩn. Như Chân phước Jordan thành Saxony đã nói với chúng ta, xúc động trước số đông người đang đau khổ và chết trong nạn đói nghiêm trọng, Đa Minh đã bán những cuốn sách quý của mình và với tấm lòng nhân từ mẫu mực đã thành lập một trung tâm bố thí, nơi người nghèo có thể được nuôi ăn (Libellus, 10). Việc ngài làm chứng cho lòng thương xót của Chúa Kitô và mong muốn mang lại sự chữa lành cho những người đang trải nghiệm cảnh nghèo khó về vật chất và tinh thần là để truyền cảm hứng cho việc thành lập Dòng của ngài, đồng thời định hình cuộc sống và việc tông đồ của vô số người Đa Minh trong những thời điểm và địa điểm khác nhau. Sự hợp nhất giữa chân lý và lòng bác ái có lẽ được thể hiện tốt nhất trong ngôi trường Đa Minh ở Salamanca, và đặc biệt là trong công trình của Tu sĩ Francisco de Vitoria, người đã đề xuất một khuôn khổ luật pháp quốc tế dựa trên nhân quyền phổ quát. Điều này nói chung đã cung cấp nền tảng triết học và thần học cho những nỗ lực anh dũng của các Tu sĩ Antonio Montesinos và Bartolome de Las Casas ở Châu Mỹ, và Domingo de Salazar ở Châu Á, để bảo vệ phẩm giá và quyền lợi của các dân tộc bản địa.

Sứ điệp Tin Mừng về phẩm giá con người bất khả xâm phạm của chúng ta với tư cách là con cái Chúa và các thành viên của gia đình nhân loại duy nhất thách thức Giáo hội trong thời đại của chúng ta, đề cập cố mỗi liên kết của tình bạn xã hội, vượt qua các cấu trúc kinh tế và chính trị bất công, và hoạt động cho sự phát triển toàn diện của mọi cá nhân và mọi người. Trung thành với ý muốn của Chúa và được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, những người theo Chúa Kitô được kêu gọi hợp tác trong mọi nỗ lực, “để sinh ra một thế giới mới, nơi tất cả chúng ta là anh chị em, nơi có chỗ cho tất cả những người mà xã hội của chúng ta loại bỏ, nơi công lý và hòa bình được tôn vinh”(Thông Điệp Fratelli Tutti, 278). Xin cho Dòng Giảng Thuyết, bây giờ như trước đây, đi đầu trong công cuộc loan báo Tin Mừng được canh tân, một công trình có thể nói lên tâm hồn của những người nam và nữ trong thời đại chúng ta và đánh thức nơi họ lòng khát khao triều đại thánh thiện, công lý và hòa bình của Chúa Kitô ngự đến!

Lòng nhiệt thành của Thánh Đa Minh đối với Tin Mừng và ước muốn có một đời sống tông đồ chân chính, đã khiến ngài nhân mạnh đến tầm quan trọng của đời sống chung. Một lần nữa, Chân phước Jordan thành Saxony nói với chúng ta rằng, khi thành lập Dòng của mình, Đa Minh đã chọn “để được gọi là Anh Đaminh, chứ không phải là phó bề trên” (Libellus, số 21). Lý tưởng của tình huynh đệ này là tìm cách diễn đạt dưới dạng bao gồm quản trị, trong đó tất cả được chia sẻ trong quá trình nhận thức và ra quyết định, phù hợp với vai trò và quyền hạn của mình, thông qua hệ thống công hội ở tất cả các cấp. Tiến trình “công nghị” này đã cho phép Dòng điều chỉnh cuộc sống và sứ mệnh của mình để thay đổi bối cảnh lịch sử trong khi vẫn duy trì sự hiệp thông huynh đệ. Chứng tá của tình huynh đệ phúc âm, như một bằng chứng tiên tri cho kế hoạch tối hậu của Thiên Chúa trong Chúa Kitô nhằm hòa giải và hiệp nhất toàn thể gia đình nhân loại, vẫn là yếu tố cơ bản của đặc sủng Đa Minh và là trụ cột trong nỗ lực của Dòng nhằm thúc đẩy việc canh tân đời sống Kitô hữu và sự truyền bá Phúc Âm trong thời đại của chúng ta.

Cùng với Thánh Phanxicô thành Assisi, Đa Minh hiểu rằng việc loan báo Tin Mừng, bằng lời nói và gương mẫu, đòi hỏi việc xây dựng toàn thể cộng đoàn Giáo hội trong sự hiệp nhất huynh đệ và tư cách môn đệ truyền giáo. Đặc sủng rao giảng của Đa Minh đã sớm tràn vào việc thành lập các ngành khác nhau của gia đình Đa Minh rộng lớn hơn, bao trùm tất cả thể trạng của đời sống trong Giáo Hội. Trong nhiều thế kỷ tiếp theo, nó được thể hiện một cách hùng hồn qua các tác phẩm của Thánh Catherine of Siena, các bức tranh của Chân phước Fra Angelico và các công việc từ thiện của Thánh Rosa of Lima, Chân phước John Macias và Thánh Margaret thành Castello. Vì vậy, trong thời đại của chúng ta, nó tiếp tục truyền cảm hứng cho công việc của các nghệ nhân, học giả, giáo viên và các nhà truyền thông. Trong năm kỷ niệm này, chúng ta không thể không nhớ đến những thành viên của gia đình Đa Minh mà cuộc tử đạo tự nó đã là một

hình thức rao giảng hùng hồn. Hoặc vô số người nam và nữ, những người noi gương sự đơn sơ và lòng trắc ẩn của Thánh Martin de Porres, đã mang lại niềm vui Tin Mừng cho các vùng ngoại biên của xã hội và thế giới của chúng ta. Ở đây tôi đặc biệt nghĩ đến lời chứng thầm lặng của hàng ngàn anh chị em Huynh Đoàn Đa Minh và các thành viên của Phong Trào Giới Trẻ Đa Minh, những người phản ánh vai trò quan trọng và thực sự không thể thiếu của giáo dân trong công cuộc loan báo Tin Mừng.

Nhân Năm Thánh kể từ ngày Thánh Đa Minh bước vào sự sống vĩnh cửu, cách đặc biệt, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đối với các Tu Sĩ Giảng Thuyết về những đóng góp xuất sắc của họ trong việc rao giảng Tin Mừng qua việc khám phá thần học về các mầu nhiệm đức tin. Bằng cách gửi những tu sĩ đầu tiên đến các trường đại học mới nổi lên ở châu Âu, Đa Minh thừa nhận tầm quan trọng thiết yếu của việc cung cấp các nhà giảng thuyết tương lai có một nền tảng thần học hoàn hảo và vững chắc dựa trên Kinh thánh, tôn trọng các câu hỏi được đặt ra bởi lý trí và chuẩn bị tham gia vào cuộc đối thoại có kỷ luật và tôn trọng để phục vụ sự mặc khải của Thiên Chúa nơi Đức Kitô. Hoạt động tông đồ trí thức của Dòng, vô số trường học và các viện học hỏi cao hơn, việc trau dồi các khoa học thánh và sự hiện diện của nó trong thế giới văn hóa đã kích thích sự gặp gỡ giữa đức tin và lý trí, nuôi dưỡng sức sống của đức tin Kitô giáo và nâng cao sứ mệnh của Giáo hội về việc thu hút tâm trí và trái tim đến với Đức Kitô. Về vấn đề này, tôi chỉ có thể làm mới lòng biết ơn của tôi đối với lịch sử phục vụ của Dòng đối với Tòa Thánh, ngay từ thời Đa Minh.

Trong chuyến viếng thăm Bologna cách đây năm năm, tôi đã được may mắn dành một chút thời gian để cầu nguyện trước ngôi mộ của Thánh Đa Minh. Tôi đã cầu nguyện cách đặc biệt cho Dòng Giảng Thuyết, cầu xin cho các thành viên của dòng ơn kiên trì trung thành với đặc sủng sáng lập của họ và với truyền thống huy hoàng mà họ là những người thừa kế. Để tạ ơn Thánh nhân về tất cả những điều tốt đẹp mà con cái của ngài đã đạt được trong Giáo hội, như một món quà đặc biệt, tôi đã cầu xin cho ơn gọi linh mục và tu sĩ của dòng gia tăng đáng kể.

Cầu chúc cho việc cử hành Năm Thánh tràn ngập ân sủng trên các Anh Em Giảng Thuyết và toàn thể gia đình Đa Minh, và mở ra một mùa xuân mới của Tin Mừng. Với lòng yêu mến cao cả, tôi khen ngợi tất cả mọi người tham gia việc cử hành Năm Thánh trước sự chuyển cầu đầy yêu thương của Đức Mẹ Mân Côi và Thánh Đa Minh, Thánh Tổ Phụ của anh chị em, và thân ái trao ban Phép lành Tòa Thánh của tôi như một lời cam kết của sự khôn ngoan, niềm vui và sự bình an trong Chúa.



**Phanxicô,**

*Roma, từ Vương Cung Thánh Đường John Lateran, 24 tháng 5, 2021.*



# Nhà Giảng Thuyết Ân Sủng và Ân Sủng Giảng Thuyết trong Giáo Hội

Ngày 24 tháng 5 năm 2021

*Kính Nhớ Ngày Cải Táng Cha Thánh Đa Minh của Chúng Ta.*

**G**ia đình Đa Minh vô cùng biết ơn Đức Thánh Cha của chúng ta, Đức Giáo Hoàng Phanxicô, đã viết về Nhà Giảng Thuyết Ân Sủng (Praedicator Gratiae,) lá thư đầy cảm hứng và khích lệ của ngài cho Dòng nhân kỷ niệm 800 năm ngày mất của Thánh Đa Minh thành Caleruega. Lời mở đầu (tiêu đề) của bức thư của Đức Thánh Cha nhắc lại sự kiện lịch sử khi Đức Giáo Hoàng

Honorius III xác nhận việc rao giảng là sứ mệnh của Dòng và đặt cho Đa Minh và các anh em của ngài ở Toulouse cái tên “những nhà thuyết giáo”. Đức Thánh Cha Phanxicô khẳng định trong lá thư của ngài rằng nhà giảng thuyết về ân sủng là một tước hiệu được quy cho Thánh Đa Minh “nổi bật vì sự phù hợp với đặc sủng và sứ mệnh của Dòng mà ngài thành lập” tức là ân sủng của việc rao giảng và rao giảng về ân sủng.



Chúng ta cảm ơn Đức Thánh Cha vì là Phêrô đối với chúng ta, vì đã củng cố đức tin cho chúng ta (Luca 22:32). Chúng ta cảm ơn Đức Thánh Cha Phanxicô đã có lời chào mừng gia đình Đa Minh. Chúng ta nhớ lại cách Đa Minh thành Caleruega và Phanxicô thành Assisi hóa thân vào tình anh em thánh thiện và tình bạn làm nền tảng của việc truyền bá phúc âm hóa vào thời đại của các ngài. Khi chúng ta cảm ơn Đức Thánh Cha Phanxicô vì sự quan tâm của người cha và sự gần gũi huynh đệ đối với Dòng, chúng ta cũng chào mừng ngài và Hiệp hội Chúa Giêsu (Dòng Tên) vào dịp kỷ niệm 500 năm sự cải đạo của Thánh Inhaxiô thành Loyola vào cùng năm của Chúa 2021. Thật tốt được biết rằng một khía cạnh quan trọng của khoảnh khắc hoán cải đầy ân sủng đó là câu hỏi thay đổi cuộc đời của thánh inhaxiô: “Nếu điều tôi nên làm là làm những gì Thánh Phanxicô hoặc Thánh Đa Minh đã làm?” Thật vậy, thật là kỳ diệu khi sự trùng hợp quan phòng của các năm thánh, người anh em của Ignatius, vị Giáo hoàng đầu tiên đã chọn tên là Phanxicô viết một bức thư cho gia đình của Đaminh!

Bằng cách bày tỏ “lời chào khẩn nguyện... đến tất cả các thành viên của đại gia đình Đa Minh, nơi bao trùm đời sống chiêm niệm và các công việc tông đồ của các nữ đan sĩ và các nữ tu, các huynh đoàn linh mục và giáo dân, các hiệp hội đời và các phong trào giới trẻ của dòng”, Đức Thánh Cha công nhận rằng thực tế gia đình của các nhà thuyết giáo bao gồm tất cả các thể trạng của cuộc sống trong giáo hội. Do đó, các tác phẩm của các

học giả, nhà thơ và nhà thần bí cũng như các tác phẩm nghệ thuật, công việc bác ái và lòng thương xót của các thành viên thuộc các ngành khác nhau của gia đình được thừa nhận như các hình thức hoặc “thể loại” của việc rao giảng. Đáng chú ý là, các thành viên của gia đình Đa Minh mà tiếng nói của họ đã bị câm lặng do việc từ đạo, được công nhận là đã cung cấp cho chúng ta một hình thức rao giảng hùng hồn phi thường nhất.

“Nói với Thiên Chúa hoặc về Thiên Chúa”, Thánh Đa Minh thể hiện sức mạnh tổng hợp của chiêm niệm và hành động, đồng thời là gương mẫu của một môn đệ-truyền giáo (disciple-missionary,) được kêu gọi đi theo và được sai đi rao giảng con đường Tin Mừng. Điều đáng suy ngẫm là Đức Thánh Cha sử dụng thuật ngữ nhà truyền giáo-môn đệ (missionary-disciple) để thay thế. Có lẽ, Đức Thánh Cha Phanxicô đang mời gọi chúng ta nhận ra rằng Thiên Chúa sai chúng ta đi truyền giáo cũng chính là Thiên Chúa hiện diện khắp mọi nơi và không ngừng mời gọi chúng ta bước theo Ngài như những môn đệ.

Br. Gerard Francisco Timoner III, O.P.  
Bề Trên Tổng Quyền



***Văn Phòng Phụ Tỉnh Đa Minh Việt Nam Hải Ngoại  
Hương Văn lược dịch***



# *Đồng Bàn Với* **Thánh Đa Minh** và “*được no say yến tiệc nhà ngài.*”

**N**ăm thánh kỷ niệm 800 năm sinh nhật trên trời của Thánh Đaminh (6/1/2021 – 6/1/2022) được cha nguyên Tổng quyền Bruno Cadore khởi xướng qua văn thư ký ngày 6 tháng 8, 2018. Để chính thức bước vào thời gian chuẩn bị Năm thánh, vào ngày 31 tháng 1, 2020, cha Tân Tổng Quyền Gerard Timoner đã công bố chủ đề Năm thánh: ‘Đồng Bàn Với Thánh Đaminh’. Chủ đề được gợi hứng từ bức họa trên mặt bàn ăn của tu viện ở Mascarella (được thành lập năm 1218) họa lại cảnh Thánh Đaminh cùng đồng bàn với 48 anh em.

Với chủ đề này, mọi thành phần trong đại gia đình Đaminh đều được mời ‘Đồng Bàn Với Thánh Đaminh’, và như vậy, chúng ta cũng được đồng bàn với các ‘Phúc Nhân’ của Dòng. Chắc chắn bàn tiệc này sẽ tràn ngập những tiếng cười và người dự tiệc sẽ được thưởng nếm những món ăn mỹ vị và thức uống làm hoan lạc lòng người như lời Thánh Vịnh: “Họ được no say yến tiệc nhà Ngài, nơi suối hoan lạc, Ngài cho uống thỏa thuê” (Tv 36:9). Nơi bàn tiệc này, chúng ta được ‘no thỏa và say xin’ cùng với các huynh đệ, tử muội của Gia đình Đaminh.

Tại Bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu đã ‘ăn bánh’ và ‘uống rượu’ với các môn đệ; chính trong bữa tiệc này và với hai chất liệu này, Ngài đã để lại cho Giáo Hội bí tích Thánh Thể là Mình và Máu Chúa (Mt 26: 26-29). Khi còn tại thế, mỗi khi dùng bữa với anh em, thánh

Đaminh muốn không những có bánh ăn mà còn có rượu uống. Khi thiếu bánh, ngài đã ‘làm như thầy Giêsu’: cầu nguyện rồi bẻ bánh và phân phát cho các anh em ăn và họ đã được no thỏa; khi thiếu rượu, ngài cũng tìm cách có thêm cho anh em: “Một dịp nọ cha Đaminh cùng với nhiều anh em đang đi trong vùng Toulouse, và họ chỉ còn duy một bình rượu để dùng trong bữa trưa. Cha Đaminh cảm thấy thương một vài anh em trước đây ở ngoài thế gian sung sướng nay phải khổ; bởi thế, cha bảo họ đổ phần rượu ít ỏi của mình vào trong một cái bình lớn và đổ thêm nước vào. Tám anh em đã uống no thỏa phần nước được biến thành rượu ngon này, và vẫn còn phần rượu dư.”

Đó là với ‘con trai’, với ‘con gái’ của mình, thánh Đaminh cũng làm như thế. Chân Phước Cecilia kể: “Một buổi chiều nọ thánh Đaminh cùng với một số các anh em đến thăm tu viện của các sơ, và ngài đến khá trễ. Các nữ tu đã lên giường nghỉ. Nhưng khi chuông báo, các chị rời khỏi phòng và quy tụ trong nhà nguyện để gặp thánh Đaminh. Tại đây, ngài đã giảng cho các chị và hôm đó ngài nói khá lâu. Giảng xong, ngài nói: ‘Các con thân mến, giờ đây chúng ta nên có cái gì để uống chứ’. Thế rồi ngài truyền cho anh Roger, người trông coi hầm rượu, lấy rượu và ly lên. Ngài rót rượu và uống. Sau đó ngài nói: ‘Giờ đây ta muốn các con cũng uống’. Tất cả các chị đều uống và uống bao nhiêu tùy ý, vì Thánh Đaminh khuyến khích và cho phép họ. Ngài cứ nói: “Các con hãy uống, hãy uống tận tình”. Hôm ấy có khoảng 104 nữ tu và tất cả đều uống thỏa thích!”

Kinh thánh dạy: “Rượu nồng sinh nhạo báng, men say tạo ồn ào, kẻ nào vương vào đó, đâu còn là người khôn” (Châm Ngôn 20: 1) và “Chớ say sưa rượu chè, vì rượu chè đưa tới truy lạc” (Eph 5:18a). Vậy mà Thánh Đaminh vẫn muốn thù tiếp anh chị em với rượu ngon; bởi vì thánh Phụ chú ý đến nhu cầu của con cái mình và

biết chính Thầy Giêsu cũng đã làm ra hơn 480 lít rượu tại tiệc cưới để khỏi làm cô dâu chú rể bê mặt (Ga 2:1-11); và có lẽ ngài cũng rõ những lời Tv 104: “Từ ruộng đất, họ kiếm ra cơm bánh, chế rượu ngon cho phần khởi lòng người, xúc dầu thơm cho gương mặt sáng tươi, nhờ cơm bánh mà no lòng chắc dạ” (14c-15).

Chúng ta biết nhân đức thì ở giữa, không thái quá cũng chẳng bất cập; do đó, điều độ và chừng mực là tiêu chuẩn cần theo. Chính tác giả sách Huân Ca cũng đồng ý với điều đó: “Rượu đem lại cho con người sức sống, nếu biết uống có chừng có mực.” Rồi lập tức tác giả tiếp: “Sống không có rượu thì sống làm chi? Rượu đã được tạo thành cho người ta phần khởi. Tâm hồn sung sướng, lòng dạ hân hoan, nếu uống rượu đúng thời đúng mực” (31: 27-28). Vậy khi được mời vào ‘hương niềm vui của Chúa’ (Mat 25:21) và được ‘Đồng bàn với Thánh Đaminh’ chúng ta phải uống tận tình và chén thù chén tạc cho thỏa thích với các anh chị em tỳ muội của gia đình Đaminh.

Ngôn sứ Isaia đã diễn tả món ăn và thức uống trong bữa Tiệc Cánh Chung như sau: “Ngày ấy, trên núi này, Đức Chúa các đạo binh sẽ đãi muôn dân một bữa tiệc: tiệc thịt béo, tiệc rượu ngon, thịt béo ngậy, rượu ngon tinh chế” (Isa 25:6). ‘Rượu ngon tinh chế’ các anh chị em Đaminh ưa chuộng là thứ rượu gì?

Hôm nay, chúng ta hãy tìm hiểu thứ ‘rượu’ mà các ‘con gái’ của cha Đaminh ưa chuộng. Một gương mặt nổi

bật trong số ‘con gái’ của thánh Đaminh, đó là thánh Catarina Siena, mà Giáo hội vừa mừng kính ngày 29/4 vừa qua. Chị cùng với thánh Têrêsa Avila là 2 nữ tiến sĩ đầu tiên của Giáo Hội (4/10/1970). Thật ngạc nhiên, qua các bút tích để lại, chị Thánh có nói về thứ ‘rượu’ mà chị ưa thích và làm chị ‘say xin’.

Chị thánh Catarina nói rất nhiều về Máu Thánh Chúa. “Máu Thánh làm cho linh hồn say sưa và thiêu đốt nó bằng lửa của đức ái. Linh hồn nhận được lương thực là bí tích mà Cha đã để lại trong nhiệm thể Chúa Kitô là Hội Thánh. Bí tích này là Mình và Máu Con Cha, Thiên Chúa thật và là người thật, Cha đã trao việc ban phát bí tích này vào tay người thay mặt Cha, kẻ giữ chìa khóa của kho châu báu này. Đó là lũ quán mà Cha đã nói với con, lũ quán được đặt trên cầu để bồi dưỡng các khách lũ hành, tăng sinh lực cho những khách bộ hành đi theo giáo lý của Đấng Chân Lý của Cha, để họ khỏi ngã quỵ vì kiệt sức.” Máu Thánh Chúa là ‘thức uống’ dành cho mọi linh hồn trên con đường lũ hành đến gặp Chúa chứ chưa phải là ‘rượu tinh chế’ rất được chị Thánh ưa thích.

Trong lá thư gửi cho cha Bartolomeo Dominici, O.P., thánh nữ có nói đến một thứ “rượu làm cho linh hồn say khướt đến độ càng uống thì càng muốn uống thêm. Rượu này chính là sự hiểu biết sống động về Tình Yêu Thiên Chúa”. Chị Thánh cũng nói đến Bữa Tiệc Phục Sinh chị muốn cử hành và rượu tại bữa tiệc này chính là từ cạnh sườn mở toang của Con Thiên Chúa, ám chỉ



Gioan 19:34: “Họ đâm vào cạnh sườn Người, tức thì máu và nước trào ra.” Đối với Catarina, sự kiện này là nền tảng cho niềm tin và hy vọng của chị vì là bằng chứng cụ thể và rõ ràng về Tình Yêu Thiên Chúa. Chị Thánh còn mời gọi anh chị em: “Hãy hành xử như người uống thật nhiều và say xin, mất kiểm soát chính mình và không còn thấy mình nữa.” Với thánh Catarina, chúng ta cần tỉnh táo để nhận biết những giới hạn, những yếu đuối của mình; nhưng chúng ta cần say xin để loại bỏ mọi lạnh giá, thờ ơ, nguội lạnh ngõ hầu có thể hoàn toàn nghiện ngập Lời Chúa và hằng say rao giảng Lời.

Như vậy, ‘Say Thánh’ mà thánh Catarina đề cập đến không phải là sự hưng phấn tạm thời của men rượu hay sự mơ màng của tâm trí, nhưng là sự say sưa thiêng liêng, và chất men làm ta say khướt chính là Tình Yêu Thiên Chúa.

Một ảnh hưởng rõ ràng của men rượu là làm cho người uống thêm can đảm. Vì thế, khi viết về Maria Magdalena, Catarina nói: “Maria Magalena đã không suy nghĩ, không lo lắng bất cứ điều gì ngoại trừ làm thế nào để theo Đức Kitô... Cô ấy chẳng khác gì một thiếu phụ say mèm... Suy nghĩ của cô chỉ là làm sao để tìm thấy và đi theo Thầy... Cô đã không sợ người Dothái, cũng chẳng lo nghĩ cho chính mình. Như một người điên cuồng vì yêu, cô đã chạy và đã ôm lấy Thánh Giá. Hỡi Maria, chắc chắn cô đang say tình! Như là một dấu hiệu say tình... cô đã thể hiện ra bằng hành động... Sau khi Chúa sống lại, cô đã rao giảng Tin mừng ấy.”

Chúng ta thường nghĩ ‘say tình’ diễn tả tình yêu nồng nàn và say đắm của chị Thánh đối với Chúa và dành cho Chúa. Với Catarina, đó chỉ là một phần và là phần của con người. Say tình còn được chị Thánh nói về phần Chúa ‘say mê’ con người, muốn sự thiện hảo tuyệt vời nhất cho con người: ơn cứu độ và hạnh phúc vĩnh hằng. Khi suy niệm về mầu nhiệm Nhập thể, thánh nữ thốt lên: “Lạy Chúa Ba Ngôi Cao Cả Hằng Hữu, Chúa hành động như thể Chúa đang say tình, đang mê đắm cuồng dại các vật được Chúa tạo thành... Ngài là sự ngọt ngào lại cúi xuống hoà mình với nỗi cay đắng của chúng con. Ngài là sự huy hoàng lại trà trộn với đen tối; khôn ngoan chìm mình với khờ dại, sự sống với sự chết, vô cùng với hữu hạn. Điều gì đã thúc Chúa phải làm như thế?” Ngôn ngữ của chị Thánh trở nên sôi động hơn khi nói về mầu nhiệm Thập giá: “Lạy Tình Yêu vô giá, Ngài đã chứng tỏ ước muốn nồng cháy của Ngài khi Ngài chạy như một người say xin mù quáng đến nhận lấy sự nhục nhã của thập giá. Người mù không thấy và người say cũng vậy. Đức Kitô, giống như người mù loà và say

xin, đánh mất chính mình vì ơn cứu độ của chúng ta.” Ở nơi khác, chị Thánh thốt lên: “Hỡi Người yêu điên dại, tại sao Người lại điên đến thế? A, vì Người đã say đắm kẻ Người đã tạo thành. Chính Người vui thích vì hẳn, tựa như Người say xin vì ơn cứu độ của hẳn. Hẳn rời bỏ Người thì Người lại chạy đi tìm hẳn. Hẳn làm lạc thì Người lại kéo hẳn lại gần hơn. Người đã mặc lấy thân phận phạm nhân của chúng con.” Chị Thánh đã kết thúc cuộc “Đổi Thoại” với lời sau đây: “Thêm một lần nữa, tôi thấy linh hồn mình bị say khướt! Tạ Ơn Chúa!”

Theo đó, ‘rượu tinh chế’ của Chị thánh Catarina chính là ‘Tình Yêu Chúa’ (của Chị dành cho Chúa) và ‘Tình Chúa Yêu’ (của Chúa dành cho Chị và nhân loại). Thường thức rượu này làm chị ‘xin’ nhưng không ‘say sưa’ để chỉ nhốt mình trong phòng riêng mà lại tạo thêm sinh lực để chị dẫn thân phục vụ tha nhân và Giáo hội. “Như người ta không thể đi bằng một chân, hoặc con chim không thể bay với một cánh, thì chị không thể nào yêu mến được nếu chị cố gắng yêu mến Thiên Chúa là Đấng vô hình mà lại không thông qua những anh chị em hữu hình của mình... Catarina dẫn thân vào công việc bác ái ở trong và gần nhà, quan tâm đến những nhu cầu của người nghèo và người đau ốm; tuy nhiên, việc tiếp xúc với tha nhân vẫn khiến cho chị cảm thấy mất mát một cách sâu sa nên mỗi khi có thể, chị lại quay về phòng để ở một mình với Chúa Kitô. Chị nói: Tình yêu sâu sa của chị đối với tha nhân không làm hại ai, vì chị đã mua họ với giá cao nhất: “Vì họ, tôi đã phải xa lìa Thiên Chúa.”

Chị thánh Catarina đã say xin vì Tình Chúa và đã bay bằng đôi cánh: Yêu-Chúa và Chúa-Yêu: Yêu mến Thiên Chúa với một tình yêu vô vị lợi bằng cách vươn tới tha nhân, yêu thương họ mà không cần họ yêu thương mình, và yêu thương họ chính vì Thiên chúa yêu thương họ.

‘Rượu tinh chế’ này, chúng ta, những người em của Chị Thánh, sẽ được thưởng nếm khi chúng ta ‘Đồng Bàn với Thánh Đaminh’. Nhưng hôm nay và tại nơi đang sống, đang hoạt động, chúng ta hãy ‘nấu rượu Yêu-Chúa Chúa-Yêu’ để đem đến thù tiếp Thánh Phụ Đaminh, các Anh Thánh: Albertô Cả, Tôma Aquinô, Martinô, Vinhson Liêm, các Chị Thánh: Catarina, Rosa Lima, Elizabeth Hungary và toàn thể các huynh đệ tị muội trong Đại Gia Đình Đaminh của chúng ta.

**Ts. Giuse Trần Trung Liêm, O.P.**  
**Tu Xá Thánh Phụ Đaminh, Houston, Texas, USA**



# Thánh Đa Minh

## Ánh Sáng của Giáo Hội



*Lm Nguyễn Tất Thắng OP*

### 1. Thánh Đa Minh trong giai đoạn chuẩn bị

Đa Minh Guzman sinh năm sinh ngày 24.6.1170 tại Caleruega, giáo phận Osma, Tây Ban Nha. Thân phụ là bá tước Felix Guzman. Thân mẫu là chân phước Gioanna Aza. Thân mẫu Đa Minh chiêm bao thấy mình mang thai một con chó nhỏ ngậm bó đuốc cháy rực chạy đi thiêu đốt khắp cả thế giới. Sau này, bà còn nhìn thấy trên trán cậu con trai một vầng trăng (hay một ngôi sao) sáng ngời. Năm 1177, Đa Minh được chăm sóc và hướng dẫn hướng tới chức linh mục do chính cậu ruột là linh mục hạt trường Gumiel. Năm 1184 cậu học các khoa “nghệ thuật tự do” và khoa Thần học, đặc biệt là Kinh Thánh. Trong những năm theo học tại Palencia, xảy ra một nạn đói khủng khiếp và nạn dịch lan tràn khắp Tây Ban Nha. Đa Minh bán hết sách vở và các đồ dùng để lập một quỹ bố thí để trợ giúp người nghèo trong thời gian cấp thiết. Các giáo sư và sinh viên cũng cộng tác với sáng kiến của Đa Minh. Đây cũng được coi là kinh nghiệm đời đời của Đa Minh để trở về căn tính của Tin Mừng.

Đức Giám Mục Điêgô của giáo phận Osma muốn qui tụ những người đạo đức và có khả năng để sống theo luật

thánh Âu-tinh. Năm 1194 Đa Minh được thụ phong linh mục và làm giáo sư Thánh Kinh tại đại học Palencia. Năm 1198 Người gia nhập đoàn kinh sĩ giáo phận, sau đó giữ chức vụ Bê trên Phó đoàn kinh sĩ. Qua sự quan phòng của Chúa, ĐGM Điêgô trở thành người cha và người bạn của Đa Minh trong việc canh tân đời sống linh mục tại giáo hội địa phương ở Osma và thành lập nhóm giảng thuyết trong giáo hội hoàn vũ. Đa Minh luôn đồng tâm nhất trí và đồng hành với ĐGM Điêgô trên mọi nẻo đường tông đồ. Đa Minh đã được báo mộng như ngọn lửa của Tin Mừng tại Ca-lê-ru-ê-ga, Người đã tìm thấy ánh sáng của Tin Mừng tại Palencia và đã khám phá lòng khao khát rao giảng Tin Mừng tại Osma. Đa Minh dành nhiều thời giờ học hỏi Lời Chúa cũng như cầu nguyện liên tục ngày đêm “để nói với Chúa” trong tinh lặng. Trong những năm chuẩn bị cho sứ vụ giảng thuyết sau này, Đa Minh đã chuyên cần học hỏi và cặn kẽ thực hành Lời Chúa (Lc 11,28) trong chính cuộc đời mình. Đa minh thường mang theo sách phúc âm theo thánh Mát-thêu, các thư thánh Phaolô và sách các giáo phụ.

Năm 1203, Đa Minh tháp tùng ĐGM Điêgô lo việc hôn nhân cho Hoàng tử Ferdinand với Công Chúa nước Đan Mạch thuộc vùng Bắc Âu. Khi đến Toulouse, Đa Minh biết được người chủ quán trọ đã bị lạc giáo Albi chiêu dụ. Nhóm Albi chủ trương nơi con người có hai thái cực: tốt do Chúa tạo nên, xấu do Satan chiếm đoạt. Để loại trừ Satan, con người cần diệt dục, không nên lấy vợ, lấy chồng, không ăn thịt, cá và chỉ ăn rau cỏ. Cuộc sống càng đơn sơ, càng trở về với thiên nhiên càng tốt. Họ chối bỏ Ba Ngôi Thiên Chúa. Nhóm Albi ăn mặc đơn sơ và đi chân không trong khi các giám mục và tu sĩ Xitô ăn mặc sang trọng. Suốt đêm, Đa Minh kiên trì dùng lý lẽ thuyết phục ông. Nhờ Chúa Thánh Thần tác động, Người đã đưa ông trở về với đức tin. ĐGM Điêgô và Đa Minh ao ước đi loan báo Tin Mừng cho những người Cumans ở miền xa xôi nhưng ĐGH Innôxentê III muốn các vị chinh phục lạc giáo Albi. Có thể nhận thấy

rằng tình yêu của Đức Kitô thúc bách, mời gọi Đa Minh chia sẻ hoa trái của Lời Chúa và dẫn thân chính mình cho sứ vụ giảng thuyết Lời Chúa khắp nơi (2Cr 5, 14). Qua kinh nghiệm cải hóa người lạc giáo trở về chân lý, Đa Minh đã cảm nhận được hứng khởi “nói về Chúa” với mọi người qua giảng thuyết.

Năm 1206, Đa Minh được phái đến giảng thuyết tại miền Toulouse nước Pháp để chống lại giáo phái Catari (cũng được biết dưới tên Albigensi vì họ xuất thân từ thị trấn Albi ở miền Nam nước Pháp) đang gây nhiễu loạn. Bằng nếp sống thanh bần theo tinh thần Phúc Âm và bằng đối thoại huynh đệ trong khi tranh luận về giáo lý, Đa Minh đã đưa những người thuộc bè rối trở về với đức tin chân thật của Giáo Hội.

## 2. Thánh Đa Minh lập Dòng Giảng Thuyết

Trong lá thư 17.11.1206, ĐGH Innôxentê III chính thức ủy nhiệm cho các nhà giảng thuyết hãy mau mắn đến với những người lạc giáo “bằng cách noi gương nghèo khổ của Đức Kitô nghèo khổ, đến với những người hèn mọn bằng tinh thần khiêm tốn cùng với nhiệt tâm của Chúa Thánh Thần”. Các nhà giảng thuyết tổ chức nhiều cuộc tranh luận tại thành phố và làng mạc ở miền Nam nước Pháp, nhằm đương đầu với giáo phái Albegeois. Sau cuộc tranh luận kéo dài nhiều ngày tại Fanjeaux, hai bên không nhất trí với nhau về giá trị những bàn luận trong giáo lý, trọng tài quyết định đưa vấn đề ra trước “sự phán xét của Thiên Chúa”. Sau ba lần ném vào lửa, tập sách của “Đa Minh, người của Thiên Chúa” không hề hấn gì, còn bản văn của lạc giáo thì bị thiêu hủy tức khắc. Trước khi trở về Tây Ban Nha, ĐGM Điêgô trao cho Đa Minh trách nhiệm coi sóc các nhà giảng thuyết về mặt tinh thần và giao cho một tu sĩ Xitô trách nhiệm về vật chất. Vào năm 1206, ĐGM Điêgô cũng thiết lập một nữ đan viện tại Prouille, để thu nhận một số phụ nữ quý phái bị cha mẹ trao cho lạc giáo huấn luyện và giáo dục. Khi Đa Minh là người bảo trợ và nhà lập pháp của đan viện này, cha đã muốn các nữ tu này trợ lực sứ vụ giảng thuyết của anh em. Cha coi trọng phần đóng góp của phụ nữ trong việc truyền bá Tin Mừng của Dòng. Sau đó, ĐTGM của Narbonne là Bérenger đã nhường các lợi tức của nhà thờ Prouille cho nữ đan viện.

Tại Montréal vào mùa xuân 1207, các nhà truyền giáo đã tranh luận 15 ngày với Guilabert de Castre, “Giám mục” phái Cathares ở Toulouse và những người lạc giáo nổi tiếng khác. Như thế, nhóm “thánh thuyết” (holy preaching) được thành hình với sự góp sức của

12 Đan Viện Phụ Dòng Xitô vào tháng 4 năm 1207. Các nhà giảng thuyết đi bộ từng hai người một, rao giảng Tin Mừng tại Narbonne. Sau khi giải tán nhóm giảng thuyết Xitô và củng cố nữ đan viện, Đa Minh ở lại một mình tại vùng lạc giáo Fanjeaux trong 10 năm để rao giảng Lời Chúa. Ước vọng duy nhất của Người là rao giảng chân lý để cứu độ mọi người. Đa Minh lo lắng đến phần rỗi của những người lạc giáo vì hoàn cảnh thiếu thốn vật chất nên gia nhập phái Catari. Người muốn bán mình để có thể giúp đỡ họ nhưng Chúa đã không để xảy ra.

Khi rao giảng Tin Mừng, Đa Minh mời gọi những người gặp gỡ Người chia sẻ nếp sống tu trì với Người để hiến thân trong việc “rao giảng Chúa Kitô”. Năm 1215, ĐGM Foulques địa phận Toulouse châu phê việc thành lập Nhóm Giảng Thuyết. Đa Minh khởi sự đời sống tu trì tại căn nhà của Pierre Seilhan ở Toulouse. Có hai tu sĩ tiên khởi xuất sắc tên là Thomas và Seila nhập Dòng tháng 4 năm 1215 với lời hứa tu trì trong tay Cha Đa Minh. Họ bắt đầu thực hành các cấp độ khiêm nhường và thích ứng với những tập tục tu trì. Họ sống truyền thống đan tu theo quy luật thánh Biển Đức, cử hành Giờ Kinh Phụng Vụ, chia sẻ mọi của cải, lương thực, sách vở và lợi tức do ĐGM Foulques nhường lại cho nhóm. Từ đời sống kinh sĩ tiến lên đời sống tông đồ, Đa Minh muốn lãnh nhận cho mình và cho Dòng nhiệm vụ giảng Lời Chúa, một nhiệm vụ thời ấy dành riêng cho các giám mục.

ĐGM Foulques đi dự Công đồng Latêranô IV do ĐGH Innôxentê III triệu tập nên Đa Minh cũng tháp tùng để xin chuẩn y cho một Dòng sẽ được gọi là “Dòng Giảng Thuyết”. ĐGH Innôxentê chấp thuận thỉnh nguyện này và chỉ thị cho anh em chọn một Tu luật đã được Tòa Thánh châu phê. Từ Roma trở về, anh em chọn Tu luật thánh Âu tinh và tuyên khấn giữ Tu luật đó. ĐGM Foulques chọn nhà thờ Saint Romain để anh em xây cất một tu viện. Cuối năm 1215, tu viện ở Saint Roman có 16 anh em. ĐGH Innôxentê qua đời vào mùa hè năm 1216. ĐGH Hônôriô III kế vị đã dành nhiều tình cảm với anh em. Người châu phê Dòng Giảng Thuyết qua sắc lệnh ngày 22.12.1216 và bảo đảm về sứ mạng phổ quát “giảng thuyết” của Dòng trong toàn thể Giáo Hội qua sắc lệnh ngày 18.1.1217. Tin tưởng vào ơn Chúa và sự bảo trợ của Đức Trinh Nữ Maria, chính Đa Minh quyết định gửi 16 anh em tiên khởi đến các thành phố lớn để “Học tập, rao giảng và lập tu viện” dịp lễ Đức Mẹ lên trời 15.8.1217. Anh em được học tập ở Paris và Bologna, là những trung tâm học vấn quan trọng thời

đó. Cha Đa Minh dành cho mình sứ vụ nặng nề tại miền Bắc Ý, nơi đang bị giáo phái Catari đầu độc. Dòng Anh Em Giảng Thuyết Giáo chính thức được thành lập như một nếp sống tu trì tông đồ và như một thể chế mới trong Giáo Hội. Trao quyền giảng thuyết cho tu sĩ là một cách mạng to lớn trong Giáo Hội thời đó vì khi đó chỉ các giám mục trở lên mới có quyền giảng thuyết về đạo lý.

Đa Minh trở lại Roma lần thứ tư để nhờ ĐHY Hugolin xin ĐGH ban hành một sắc lệnh giới thiệu Dòng với tất cả Giám mục. Ngày 12.5.1220, ĐGH Hônôriô III gửi một lá thư đến các Bề trên Dòng khác nhau, giới thiệu rằng Giáo triều đã trao cho Dòng Anh Em Giảng Thuyết sứ vụ quan trọng là rao giảng chống lại các lạc giáo. ĐGH mong ước các Bề Trên cộng tác với nhau nhưng vẫn giữ nét riêng của mỗi Dòng. Trước đây, ĐGH trao công việc này cho Viện Phụ Xitô ở Albi và nay lại trao cho Đaminh ở Italia sau 15 năm. Cha Đa Minh đi Roma để tường trình với ĐGH về những hoạt động của Người. Người sai anh em đến Bologna là một thành phố có đại học danh tiếng. Dòng đón nhận nhiều ơn gọi nên phải thích nghi và tổ chức Dòng thành những Tỉnh Dòng qua các Tổng Hội 1220 và 1221. Sau lần giảng thuyết tại Lombardia, Đa Minh qua đời tại Bologna ngày 6.8.1221. Dòng đã có 20 tu viện với 300 tu sĩ. Gia sản Cha để cho anh em : “Hãy sống bác ái, khiêm tốn, và khó nghèo tự nguyện” Cha đã muốn được mai táng dưới chân anh em tại nhà thờ thánh Nicôla delle vigne (Bologna).

Nhiều người đã quả quyết rằng họ nhận được ơn nhờ lời cầu nguyện của cha nhưng các tu sĩ đã không công nhận. Ngày 24 tháng 5 năm 1233, theo ý ĐGH Grêgôriô IX, thi hài cha thánh Đa Minh được dời sang một ngôi mộ bằng cẩm thạch, trước sự hiện diện của ĐTGM Têđôricô của Ravenna và là Đặc sứ của ĐGH. Tham dự cuộc lễ này còn có cha Giôđanô, Bề trên Tổng quyền, và nhiều anh em đang dự Tổng hội Dòng ở Bologna. Trong khi dời thi hài, hương thơm lạ lùng từ hài cốt thánh Đa Minh toả ra minh chứng cho mọi người biết rõ thánh nhân là hương thơm của Chúa Kitô. ĐTGM cử hành thánh lễ cùng cộng đoàn xướng bài ca nhập lễ: ‘Các ngươi hãy hân hoan lãnh nhận vinh quang của các ngươi’. Đó là khởi đầu cho cuộc điều tra phong thánh cho Đa Minh. Sau khi kết thúc điều tra, ĐGH Grêgôriô IX, bạn thân của Cha Đa Minh từ khi còn là Hồng y ở Ostia Tiberina, đã tôn phong Người lên bậc hiển thánh ngày 3.7.1234.

### 3. Thánh Đa Minh trong lòng Giáo Hội

Trong thánh lễ tôn kính Thánh Đa Minh ngày 8.8 mỗi năm, Giáo Hội cầu nguyện: “Lạy Thiên Chúa toàn năng, Chúa đã cho xuất hiện trong Hội Thánh một tông đồ nhiệt tâm truyền giảng chân lý là thánh Đa Minh. Xin nhận lời thánh nhân hằng tha thiết chuyển cầu, mà ban cho Hội Thánh luôn tiến triển nhờ công đức và lời giảng dạy của người.” Giáo Hội ca ngợi thánh Đa Minh vì Người ở giữa lòng Giáo Hội. Người phục vụ Giáo Hội. Người giảng thuyết nhân danh Giáo Hội.

#### 3.1. Tông đồ Tin Mừng

Trong 6 cuộc hành trình đến Roma, thánh Đa Minh đã đến kính viếng mộ thánh Phêrô và đã nhận được thị kiến quan trọng. Chính Chúa Kitô đã xây dựng Giáo Hội trên tảng đá Phêrô và chính Chúa đã trao sứ vụ giảng thuyết cho thánh Đa Minh qua hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô. “Một ngày kia, Thánh Đa Minh tôi tới của Chúa ở trong nhà thờ thánh Phêrô Tông đồ ở Roma, Người cầu nguyện trước thánh nhan Chúa để xin cho Dòng được tồn tại và phát triển khắp nơi. Người đưa tay hướng thẳng về Chúa và khóc lóc. Và kia, bàn tay của Chúa đặt xuống trên Người. Lập tức, Người được thị kiến thấy hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô vinh hiển đến với Người. Trước tiên thánh Phêrô như đang trao cho Người một cây gậy và thánh Phaolô trao cho Người quyền sách [Tin Mừng] và nói: Con hãy đi và giảng dạy, bởi vì con đã được Chúa tuyển chọn để thực thi nhiệm vụ này”. Rồi trong chốc lát, Người nhìn thấy tất cả con cái của Người từng hai người một ra đi khắp thế giới để rao giảng Lời Chúa cho các dân tộc”.

Hai thánh tông đồ cột trụ Phêrô và Phaolô đã khẳng định với thánh Đa Minh sứ vụ giảng thuyết của Người và nhờ Người Dòng Anh Em Giảng Thuyết được thành lập trong Giáo Hội. Theo gương cha thánh Đa Minh, cây gậy và cuốn sách là hai dấu hiệu của anh em giảng thuyết lữ hành nhận mệnh lệnh của Giáo Hội đi rao giảng khắp nơi. Như vậy, anh em Dòng Giảng Thuyết liên kết với Giáo Hội trong sứ vụ giảng thuyết và thực thi việc giảng thuyết nhân danh Giáo Hội. Trong sắc lệnh châu phê Dòng Anh Em Giảng Thuyết, ĐGH Hônôriô III viết: Chúng tôi đặt dưới sự bảo trợ của thánh Phêrô và của thánh Romain tại Toulouse.”

Thánh Đa Minh thi hành điều thánh Phaolô khuyên nhủ môn đệ Timôthê rằng :”Hãy rao giảng Lời Chúa, hãy lên tiếng lúc thuận tiện cũng như lúc không thuận tiện: hãy biện bác, ngăn đê, khuyên nhủ, với tất cả lòng nhẫn nại và chủ tâm dạy dỗ” (2Tm 4, 2). Cuộc đời của Thánh

Đa Minh được thực hiện qua châm ngôn: “Người nói với Chúa” để rồi có thể “nói về Chúa”. Bằng lời giảng sốt sắng, người đem Chúa đến mọi người và nhờ sức mạnh của lời cầu nguyện, người dẫn đưa mọi người về với Chúa. “Đâu đâu người cũng lấy lời nói việc làm, tỏ mình là con người của Tin Mừng. Không ai thông cảm và vui vẻ với anh em tu sĩ và những cộng sự viên hơn người. Người quả là vị an ủi tuyệt hảo.”

### 3.2. Tổ phụ Dòng Giảng Thuyết

Con người và cuộc sống của Đa Minh thuộc Giáo Hội. Vì thế, hoạt động giảng thuyết của Người luôn đáp ứng lại nhu cầu cấp bách của Giáo Hội là bảo vệ đức tin. Đa Minh đã nhận thấy việc rao giảng chân lý cho mọi người là cấp bách. Các vị Giám mục mới có quyền thi hành sứ vụ giảng dạy nhưng lại không có thời gian. Hàng ngũ linh mục thì không được đào tạo để cộng tác với các Giám mục trong vai trò quan trọng này. Các tu sĩ Biển Đức hoặc Xitô chỉ khép mình trong đan viện để làm việc và cầu nguyện. Cùng đồng hành với các Giám mục Diêgô và Foulques, Đa Minh đã cộng tác với họ trong sứ vụ giảng thuyết chân lý, đem chiên lạc về đoàn chiên. ĐGM Diêgô đã hăng say thi hành sứ vụ tông đồ qua việc giảng thuyết tại miền Nam nước Pháp trước khi trở lại Tây Ban Nha và qua đời tại Osma. Đa Minh được ĐGM Diêgô tin tưởng nên đã trao phó coi sóc nhóm giảng thuyết.

Hoạt động giảng thuyết của Đa Minh không phải là một hoạt động cá nhân, nhưng là một hoạt động có tính tông đồ và tập thể, tức là đặt nền tảng trên việc giảng thuyết của các tông đồ và cộng tác với các tông đồ. Đa Minh quan tâm đến việc cộng tác với các giám mục là những người kế vị các tông đồ. Người liên hệ với ĐGH và cơ quan giáo triều Roma để nêu lên hiệp thông thực sự với Giáo Hội của Chúa Kitô. Bởi vì ai rao giảng Tin Mừng mà không đặt mình trong truyền thống tông truyền thực thụ sẽ đi đến việc rao giảng chính mình và rơi vào lầm lạc. Hiến pháp của Anh Em Giảng Thuyết nhiều lần nhấn mạnh đến mối liên hệ này và cho thấy đó cũng là một trách nhiệm: Dù anh em giảng thuyết nhận lãnh sứ vụ riêng do Tòa Thánh trao nhưng anh em luôn ở trong mối hiệp thông với những người kế vị thánh Phêrô và các Giám mục là những người kế vị các thánh tông đồ. Anh em tích cực cộng tác với các Giám Mục trong công việc tông đồ quan trọng là rao giảng Tin Mừng cho toàn thể nhân loại. Gia đình Đa Minh bao gồm các anh em giáo sĩ và trợ sĩ, các nữ đan sĩ, các nữ tu, thành viên của tu hội đời và huynh đoàn các linh mục hoặc giáo dân.

Mọi anh chị em trong Dòng phải gọi lên những hình thái sống và giảng thuyết thích hợp với những nhu cầu của Hội Thánh và con người.

### 3.2. Tông đồ Kinh Mân Côi

Vào năm 1208, thánh Đa Minh cầu nguyện và khóc ở nguyện đường Đức Mẹ Maria, Người than thở với Đức Mẹ về việc thiếu kết quả của việc rao giảng cho những người theo tà thuyết Albi. Đang lúc đó thì Đức Mẹ hiện ra với ngài. Mẹ nói: “Đừng lo, đến nay con đã đạt được một ít kết quả như vậy nhờ sức lao động của con. Con phải dùng kết quả đó trên vùng đất khô cằn, chưa được tưới bằng sương hồng ân. Khi Thiên Chúa muốn canh tân bộ mặt trái đất, Ngài sẽ bắt đầu bằng cách cho mưa tuôn sự chào mừng của thiên thần. Hãy truyền bá Chuỗi Mân Côi gồm 150 câu chào của Sứ Thần và 15 Kinh Lạy Cha, con sẽ bội thu.” Thánh Louis de Montfort, một nhà truyền giáo người Pháp vào thế kỷ 18 kể rằng thánh Đa Minh đã tới nhà thờ, nơi các thiên thần rung chuông mời gọi mọi người. Khi Thánh Đa Minh rao giảng thì Thiên Chúa đã hỗ trợ: Trái đất rung chuyển, mặt trời tối sầm, sấm chớp dữ dội. Hầu như cả dân thành Toulouse đều bỏ niềm tin lầm lạc và bắt đầu sống đời Kitô hữu...

Trong thông điệp ‘Consueverunt’ năm 1569, Thánh Giáo Hoàng Piô V đã tóm tắt bối cảnh lịch sử Giáo Hội bảy giờ như sau: ‘Thế kỷ XII bề rối Albigeois (tỉnh Albi, Pháp) đã nổi lên như vũ bão và lũng đoạn đức tin công giáo cả vùng Nam nước Pháp và vùng Bắc nước Ý. Họ xách động nhân dân căm thù ghen ghét để rồi mưu sát hàng giáo sĩ và tu sĩ’. Sứ vụ giảng thuyết của cha Đa Minh không thể thành công nếu không có sự trợ giúp tích cực của Đức Mẹ chống lại lạc giáo Albigeois tại Pháp. Sau nhiều ngày ăn chay và cầu nguyện, Đa Minh được Đức Mẹ đã soi sáng cho Người một phương pháp cầu nguyện hiệu lực và thích hợp với mọi người, mọi hoàn cảnh. Đó là kinh Mân Côi. Thánh Đa Minh đã quả quyết: “Không có cách nào cứu vãn tình thế cách hiệu lực bằng đọc và suy gẫm mầu nhiệm kinh Mân Côi”. Đa Minh đã trao phó anh chị em trong Dòng cho sự bảo trợ quyền năng của Mẹ Maria cũng như trao ban kho tàng huyền diệu Kinh Mân Côi cho Dòng để phổ biến khắp nơi. Kinh Mân Côi ảnh hưởng lớn lao đối với việc truyền giáo của Dòng tại Việt Nam. Bao nhiêu vị tử đạo đã tiến ra pháp trường với cổ tràng hạt Mân Côi trên tay như bảo đảm trợ giúp chắc chắn của Mẹ Maria, Nữ Vương Mân Côi cũng là Nữ Vương trời đất.



Hướng Đến Kỷ Niệm 800 Năm Sinh Nhật Cha Đa Minh Trên Trời:

## Sứ Mạng Rao Giảng

Của ĐỒNG ĐA MINH

Trong Thời Hiện Đại



Toàn Ninh, OP

**T**rong lá thư gửi toàn Dòng, cha bề trên Tổng quyền Gerard Francisco Timoner đã kêu gọi đại gia đình Đa Minh hướng đến việc cử hành 800 năm sinh nhật trên trời của Cha thánh Đa Minh, và chủ đề để giúp chúng ta suy niệm trong dịp trọng đại này là “Đồng bàn với Thánh Đa Minh.” Đề tài này được lấy từ ý tưởng bức họa chiếc bàn ăn Mascarella, tại tu viện Bologna. Bức họa này được vẽ lại từ câu chuyện phép lạ xảy ra tại chiếc bàn ăn này được chính cha Reginald, sau này làm giám mục, đã làm chứng về phép lạ của cha Đa Minh. Cha Reginald đã chức thực rằng, một quản lý đến than với cha Đa Minh rằng nhà chỉ còn hai ổ bánh, không thể đủ dùng cho cả một cộng đoàn lớn như thế này. Bây giờ cha làm như thầy Giêsu, cha cầm lấy hai ổ bánh bé nhỏ chúng ra và làm phép trên chúng với tất cả niềm xác tín và đọc câu thánh vịnh: “Thiên Chúa sẽ ban phát lương thực cho tất cả những ai kêu xin Người và làm cho tất cả mọi sinh linh được no đầy” (Tv 145,16). Rồi cha nói với người anh em phục vụ đi phân phát cứ từng 2 – 3 miếng bánh trên các bàn ăn. Khi người anh em đó phát một vòng xung

quanh phòng ăn nhưng vẫn còn dư một số bánh, anh ta lại đi phát tiếp lần thứ hai rồi đến lần thứ ba nhưng vẫn chưa hết số bánh nhỏ lúc ban đầu, thậm chí còn tăng nhiều hơn nữa. Cha quản lý đó cũng vẫn tiếp tục phục vụ mọi người cho đến khi tất cả đều đã được thoả thuê. Quả thật, ơn Chúa ban dư dật hơn là sự tính toán của con người.

Từ gọi hứng của câu chuyện được khắc họa trên bức ảnh chiếc bàn ăn này, cha bề trên Tổng quyền đặt ra cho mỗi anh chị em Đa Minh một câu hỏi: “Đồng bàn với thánh Đa Minh có nghĩa là gì đối với chúng ta ở đây và lúc này? Cụm từ “ở đây và lúc này” là điều mà cha Tổng quyền mời gọi đại gia đình Đa Minh đọc dấu chỉ thời đại, rồi từ đó trở về với ánh sáng Lời Chúa và Truyền thống của Dòng để thôi thúc chúng ta đi loan báo Tin Mừng. Do đó, trong bài viết này, người viết xin tập trung vào hai ý tưởng chính sau đây: thứ nhất, người viết bắt đầu từ việc trình bày dấu chỉ thời đại. Từ đó, người viết khẳng định rằng chính chứng tá từ đời sống cộng đoàn là lời giảng hữu hiệu nhất cho con người hôm nay.

Dấu Chỉ Thời Đại: Một Thế Giới Bị Tồn Thương và Một Nền Văn Hóa Tự Mãn

Chúng ta đang sống trong một thế giới bị tổn thương bởi bạo lực, sự dối trá và một nền văn hóa tự mãn. Đó là điều chúng ta đang cảm nghiệm trong bối cảnh hôm nay. Chúng ta có thể chứng kiến sự bạo lực và dối trá ở mọi nơi ngay lúc này trên nước Mỹ nói riêng và thế giới nói chung. Đang khi “lời” để kiến tạo hòa bình, công bố sự thật, thì người ta dùng nó để bóp méo, để gây chia rẽ nhằm định hướng cho lợi ích của một đảng phái nào đó. Bên cạnh đấy, người ta muốn phá đổ những giá trị



luân lý tuyệt đối, chẳng hạn như phá thai, an tử, định nghĩa lại giới tính. Người ta cũng loại trừ tất cả giá trị lịch sử, giá trị tôn giáo. Việc loại trừ này dẫn đến sự tục hóa, nghĩa là loại bỏ tất cả những gì là thánh thiêng, và lập nên một giáo hội quốc doanh theo “định hướng xã hội chủ nghĩa.” Giá trị gia đình cũng bị đảo ngược khi người ta cho phép sửa lại định nghĩa của hôn nhân. Ví dụ, hôn nhân có thể được ký kết theo luật bởi hai người mà không hề có sự phân biệt liên quan đến giới tính của họ. Nói khác đi, hôn nhân là sự kết hợp bởi hai người bất kể giới tính (two persons), thay vì là nam và nữ theo như định nghĩa truyền thống về hôn nhân.

Những vấn nạn này được cha nguyên bề trên Tổng quyền Timothy Radcliff đã nhắc đến trong bài viết của ngài có tựa đề: “Công Viên Kỷ Jura và Bữa Tiệc Ly.” Công Viên Kỷ Jura là một bộ phim khoa học viễn tưởng của Mỹ năm 1993 kể về một nhà ti phú dùng thí nghiệm DNA để khôi phục loài khủng long đã bị diệt chủng. Ông tạo nên một khu rừng để cho những con khủng long có thể chạy nhảy. Không may chúng phá vỡ những rào chắn vốn biểu tượng cho những luật lệ, giá trị luân lý, và bắt đầu giết chết những người tham quan. Từ bộ phim đó, cha Timothy cho rằng vấn đề của bạo lực đang xảy ra ở khắp nơi trên thế giới. Ngài cũng nhận định rằng trong bộ phim này, dù “lời” không giữ một vai trò quan trọng, nhưng nó được biểu lộ qua những tiếng gầm thét, gào thét của sự tham lam và lòng thù hận của con người. Tiếng gào thét và gầm rú của sự hận thù ấy, theo người viết, được ẩn chứa qua các phương tiện truyền thông; qua việc con người muốn tự “giải phóng” khỏi những lệ thuộc của lề luật Thiên Chúa cũng như những giá trị luân lý tuyệt đối.

Một yếu tố khác cũng rất quan trọng trong bối cảnh thời đại này là nền văn hóa tự mãn. Nền văn hóa tự mãn là gì? Đó là sự đề cao chính mình, xem mình là người quan trọng, và mình là chân lý. Sự tự mãn ấy phát xuất từ chủ nghĩa tương đối về mặt luân lý, nghĩa là tôi có cái đúng của tôi; anh có cái đúng của anh. Tôi làm công việc của tôi; anh làm công việc của anh. Chính đức Giáo Hoàng Benedict XVI đã nhận định rằng với tính tự mãn, con người ngày nay tự tạo cho mình một giá trị riêng, cái đúng và cái tốt cho riêng mình; họ không chấp nhận một chân lý tuyệt đối; họ đề cao chủ nghĩa cá nhân. Ngài xem đó như là chất độc đang hủy hoại khả năng của chúng ta, một khả năng tìm truy tầm sự thật và rao giảng sự thật. Hệ quả là, một lối sống tự mãn cản trở ta sống đời chiêm niệm và đời sống cộng đoàn. Câu hỏi đặt ra là trong bối cảnh đầy bạo lực, dối trá, và

một nền văn hóa tự mãn, điều gì làm cho lời giảng của chúng ta ngày nay trở nên hiệu quả?

Sứ Mạng Đa Minh trong Thế Giới Ngày Nay: Lời Chứng từ Đồi Sống Cộng Đoàn

Trong tác phẩm Thần Khúc, ở phần hành trình trên Thiên Đàng, thi sĩ Dante, một thi sĩ Công giáo nổi tiếng người Ý, đã gặp cha Đa Minh và mô tả cha như là ánh sáng rạng soi Giáo hội; ánh sáng ấy được lan tỏa qua lòng say mê tìm kiếm chân lý của cha để loan báo Tin Mừng. Từ đó, Dante muốn ám chỉ đến toàn bộ anh em chị em Đa Minh, vốn là những người được xem là nhiệt tâm làm chứng cho đức tin, bảo vệ đức tin và loan truyền đức tin. Lòng say mê tìm kiếm chân lý và loan báo Tin Mừng của Cha Đa Minh đã truyền lại cho tất cả anh chị em Đa Minh ở mọi thời đại. Theo Đức Giáo Hoàng Bênêdictô XVI, một trong những giá trị quan trọng, vốn không thể thiếu để giúp cho việc thành công sứ vụ loan báo tin mừng trong thế giới ngày hôm nay, là đời sống cộng đoàn.

Ngay từ thửa ban đầu, cha Đa Minh và tất cả anh em Dòng Giảng thuyết xem mình như những người khát thực. Chính yếu tố này tạo cho các anh em Đa Minh sẵn sàng cho việc rao giảng Tin Mừng cũng như trở thành chứng nhân thực sự cho tha nhân. Họ quy tụ thành từng nhà, từng tu viện, từng tỉnh Dòng, và có bề trên riêng. Vì thế, tu viện hay tu xá sẽ là nơi để cổ võ xây dựng đời sống tình huynh đệ và là nơi để cùng nhau dẫn thân thi hành sứ vụ loan báo Tin Mừng.

Khi nói về gương mẫu sống đời sống cộng đoàn của cha Đa Minh, Chân phước Jordan Savony nói như sau: “Ai nấy đều xúc động về tình thương của cha Đa Minh dành cho anh em, ngài yêu hết mọi anh em...ai nấy đều mến yêu ngài...cha Đa Minh khẳng định đời sống của ngài chính là vui với người vui và khóc với người khóc.” Chính lối sống ấy, tinh thần ấy đã trao cho tất cả chúng ta một tầm nhìn về sứ mạng loan báo tin mừng ngày hôm nay, đó là tình liên đới.

Tình liên đới là chủ đề quan trọng của Giáo huấn xã hội Công giáo. Đức Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II cho rằng tình liên đới là một nhân đức. Ngài nói rằng “tình liên đới không phải là một thứ tình cảm mơ hồ hay cảm xúc hời hợt trước những khổ đau của biết bao người. Trái lại, đó là một xác quyết và bền bỉ dẫn thân cho thiện ích chung; nghĩa là, cho lợi ích của mọi người bởi vì tất cả chúng ta đều thực sự có trách nhiệm đối với

mọi người.” Do đó, đời sống cộng đoàn Đa Minh và sứ vụ loan báo Tin Mừng của chúng ta không thể tách biệt khỏi những vấn đề dân thân xây dựng công ích cho tha nhân.

Dĩ nhiên, điều này cần có thời gian. Đời sống cộng đoàn Đa Minh không phải là một thứ gì đó ta có thể đạt được qua một đêm. Nó đòi hỏi sự hoán cải nội tâm để rồi từ đó người Đa Minh trở thành men biến đổi xã hội. Tình liên đới luôn luôn đẩy chúng ta “đi thêm bước nữa.” Nhìn lại truyền thống của Dòng Đa Minh, ta có thể nhận thấy từ thời cha Thánh Đa Minh, thánh Alberto, Catherine, Francisco de Vitoria, Bartolomé de las Casas, Martin de Porres, Rose of Lima, Henri Dominic Lacordaire, và Louis-Joshep Lebreton, là những người tiêu biểu đấu tranh và dân thân vì người nghèo. Một trong những vị rất gần với khu vực châu Mỹ chúng ta là Bartolomé de Las Casas.

Las Casas là một trong những anh em Đa Minh tiêu biểu sống tình liên đới với những người thổ dân, vốn họ đang chịu cảnh bất công xã hội. Ngài cho chúng ta thấy rằng lòng say mê đấu tranh cho công bằng xã hội của ngài cũng chính là niềm hăng say loan báo Tin Mừng, vì sống chính là rao giảng. Sau khi chứng kiến những người thổ dân bị thảm sát, Las Casas khát khao rao giảng sự thật về nỗi thống khổ, về nhân quyền và phẩm giá của họ. Vì thế, ngài đã từ bỏ công việc tuyên úy cho quân viễn chinh của vua Tây Ban Nha để đấu tranh cho công lý và hòa bình sau khi Lời Chúa tác động biến đổi tâm hồn và quan điểm của ngài, đặc biệt những lời của sách Huấn Ca 34:21-23: “Người túng nghèo còn chút bánh độ thân, ai lấy đi là kẻ hút máu. Cướp phương tiện sống của kẻ khác là giết người; đoạt lương bổng của người lao động là gây đổ máu.” Chính những lời này ngài đã khiến ngài thay đổi và dân thân rao giảng Tin Mừng ở vùng Châu Mỹ. Ngài lên án chế độ nô lệ với những người Châu Phi, vạch trần tính xấu xa của hệ thống nô lệ. Lòng say mê chân lý và loan báo tin mừng là nguồn mạch cho sự biến đổi nơi Las Casas. Với lòng say mê rao giảng Tin Mừng, ngài trở thành người duy nhất ở thế kỷ thứ 16 đấu tranh phá bỏ chế độ nô lệ cho những anh chị em Châu Phi.

Trở lại với bối cảnh sống của chúng ta, đặc biệt ở vùng Bắc Mỹ này, với những vấn đề về kỳ thị chủng tộc, về bạo loạn, về sự dối trá, câu hỏi gợi lên là làm sao đời sống cộng đoàn có thể góp phần thành công trong việc sứ vụ loan báo Tin Mừng? Ở đây, người viết xin đưa ra ba điều cần thiết của đời sống cộng đoàn như là một dấu

chỉ loan báo tin mừng cho một thế giới bị tổn thương và một nền văn hóa tự mãn; đó là, sự tha thứ, tính hài hước và đời sống cầu nguyện (hay chiêm niệm). Cả ba yếu tố này đều được diễn tả nơi bàn ăn cũng như trong tất cả các sinh hoạt cộng đoàn. Nếu không có ba yếu tố này, sứ mạng giảng thuyết của người tu sĩ Đa Minh trở nên vô nghĩa.

Thứ nhất, sự tha thứ trong đời sống cộng đoàn. Nếu chúng ta bước vào đời sống chung, cùng chia sẻ một sứ mạng, thì cần có một vài “kỹ năng sống” cần thiết. Khả năng đầu tiên đó chính là mở lòng tha thứ và đón nhận người khác. Đây là trọng tâm của sứ điệp Tin Mừng. Biết bao lần trong đời sống đức tin chúng ta đọc lời Kinh Lạy Cha, “Xin tha cho chúng con như chúng con cũng tha những kẻ có nợ chúng con,” chúng ta có hay rao giảng về sự tha thứ hay hòa giải? Chúng ta có thường nhấn mạnh đến tình yêu tự hiến Kitô giáo (agape), một tình yêu vượt ra khỏi biên cương sắc tộc, mọi ranh giới giàu nghèo, hoặc địa vị hay không?

Ở đây, xin dừng lại một chút để phân tích tính hàm hồ về ý niệm tình yêu. Ngày nay, khi nói về tình yêu, thì người ta thường chỉ dừng lại ở tình yêu nam nữ. Trong ngôn ngữ Hy Lạp: tình yêu được chia làm ba cấp độ: eros, philia và agape. Eros, hay còn gọi là ái tình, là loại tình yêu giữa một người nam và một người nữ. Philia là tình yêu bạn hữu. Có thể xảy ra giữa nam và nam, nữ và nữ, hay trong một nhóm. Aristotle, một triết gia nổi tiếng, đã phân chia tình yêu trong tình bạn này thành ba cấp độ khác nhau: hữu dụng, sở thích và nhân đức.

Theo Aristotle, tình yêu trong bình bạn ở cấp độ hữu dụng chỉ dừng lại những lợi ích cá nhân. Nghĩa là tôi yêu anh, yêu em, yêu bạn vì người ấy có lợi cho tôi. Còn tình yêu trong tình bạn ở mức độ sở thích được xảy ra khi hai hay một nhóm cùng chia sẻ những sở thích chung. Chẳng hạn, vì anh hay chị biết chơi cầu lông, hay bóng chuyền, nên tôi cũng thích chơi với anh hay chị vì tôi thích những loại thể thao đó. Còn tình yêu nơi tình bạn trong nhân đức mới là tình yêu tình bạn thực sự. Nghĩa là nơi anh hay chị có những đức tính tốt như hiền lành, khiêm nhường, tiết độ, trung thực, thì tôi bị hấp dẫn bởi những đức tính ấy nên tôi muốn được trở thành bạn với anh và chị để cùng thăng tiến những đức hạnh nơi tôi.

Nếu như những cấp độ tình yêu ấy chỉ dừng lại chỗ sở thích, hữu dụng, và ích lợi cho tôi, thì tình yêu tự hiến, vốn biểu tượng chính là Thánh Tâm Chúa Giêsu, vượt

ra khỏi những ý niệm biên cương. Vậy, tình yêu tự hiến (agape) là gì? Trọng tâm của agape mà Đức Giêsu dạy chúng ta là gì? Để trả lời cho câu hỏi đó, chúng ta trở lại bản văn Kinh Thánh của tác giả của Tin Mừng Gioan, đặc biệt ở chương cuối cùng. Cũng một câu hỏi mà Đức Giêsu đã hỏi Phêrô tới ba lần: “Này anh Simon, con ông Gioan, anh có yêu mến Thầy không? (Ga 21:15-17).

Bản tiếng Việt đánh mất đi sự độc đáo của câu hỏi này. Đức Giêsu dùng động từ agapeo (yêu cho đến cùng) để hỏi Phêrô, nhưng ông lại dùng động từ phileo (yêu mến ở cấp độ tình bạn) để trả lời cho câu hỏi Đức Giêsu. Ra như tình yêu mà ông dành cho Đức Giêsu mới chỉ là yêu mến theo kiểu bạn bè. Ông theo Chúa và mến Chúa như là một người bạn mà thôi. Nhưng điều Đức Giêsu muốn nhắm đến thì không phải như suy nghĩ của ông. Ngài muốn đẩy Phêrô đi xa hơn, đó là nếu theo thầy, con cũng sẽ học cách yêu agape của Thầy; đó là, con sẽ phải yêu ngay cả những kẻ thù của con.

Tuy nhiên, trong thực tế chúng ta phải nhìn nhận sự tha thứ không đơn giản chút nào — chúng ta dễ đưa ra lời khuyên hơn là thực hành. Sự tha thứ không phải là phủ nhận hay chối bỏ những cảm xúc tổn thương, đau đớn, hay tức giận trong tâm hồn. Cha Timothy, cũng trong bài “Công Viên Kỷ Jura và Bữa Tiệc Ly,” đã giải thích rằng sự tha thứ không đơn thuần là việc bỏ qua hay quên đi những chuyện đau buồn. Vết thương vẫn còn đó. Giống như chính Đức Giêsu Kitô Phục Sinh, khi ngài hiện ra, ngài cũng không ngần ngại để che đậy vết thương mà chính con người gây ra cho ngài. Này Tôma, anh hãy chạm vào vết thương của Thầy (Ga 20:24-29). Chính Tin Mừng của Chúa Phục Sinh cho thấy sự tha thứ là một hành vi chữa lành, vốn mang lại sức sống. Bằng đức tin, sự tha thứ đến từ sự phục sinh của Đức Kitô: Thập Giá, vốn biểu tượng cho sự chết, lại trở sinh sức sống, và chính từ Thập Giá có thể giúp cho đời sống của ta được dồi dào. Nơi câu chuyện của bữa tiệc ly, sự tha thứ khai sinh ra cộng đoàn. Nó không chỉ giúp anh chị em có được sự bình an nội tâm mà còn là sự bình an mà chúng ta sống chung với nhau.

Thứ hai, hãy biết cười. Có lẽ chúng ta cần phải nhìn nhận rằng nhiều khi chúng ta trầm trọng hóa vấn đề, lúc nào cũng căng thẳng với nhau. Mỗi bận tâm của tôi, vấn đề của tôi, quan điểm của tôi điều quan trọng nhất. Giá mà chúng ta có thể nhìn những vấn đề của ta từ vị thế của những người đang đối diện với cái chết, người đối, và người tuyệt vọng; giá mà chúng ta có thể nhìn thập giá từ cái nhìn của Đấng Phục Sinh; và giá mà mỗi bận

tâm hiện tại của ta đặt trong bối cảnh của sự sống vĩnh cửu. Thì lúc ấy, ta không còn quá trầm trọng hóa mọi vấn đề. Chúng ta cần nụ cười, cười được với nhau, chơi được với nhau, tán ngẫu được với nhau. Trở nên người anh em nghĩa là không chỉ có những bất đồng ý kiến, tranh luận nhưng còn cùng vui đùa được với nhau như những người anh em.

Cha Phan Tấn Thành viết nguyên một quyển Đạo Kười. Theo cha, Đức Giêsu không bao giờ căm cười, mà còn khích lệ các môn đệ vui đùa nữa, thậm chí ngài còn chọc quê cả Phêrô khi ông ra vẻ mình “ngon” hơn các anh em khác; ông đòi đi trên biển, xong sắp chìm sợ quá đến độ phải kêu cứu Chúa. Đức Giêsu phán cho một câu: “yếu mà đòi ra gió.” Hoặc câu hỏi mà Đức Giêsu đặt ra cho Phêrô ở trên, nhìn ở góc độ hài hước, thì hẳn Đức Giêsu sẽ nói với Phêrô rằng anh đứng là chậm tiêu, anh đi theo thầy bấy nhiêu năm tháng mà vẫn chẳng hiểu Thầy. Dĩ nhiên, ở đây cũng cần phân biệt những kiểu cười: cười đều vốn nghịch với đức ái. Cười vô duyên: hay cũng cười, dỡ cùng cười. Sự hài hước phải đến từ tình liên đới. Đây là mới là nụ cười Tin Mừng. Nụ cười Tin Mừng xuất phát từ niềm an ủi. Đó là cái cười diễn tả niềm vui và hạnh phúc. Chính thánh Luca đã nói: “Phúc cho anh em là những kẻ bây giờ đang phải khóc, vì anh em sẽ được vui cười” (6:21).

Nụ cười Tin Mừng còn được thể hiện nơi sứ mạng rao giảng của Đức Giêsu. Cũng trong tin mừng Luca, chính Đức Giêsu công bố sứ mạng của ngài nơi trần gian: “Thần khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin mừng cho kẻ nghèo hèn. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả lại tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Chúa” (Lc 4:18-19). Đây là nguyên tắc nền tảng mà giáo huấn xã hội Công giáo đặt nền cho sứ vụ của Giáo hội tại trần thế này. Vì thế, người Đa Minh cũng tiếp nối sứ vụ của đức Giêsu, Đấng đã mang lại niềm vui và nụ cười cho những kẻ buồn rầu qua việc chữa lành, trừ quỷ, và giảng dạy lòng thương xót của Thiên Chúa.

Cuối cùng, đời sống chiêm niệm. Nền tảng cho sứ vụ loan báo Tin Mừng là đời sống chiêm niệm. Xin dùng hình ảnh Mácta của Tin Mừng thánh Luca (10:38) để soi sáng cho ý tưởng này. Đời sống chiêm niệm và hoạt động giữ một vai trò quan trọng để giúp chúng ta hóa giải một nền văn hóa tự mãn.

Trong câu chuyện Tin Mừng của Luca, Mácta được xem như là một nhân vật điển hình của đời sống hoạt động và Maria tiêu biểu cho đời sống chiêm niệm. Tôn sư Eckhart, một triết gia, một thần học gia và là thần bí, cho rằng Maria thể hiện lòng khao khát cháy bỏng tìm kiếm Chúa. Nhưng theo ông, Mácta lại có một đời sống tâm linh trưởng thành hơn. Khi Mácta nói về Maria rằng “xin Thầy bảo em con giúp một tay” (Lc 10:40), thì Mácta nói bằng tấm lòng yêu thương và quan tâm đến Maria. Mácta hiểu Maria hơn Maria hiểu Mácta vì Mácta đã biết Maria hiện thời đang ở mức độ nào trong đời sống tâm linh. Vì thế, Eckhart giải thích rằng rất có thể Maria vẫn cần người khai mở tâm linh cho mình. Đức Giê-su không hề trách Mácta nhưng muốn khẳng định cho Mácta biết rằng Maria sẽ có một đời sống tâm linh sung mãn dựa trên những điều Mácta đã sống.

Một đời sống tâm linh trưởng thành phải là nhập cuộc vào thế giới chứ không hề xa lánh nó. Một người có đời sống đức tin trưởng thành là người biết quân bình giữa chiêm niệm và hoạt động. Mácta có lẽ sợ rằng Maria chỉ dừng lại ở hành trình chiêm niệm và không dẫn thân vào thực tại trần gian, vốn là điểm Thiên Chúa hẹn gặp chúng ta qua tha nhân.

Dĩ nhiên, người ta không thể có được một đời sống tâm linh trưởng thành như Mácta nếu bỏ qua giai đoạn chiêm niệm. Đời sống chiêm niệm không phải là một đời sống dễ dàng cũng không phải theo kiểu gặp linh hướng để nghe những lời giải thích thắc mắc về đường tâm linh. Đúng hơn, nó là một cuộc đối đầu với cái tôi tự mãn, sự trống rỗng, và nỗi cô đơn nơi tâm hồn của mình để khám phá ra chân lý; khám phá ra sự thật dù sự thật đó có đau đớn, nhưng nếu chúng ta không dám đương đầu với sự thật ấy, chúng ta không bao giờ có được sự tự do.

Nói tóm lại, đời sống cộng đoàn của anh em Đa Minh sẽ chính là dấu chỉ cho việc giảng thuyết ngày hôm nay vốn được diễn tả qua ba yếu tố sự tha thứ, tính hài hước, và đời sống chiêm niệm. Cả ba yếu tố này góp phần tạo nên chứng tá cho công việc giảng thuyết của sứ vụ Đa Minh. Dù là thành phần nào trong đại gia đình Đa Minh, tất cả đều cùng được mời gọi ngồi đồng bàn với cha Đa Minh để chia sẻ một sứ vụ giảng thuyết: “Sống chính là giảng”!



## Gương Thịnh Lặng

Của

CHA TUẤN HẠ ĐA MINH



Francis Dominic Nguyễn Quý Đôn

**M**ột trong những khẩu hiệu của Dòng Đa Minh là *contemplari ut aliis contemplata tradere* – nghĩa là: Chiêm niệm và trao ban hoa trái của việc chiêm niệm cho

người khác. Một điều kiện rất quan trọng để đạt tới mục tiêu này là một bầu khí thinh lặng. Anh Ventura de Verona, một trong những anh em đầu tiên của Dòng, ghi lại rằng thánh Đa Minh coi trọng sự thinh lặng đến nỗi ngay cả trên đường đi, cha thánh cũng khuyến khích anh em giữ thinh lặng từ sau kinh Tối đến giờ kinh Sáng, hết như trong tu viện. Nhưng, Dòng Đa Minh đã được thành lập với mục đích để rao giảng Tin Mừng, chứ không phải để hoàn toàn im lặng! Thế thì tại sao Cha Thánh lại coi trọng vấn đề giữ thinh lặng?

Nemo dat quod non habet – Không ai có thể cho đi bất cứ cái gì mà mình không có. Nếu có ai muốn đem người khác đến với Chúa, trước tiên người đó phải biết Chúa. Nhưng làm sao biết Chúa? Chính nhờ bầu khí thinh lặng chúng ta mới có thể nhận thấy được sự hiện diện của Chúa và cảm nghiệm được tình thương bao la của Ngài. Chỉ trong những giây phút thinh lặng chúng ta mới có thể mở rộng tâm hồn đón nhận ân sủng của Chúa. Chỉ trong những giây phút quý báu đó chúng ta mới có thể thực sự nghe tiếng Chúa dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta trong cuộc sống này.

Đọc tiểu sử thánh Đa Minh, chúng ta sẽ thấy cha thánh để lại rất ít lời cho anh em, nhưng ngài lại làm rất nhiều điều đáng cho anh em học hỏi. Nổi bật nhất là gương sống thinh lặng. Đời sống của Cha Thánh Đaminh chính là một mẫu gương thinh lặng. Chính trong sự thinh lặng này, Cha Thánh đã đi vào một mối tương quan với Thiên Chúa, là nguồn mạch của mọi sự Khôn Ngoan, nguồn Sự Sống, và Lòng Thương Xót vô bờ. Thật vậy, có lẽ Dòng vẫn còn hiện diện trong lòng Giáo hội và giữa thế giới suốt hơn tám thế kỷ qua cũng là nhờ lời cầu nguyện không ngừng của cha trên trời. Những giờ cầu nguyện này lại chỉ có thể thực hiện được trong những giây phút thinh lặng trước Chúa. Mỗi người chúng ta cũng được mời gọi noi gương cha thánh trong việc giữ thinh lặng thánh. Con xin đưa ra ba cách mà mỗi người trong chúng ta có thể áp dụng và ý thức hơn về việc giữ nguyện tắc thinh lặng này.

1. Thứ nhất, chúng ta cần một nơi yên tĩnh để

chúng ta có thể gặp gỡ Chúa. Thời gian vẫn dài không quan trọng. Chúng ta có thể đến viếng Chúa Giêsu trong Bí tích Thánh thể bất cứ lúc nào và trong ít phút cũng là tốt lắm rồi! Nhưng nếu chúng ta chỉ có vài phút buổi đêm, sau khi mọi người đã đi ngủ, hay buổi sáng, trước khi mọi việc phải bắt đầu, Chúa cũng có thể sử dụng những thời giờ bé nhỏ này để canh tân đời sống tâm linh của chúng ta. Lúc mới bắt đầu có thể sẽ có khó khăn, nhưng xin đừng nản chí nếu bạn cảm thấy vô bổ, hay chia trí! Thói quen tốt cần có thời gian để luyện tập. Một đoạn Kinh Thánh nhỏ sẽ giúp bạn hướng tâm lên Chúa! Trong thời đại dịch này, cầu nguyện lại càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận chính là một mẫu gương cho chúng ta – không ai có thể lấy đi sự bình an của chúng ta, ngay cả khi người ta bỏ mình vào tù!

2. Thứ hai, chúng ta cần học cách làm chủ các phương tiện kỹ thuật hiện đại, thay vì để chúng kiểm soát cuộc đời ta. Đó là chúng ta đang sử dụng tốt thời gian Thiên Chúa ban. Những tiến bộ công nghệ đưa thế giới này nằm gọn trong tầm tay; và cũng vì thế mà ta có nguy cơ bỏ lỡ những tương quan thật sự giữa người với người. Chúng ta nói chuyện với máy nhiều hơn với những người đang sống gần bên mình. Chúng ta lãng quên bổn phận của mình với những người thân trong gia đình để tiêu phí thời gian cho những quan hệ ảo trên màn ảnh điện tử. Dần dà, chúng ta chỉ quen đưa ra ý kiến và mong muốn mọi sự theo ý riêng, mà quên mất phải lắng nghe người khác và quan tâm đến người khác.

3. Thứ ba, cẩn ngôn cũng là một đức tính quan trọng. Nhiều khi chúng ta không có sử dụng lời nói cho những việc tốt lành. Cẩn ngôn giúp chúng ta tránh những ồn ào không cần thiết hay làm cho người khác bị đau lòng hay chia trí.

Con nguyện xin Thiên Chúa, qua lời cầu bầu của Đức Trinh nữ Maria, Thánh Giuse, và Thánh phụ Đa Minh, luôn gìn giữ chúng ta bình bình an an cả hồn lẫn xác. Xin quý anh chị em tiếp tục cầu nguyện cho chúng con!



# Khác

## Như

# MỘT KITÔ HỮU



Nguyễn Hoàng Phong

## 1. Dẫn nhập

Nếu việc đi theo và noi gương thầy chí thánh Giêsu là sợi chỉ đỏ xuyên suốt những câu chuyện tu đức thời Trung Cổ, thì sự thánh thiện được đánh giá dựa trên mức độ hoàn hảo trong việc họa lại hình ảnh thầy Giêsu trong chính đời sống thường nhật. Thầy Giêsu cầu nguyện một mình nơi thanh vắng, người môn sinh cũng cầu nguyện nơi thanh vắng. Thầy Giêsu rơi lệ vì chạnh lòng thương đám đông hay vì sự ra đi của một bằng hữu, người môn sinh của thầy Giêsu cũng vì thế mà rơi lệ. Một trong những môn sinh ưu tú của thầy Giêsu chính là cha thánh Đa Minh. Chiêm ngắm đời sống của cha Đa Minh, ta bắt gặp hình ảnh của một Đức Kitô Giêsu tại thế. Trong giới hạn của bài viết này, tôi xin tập trung vào hình ảnh của một Đa Minh – một alter Christus – khóc như một Kitô hữu.

## 2. John Climacus và châu lệ của lòng úy kính và ái kính Thiên Chúa trong Scala Paradisi

Mỗi nền văn hóa có những chuẩn mực cho những thành viên trong đó. Có những người được nuôi nấng và dạy dỗ trong một nền văn hóa mà sự úy mị không dành cho người nam. Một thằng con trai hay khóc sẽ bị coi là mít ướt. Một thanh niên sụt mướt, mắt luôn long lanh ngấn lệ, sẽ bị cho là không nam tính. Nói nôm na, đã là con trai thì không khóc – Đơn giản chỉ có thế! Nhưng câu chuyện sẽ hoàn toàn khác nếu ta đặt nó trong bối cảnh tu đức thời Trung Cổ, khi mà khóc là một ơn thánh dành cho cả nam lẫn nữ.

Có thể nói “nước mắt” là một hình ảnh tiêu biểu trong nền linh đạo Kitô giáo. Nó như một mô-típ được các tác giả tu đức sử dụng khi nói về hành trình tâm linh của một cá vị. Những giọt nước mắt trên hành trình tâm linh thường được ví như những hạt châu; và ai đã từng một lần khóc trên hành trình đó mới cảm nghiệm được thế nào là sức mạnh của ơn châu lệ (donum lacrymarum).

Khóc là một hành vi thể lý bên ngoài để diễn tả những sự ăn năn, quặn quai, hay một nỗi ưu sầu trong nội tâm. Có những tác giả tu đức có vẻ đã đi quá xa khi nói rằng châu lệ có sức mạnh tẩy xóa những vết nhơ trong tâm hồn và những hành vi ám muội bên trong.

Nhưng không phải đợi đến thời Trung cổ mà ý nghĩa của nước mắt mới được đưa ra bàn luận. Ngay từ những thời đầu của các phong trào tu trì, người ta đã xem nước mắt như một phần của đời sống tâm linh. John Climacus là một bậc thầy tu đức của Giáo hội Đông phương sống khoảng thế kỷ VII. Trong tác phẩm *Scala Paradisi* (tạm dịch: Ba mươi nấc thang lên Thiên Đường) mà Giáo hội Đông phương vẫn đọc trong suốt mùa Chay, đã dành hẳn chương/ bậc thang thứ bảy để bàn về nước mắt; và rải rác trong suốt tác phẩm, ông cũng cho thấy những mối liên hệ giữa việc khóc, dẫn vật nội tâm, sám hối, và đức ái trong hành trình tiến đến sự trọn hảo.

Bên cạnh những giọt lệ tự nhiên sinh ra do những phản ứng thể lý, John Climacus chỉ ra hai loại châu lệ siêu nhiên sinh ra từ những cơn quặn thắt trong tâm hồn (penthos): châu lệ của lòng úy kính, và châu lệ của đức ái. Cả hai tương quan chặt chẽ với nhau. Ông viết ở nấc thang thứ Bảy rằng: “Những lời than vãn và những đau khổ của con người kêu thấu tới Thiên Chúa. Những giọt nước mắt chảy ra từ sự úy kính có sức mạnh cầu thay nguyện giúp cho ta, còn những giọt nước mắt chảy ra từ sự ái kính cho ta biết những lời cầu nguyện của ta đã được Chúa chấp nhận.” Ở nấc thang thứ năm, ông còn bạo miệng nói rằng: “Châu lệ của chúng ta có thể khiến Thiên Chúa phải chạnh lòng thương chúng ta.” Hơn nữa, đối với John Climacus, suối lệ của một người đã được rửa tội còn quan trọng hơn phép rửa họ đã lãnh nhận trước đó. Ông lập luận rằng Bí tích Thanh tẩy tẩy xóa những tội trước khi chịu phép bí tích, còn những tội phạm sau khi chịu phép bí tích chỉ có thể được gột rửa bằng nước mắt.

Nhưng làm sao có được những cơn quặn thắt trong tâm hồn nếu không có đức khiêm nhường chỉ bảo cho ta biết ta là ai và ta như thế nào trong tương quan với bản thân, Thiên Chúa, và tha nhân. Chính sự thật về bản thân đưa đến những dẫn vật nội tâm, và đòi hỏi ta cần phải sám hối để hàn gắn lại mối tương quan lành thánh. Sám hối (metanoia) là giai đoạn trung gian giữa những dẫn vật nội tâm và ơn châu lệ. Sám hối không phải là một công việc nhất thời, xuân thu nhị kỳ, nhưng là một lối sống đòi hỏi sự nỗ lực liên li, trường kỳ. Trong ngày sau hết, Thiên Chúa không đòi hỏi chúng ta những phép lạ hay

những ơn ngoại thường, nhưng Ngài sẽ hỏi chúng ta có dẫn vật khóc tội (penthos) liên li hay không. Sám hối chính là một cuộc vượt qua (pascha) đưa hối nhân vượt qua cái chết trong tội lỗi để tiến vào miền đất sự sống. Đó là một tiến trình không ngừng làm mới bản thân – một cuộc phục sinh thực sự. John Climacus gọi sám hối là con của niềm hy vọng, là phương dược chữa trị chứng tuyệt vọng.

John Climacus xem châu lệ như là bằng chứng cho thấy lòng úy kính Thiên Chúa nơi người tu sĩ. Nhưng rõ ràng hơn cả, đối với John, chính là người ta khóc khi họ nhận ra mình đã đánh mất một thứ vô cùng quý giá – một bản sắc của người công dân nước trời – họ khóc vì nhớ, vì hoài niệm, vì mong mỏi có lại được quê hương thiên đàng đó. Họ khóc lóc thảm thiết, họ kêu gào thất thanh từ đáy vực thăm như lời của vịnh gia trong bầy thánh vịnh sám hối. Họ thảm thiết kêu gào lên Chúa, từng giọt vắn dài, lệ tuôn đầm gối. Họ tưởng nhớ lại những ngày xưa cũ và hoài niệm mọi công trình tay Chúa dựng nên. Đối với John Climacus, hoài niệm và khóc than là hai yếu tố luôn song hành. Người tu sĩ rút lui vào nơi thanh vắng không phải để trốn tránh sự đời hay khinh bỉ những sự thế gian, nhưng cốt là để dành phần đời còn lại để đi vào một tương quan thật sâu đậm với Thiên Chúa qua việc thanh tẩy con tim và những đam mê (purificatio) để đón nhận ánh sáng thần linh vào tâm hồn (illuminatio), hầu có thể đi vào một cuộc nhiệm hiệp với Thiên Chúa (deificatio). Mặc dù đó là hành vi cá nhân, nhưng nó lại có liên hệ với mọi người. John Climacus dạy rằng đức ái chân chính được biểu lộ qua việc xem bất hạnh về thể xác lẫn tâm linh của người khác cũng như của chính mình. Ông nói ở bậc thang thứ chín rằng: “Khi nghe biết có người nào đó gặp những điều không may về thể xác lẫn tâm linh, anh em hãy chịu đựng và hãy khóc cho người đó như thể cho chính mình.” Khóc không còn mang tính cá nhân, cho bản thân và vì bản thân. Nhưng những giọt châu lệ có thể tuôn trào cho tất cả mọi người và cùng với mọi người đang cùng chia sẻ bản tính bất toàn vì tội như ta. Đó chính là tiếng khóc của một Kitô hữu.

### 3. Cha Đa Minh khóc như một Kitô hữu

Thuở bình sinh, cha Đa Minh đã từng khuyên anh em đọc *Scala Paradisi* của John Climacus trong mùa Chay. Có lẽ chính Đa Minh cũng đã đọc, đã học và chịu ảnh hưởng của vị thầy tu đức này. Bằng những trải nghiệm trong nước mắt, cha Đa Minh đã thực sự sống trong mối tương quan mật thiết với Thiên Chúa. Sách Khai

nguyên Dòng Anh em Giảng thuyết (Libellus de principiis Ordinis Praedicatorum) của chân phước Jordan Saxony đã họa lại cho hậu thế hình ảnh một Đa Minh đạt dào tình cảm, và cũng dễ xúc động:

Ban ngày không ai hoà nhã, vui vẻ với anh em và bạn bè bằng người. Ban đêm, không ai canh thức kiên trì và cầu nguyện nhiều cách như người. Người từng rơi lệ khi màn đêm buông xuống, hùng đông tới, người lại hơn hờ vui tươi. Ban ngày, người phục vụ tha nhân, ban đêm, người phụng sự Thiên Chúa, vì biết rằng: Ban ngày, Chúa gửi tình thương xuống, ban đêm, con vang ca tán tụng Người. Đa Minh thường khóc và khóc sụt mướt, và nước mắt đã nên như bánh ăn cho người đêm ngày; người khóc ban ngày, trong khi dâng thánh lễ.

*(Trích lại trong Phần riêng Dòng Anh em Thuyết Giáo, Bài đọc kinh Sách lễ thánh Đa Minh)*

Trong tác phẩm Chín Cách Cầu nguyện của thánh Đa Minh, tác giả đã khắc họa hình ảnh một Đa Minh thường cầu nguyện nằm sấp mình xuống đất, giục lòng thống hối, và kêu gào lên Thiên Chúa bằng tiếng khóc thống thiết. Ban ngày Đa Minh lo việc nhà Chúa, đêm về lại thống hối ăn năn. Chính những kinh nghiệm thực tiễn trong lúc đi giảng thuyết, những cuộc gặp gỡ với những anh chị em đang sống trong lạc giáo Albigenses đã tác động mạnh mẽ lên con người Đa Minh. Nhiệt tâm lo việc nhà Chúa, xót thương cho hoàn cảnh của anh chị em đã khiến Đa Minh đêm nào cũng khóc – ngài khóc sụt mướt, nước mắt dàn giụa. Ngài khóc cho mình, và cho anh chị em. Người không dừng dừng, nhưng coi những nỗi thống khổ của anh chị em như của chính mình. Người ôm trọn cả vào mình, và dâng lên Thiên Chúa trong những giờ cầu nguyện và cả trong Thánh lễ. Đó là tiếng khóc của một con người đầy lòng úy kính Thiên Chúa, không muốn phạm bất cứ điều gì xúc phạm đến Đấng mà Ngài hằng yêu mến. Vì ý thức về thân phận yếu kém, tội lỗi của bản thân cũng như của anh em, nên ngài đã khóc sụt mướt, mong được Thiên Chúa đoái thương. Đó là tiếng khóc của một người có Đức Kitô ở cùng – tiếng khóc của một Kitô hữu chân chính.

#### **4. Khóc như Đa Minh trước những thách đố của thời đại**

Những giá trị Kitô giáo nói chung và ý nghĩa của châu lệ trong đời sống Kitô hữu nói riêng đã phải nhường chỗ cho những trào lưu nhân văn, lãng mạn thời hiện

đại. Khi Thiên Chúa không còn chỗ đứng trong đời sống con người, thì ý nghĩa của việc khóc đã bị thế tục hóa. Nỗi buồn lãng mạn đưa con người vào thái độ bi quan, tuyệt vọng. Người lãng mạn sống với một nỗi buồn vô cớ, u uất, yêu thích những dòng nước mắt, lẫn quẩn trong cái tôi cô đơn, theo đuổi cái siêu nhiên và siêu việt trong vô vọng; và tự tử trở thành một thời thượng. Chiều kích tinh thần lãng mạn trở thành một thứ tôn giáo tự do. Tiến thêm khoảng ba thế kỷ, ta bắt gặp một hình ảnh hoàn toàn khác nơi những cư dân thế kỷ XXI. Văn hóa đại chúng khiến nhiều người trở nên xa lạ với nhau, và xa lạ với thói quen tư duy phản biện, cảm nghiệm sâu sắc, và hành động khôn ngoan trước những gì đang diễn ra xung quanh. Họ đánh mất chính mình giữa đại dương các quan điểm và các giá trị tương đối được ra rả từng phút từng giây qua các phương tiện truyền thông đại chúng... Tất cả những vấn đề thời đại đó đưa đến một nhu cầu cần phải học cách “vui với người vui, và khóc với người khóc” (Rm 3:15). Nếu một Kitô hữu không biết khóc than hay chạnh lòng như một Kitô hữu – nghĩa là như một người có Đức Kitô trong cuộc đời – người đó sẽ không bao giờ cảm nghiệm được niềm hoan hỷ sâu xa mà Thiên Chúa sẽ ban tặng, vì như Đức Giêsu đã nói: “Ai khóc than ấy là phúc thật, vì chung sẽ được an ủi vậy” (Mt 5:4). Đọc lại gương các thánh, cách riêng là cuộc đời thánh Đa Minh, ta nghe thấy những tiếng khóc than có sức mạnh kết nối người với người, và người với Thiên Chúa – tiếng khóc than có sức mạnh khiến Chúa phải chạnh lòng thương mà đoái nhìn, như lời của John Climacus. Đó là tiếng khóc của một Kitô hữu chân chính.

Để kết thúc, tôi xin mượn lời kinh trong bộ lễ xin ơn tha thứ tội lỗi (cũng được gọi là bộ lễ xin ơn châu lệ) trong Sách lễ Rôma. Dưới đây là lời nguyện nhập lễ:

Lạy Thiên Chúa toàn năng và rất nhân hậu, Chúa đã làm cho tảng đá thành mạch nước tuôn trào sự sống cho đoàn dân đang khát. Chúng con cũng nài xin Chúa cho tuôn trào những dòng nước mắt đau thương trong tâm hồn chúng con, ngõ hầu chúng con biết khóc cho tội mình đã phạm, và đáng hưởng ơn tha thứ do lòng Chúa xót thương. Chúng con cầu xin nhờ Đức Giêsu Kitô Con Chúa, và cũng là Chúa chúng con, Người hằng sống và hiển trị cùng Chúa, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời. Amen.





# HỌC HÀNH

## và Cầu nguyện

**Phêrô Piô Chu Hoài Nam**  
*Tập Sinh Đa Minh 2021*



**K**hi cha thánh Đaminh thành lập Dòng vào đầu thế kỷ 13, người nhấn mạnh vào khía cạnh học tập siêng năng, chiêm niệm sâu sắc, và đời sống phụng vụ chung - tất cả đều nhằm rao giảng vì phần rỗi các linh hồn. Chính trong khuôn khổ này, đời sống Đaminh có thể được mô tả một cách chính xác là đan tu hoạt động. Người Đaminh theo quan niệm của Cha Thánh là một người lao động trên bàn học của mình trong những trang sách thánh suy ngẫm về các mầu nhiệm của Thiên

Chúa, cảm nghiệm Chúa trong chiêm niệm, và được nuôi dưỡng bằng một đời sống phụng vụ và cầu nguyện sốt sắng để việc tông đồ rao giảng của người tu sĩ Đaminh có thể đạt hiệu quả. Tu sĩ Đaminh là một đan sĩ nhưng không bị bó hẹp vào trong khuôn khổ của một tu viện, thay vào đó là một đan sĩ mang sứ vụ hoạt động chiêm niệm và rao giảng không ngừng. Đặc trưng cơ bản của đời sống Đaminh có thể tóm tắt bằng một phương châm của Dòng: *contemplata aliis tradere* (hãy trao những thành quả của việc chiêm niệm). Trong chiều kích này, con xin chia sẻ những trải nghiệm và những cảm nghĩ trong những ngày tháng sống trong tập viện.

Việc học hành là lao động của người Đaminh. So với các dòng tu khác, như Dòng Biển Đức và Dòng Xitô, những đan sĩ làm công việc chân tay, Dòng Đaminh nhấn mạnh việc nghiên cứu các giáo lý thiêng liêng và Lời Chúa để việc rao giảng của người Đaminh có chiều sâu và bề rộng. Như vậy, việc học tập hướng đến việc rao giảng cho các linh hồn chứ không phải vì lợi ích của chính nó. Và bởi vì nó đòi hỏi sự cần cù, việc học bao gồm một yếu tố của sự khổ hạnh đối với người Đaminh và là một phần của việc tuân thủ kỷ luật trong đời tận hiến. Hơn nữa, bản thân việc học cũng cho phép người

Đaminh suy ngẫm trong cầu nguyện bởi vì việc học nhằm mục đích sở hữu chân lý và Thiên Chúa chính là Chân lý. Một ví dụ điển hình về điều này là tác phẩm của vị đại thánh Dòng, Tôma Aquinô. Nhiều tác phẩm của thánh nhân mang tính học thuật cao, nhưng kèm theo đó là những ý tưởng dài mà không liên quan trực tiếp với chủ đề mà ngài đang nói tới ngay lúc đó vì ngài đang chìm sâu hơn vào những mầu nhiệm của Thiên Chúa, đến nỗi lời văn của ngài trở thành những lời cầu nguyện. Ôi đẹp thay! Như vậy, việc học tập đối với người Đaminh là nhằm nhận biết Thiên Chúa và từ đó yêu mến Ngài.

Việc cầu nguyện là trung tâm của đời sống Kitô giáo. Nhưng đối với người Đaminh, cầu nguyện giữ tầm quan trọng tối cao và có hai hình thức chính: Kinh Thần vụ và cầu nguyện nội tâm (mental prayer). Thông qua Kinh Thần vụ, người tu sĩ tham gia với toàn thể Giáo hội để ca tụng Thiên Chúa bằng chính lời của Sách Thánh, đặc biệt là các thánh vịnh. Đối với người Đaminh, lời ca tụng được xướng lên trong chorô, để thánh hóa cả ngày và là một biểu hiện hữu hình cho đời sống huynh đệ của cộng đoàn: anh em cùng chung một giọng thờ phượng Thiên Chúa. Hình thức thứ hai là cầu nguyện nội tâm. Đây là một cách cầu nguyện tìm kiếm sự kết hợp với sự sống Thiêng liêng, nó sử dụng khẩu nguyện và suy niệm làm bàn đạp với mục đích là sự ‘nghỉ ngơi’ trong Chúa. Và vì vậy, nếu đời sống tận hiến là một “trường học của sự hoàn hảo,” như thánh Tôma nói, thì Tập viện là một ‘trường mầm non của việc cầu nguyện.’ Tại đây tập sinh được huấn luyện cách cầu nguyện và thực hành việc cầu nguyện hàng ngày. Vì không có nhiều phân tâm, tập sinh phải tập trung lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa trong sự cầu nguyện nội tâm và tham gia vào sự ngợi khen và tôn thờ của toàn thể Giáo hội qua Kinh Thần vụ.

Trải nghiệm của con trong hai lĩnh vực này sáu tháng qua phần lớn là tích cực.

Trong Tập viện, việc học tập không như ở trong đại học vì không có bài phải bị chấm điểm và không nhận tín chỉ cho các môn học. Hơn nữa, các thầy Tập viện được khuyến khích đọc hầu hết những tác phẩm tâm linh chứ không phải triết học hay thần học. Lý do là vì những tác phẩm về đời sống tâm linh dễ dàng đưa mình đến với sự cầu nguyện nội tâm hơn. Sau năm tập, con sẽ có nhiều thời gian để

theo đuổi những môn học khác tại Học viện. Mặc dù điểm số không được dùng để đánh giá, nhưng khía cạnh khổ hạnh của việc học vẫn còn. Bởi vì nó là khổ hạnh, nên việc theo đuổi việc học giúp thanh lọc tâm hồn. Vì vậy, con tham gia học hành mà không gặp quá nhiều khó khăn. Thậm chí con rất vui vì có thể tập trung vào việc phát triển kiến thức của đời sống tâm linh.

Việc cầu nguyện, cả cầu nguyện chung và riêng, đều nhất quán. Nhờ có horarium (thời khóa biểu của Tu viện) con tham gia vào các giờ cầu nguyện chung của Giáo hội qua Kinh Thần vụ và còn có nhiều thời gian để tìm kiếm sự hiệp thông với Chúa. Khoảng thời gian lectio (suy niệm về Thánh kinh) và giờ cầu nguyện hàng ngày cũng như những lúc ngồi trong phòng im lặng, khuyến khích con cầu nguyện và dâng mình trước mặt Chúa.

Bản thân quá trình tập viện thì không có nhiều cơ hội cho công tác tông đồ ở ngoài, nhưng đây không phải là vấn đề. Nhắc lại phương châm của Dòng đã giới thiệu ở trên, *Contemplata aliis tradere*, sự chiêm niệm mà phương châm nói đến chủ yếu bao gồm việc học hành và cầu nguyện. Với điều này, người Đaminh được tiếp thêm năng lượng thích hợp để làm chứng cho toàn thể giới về sự Thiện hảo của Thiên Chúa. Vì sứ mạng của Dòng là rao giảng nhằm cứu độ các linh hồn, nên tu sĩ Đaminh có bổn phận học tập và cầu nguyện để có thể sốt sắng rao giảng và khuyên người nghe hoán cải. Nhưng quan trọng hơn theo truyền thống của Dòng, lời rao giảng còn để “Kích thích người nghe tìm kiếm chân lý” (LCO # 77 § II). Nếu không có sự cầu nguyện và học tập, thì lời rao giảng tông đồ của người Đaminh sẽ nông cạn và, tệ nhất, là đạo đức giả. Đơn giản, ta không thể cho đi cái mà ta không có trước. Vì vậy, đối với người Đa Minh, gắn bó mật thiết với Thiên Chúa trong lời cầu nguyện và tìm kiếm Ngài trong việc học tập là điều cần thiết cho linh đạo của Dòng và sự cứu rỗi các linh hồn.

Xin tiếp tục cầu nguyện cho con và các anh em của con, để chúng con có thể đi sâu hơn vào việc chiêm niệm để được chuẩn bị đầy đủ và xứng đáng cho việc rao giảng Tin Mừng Chúa Kitô!



*“Tôi muốn được chôn dưới chân anh em”*

# Tái khám phá tình huynh đệ Đa Minh

## Dẫn nhập

Anh chị em thân mến

Xin phép giản lược các lời xưng hô mở đầu, bởi vì một trong những mục tiêu của bài thuyết trình hôm nay nhắm tới mối tương quan trong gia đình Đa Minh.

Khi được mời nói chuyện nhân kỷ niệm 800 năm ngày tạ thế của thánh Đa Minh, ý tưởng đầu tiên được gọi lên là kể lại những năm tháng cuối cùng, đặc biệt là ôn lại “Di chúc” của ngài. Nhưng như tôi đã viết trong cuốn sách *Tim hiểu dòng Đa Minh*[1], cha thánh ra đi mà không để lại một chúc thư nào hết. Các anh em ghi lại một vài lời trời trăn, mà khoa phê bình sử học đã cho thấy phần lớn là phịa, chẳng hạn như: cha thích nói chuyện với các cô trẻ hơn là với các bà già; hoặc lời chúc dữ cho ai du nhập quyền sở hữu tài sản. Sau khi đã thanh lọc các thứ rác rưởi, chỉ còn lại ba câu nói ngắn ngủi đáng tin cậy. Thứ nhất: “Hãy có lòng bác ái, hãy giữ đức khiêm nhường, hãy chiếm hữu sự khó nghèo tình nguyện”. Thứ hai: “Tôi muốn được chôn dưới chân anh em”. Thứ ba: “Tôi sẽ trở nên ích lợi cho anh em sau khi chết hơn là khi còn sống”[2].

Với số dữ liệu ít ỏi như vậy, làm thế nào soạn một bài thuyết trình? May thay, cha nguyên bề trên tổng quyền Bruno Cadoré đã sử dụng những câu nói ngắn gọn để viết một lá thư cho toàn dòng (ngày 6/8/2018), tuyên bố mở năm tưởng niệm[3]. Tôi sẽ không lặp lại những điều ấy, nhưng muốn khai triển theo một hướng khác, nhân dịp Đức Thánh Cha Phanxicô công bố thông điệp



*Fratelli tutti* (ngày 3/10/2020) đề cập đến “tình huynh đệ và tình bạn xã hội”. Điều trớ trêu là một vị giáo hoàng Dòng Tên lấy danh hiệu Phanxicô đã hai lần trung dẫn thánh Phanxicô Assisi trong hai thông điệp *Laudato si* và *Fratelli tutti*, nhưng không hề nhắc đến thánh Đa Minh! Giả như đề cập đến môi sinh mà không đụng tới thánh Đa Minh thì cũng bình thường, nhưng chẳng lẽ thánh Đa Minh không có chi đóng góp cho tình huynh đệ hay sao? Đó là động lực khiến tôi tìm hiểu đề tài “Tình huynh đệ Đa Minh”, mà hôm nay tôi muốn chia sẻ với anh chị em, một cơ hội quý giá để tái khám phá một nét mà tôi nghĩ là diễn tả căn tính của dòng *Fratres Praedicatorum*, đồng thời có thể trả lời một thắc mắc mà nhiều anh chị em chưa hề nghĩ tới: tại sao Dòng ba Đa Minh được gọi là “huynh đoàn”? Thưa bởi vì tiếng *Fraternitas* vừa có nghĩa là “tình huynh đệ” vừa có nghĩa là “huynh đệ đoàn”.

Trước khi vào đề, tôi muốn lưu ý anh chị em về vấn đề từ ngữ. Khi vừa nghe thông báo tựa đề của thông điệp

Fratelli tutti, một phản ứng tiêu cực đầu tiên đã nổi lên từ phía các phong trào nữ quyền, bởi vì xem ra các phụ nữ đã bị gạt ra bên lề! Nhưng đâu mấy ai nghĩ rằng nếu chuyển dịch sang tiếng Việt, các khó khăn sẽ còn tăng lên gấp bội. Thực vậy, trong các ngôn ngữ châu Âu, một danh từ frater (tiếng Latinh, frère tiếng Pháp, brother tiếng Anh, fratello tiếng Ý, hermano tiếng Tây-ban-nha) có nghĩa là “anh” và “em”: cả hai đều ngang hàng; còn trong tiếng Việt, giữa “anh” và “em” có một hệ trật trên dưới, vì thế được gọi bằng hai danh từ khác nhau.

Một nhận xét nữa khá thú vị là trong tiếng Việt, “anh em” có thể hiểu về anh em ruột (cùng cha cùng mẹ) hoặc anh em họ (cùng gốc tổ). Trong các ngôn ngữ Âu châu, “anh em” theo nghĩa đen chỉ áp dụng cho anh em ruột; để gọi các anh em họ hàng thì có một danh từ khác (cousin tiếng Pháp và Anh; cugino trong tiếng Ý, primo trong tiếng Tây-ban-nha). Điều này gây khó khăn khi giải thích thuật ngữ “các anh em của Chúa Giêsu” trong các sách Tin mừng. Dĩ nhiên, nếu hiểu theo nghĩa bóng, anh em có thể mở rộng cho những người thuộc một dân tộc (cùng một tổ tiên), hay một tổ chức hay băng đảng (đại huynh, đại ca).

Trong bài này, những gì được nói về “anh em” cũng có thể áp dụng cho “chị em”, trừ khi nào mạch văn đã quá rõ, chẳng hạn như khi thánh Phaolô tuyên bố Đức Giêsu là “Trưởng nam” của một đàn em đông đúc (Rm 8,29), thì xin đừng ai đổi thành “Chị cả”! (Bên Âu châu, nhiều tổ chức phụ nữ đã sáng chế danh từ sorority để thay thế fraternity).

Bài thuyết trình mang tính lịch sử, ôn lại những thăng trầm của tình huynh đệ, chứ không phải là một bài huấn đức. Câu hỏi được đặt như sau: “Ai là anh em của tôi? Vì sao gọi là anh em?” (chứ không hỏi: “Làm thế nào sống tình anh em? hay: Làm thế nào xây dựng cộng đồng huynh đệ?”). Sau những lời dẫn nhập, tôi sẽ rảo qua ba giai đoạn chính: 1/ Tình anh em trong Tân ước; 2/ Tình anh em trong lịch sử đời tu; 3/ Tình anh em trong các văn kiện Giáo hội thời cận đại, cách riêng là các văn kiện của Đức Thánh Cha Phanxicô. Như vậy chúng ta học hỏi tình huynh đệ Đa Minh trong một bối cảnh rộng lớn của toàn thể Giáo hội.

Nói đến “thăng trầm” thì hiểu là lúc lên lúc xuống, hoặc mặt trái mặt phải. Tôi xin đưa một thí dụ về mặt trái và mặt phải qua việc giải thích câu nói của thánh Đa Minh: “Tôi muốn được chôn dưới chân của anh em”.

Xuất xứ của câu nói này là lời khai của anh Radulphus Faenza, quản lý tu viện Bologna, trong vụ điều tra phong thánh (năm 1233). Đương sự kể lại rằng một người anh em (không nhớ tên) đã hỏi cha Đa Minh trên giường hấp hối: “Thưa cha, cha muốn được chôn ở đâu?” Cha đáp không chút ngập ngừng: “Ở dưới chân anh em” (Pater, ubi vultis sepeliri corpus vestrum? Sub pedibus fratrum).

Câu nói này có thể hiểu theo hai nghĩa, nghĩa xấu và nghĩa tốt (hoặc: tiêu cực và tích cực).

1/ Xin bắt đầu bằng nghĩa xấu trước. Nghĩa xấu (tức là của kẻ xấu miệng) cũng có hai cách giải thích.

a) Một là: “Hãy để cho cha nghỉ yên giấc ngàn thu, đừng ai quấy rầy nữa”. Có lẽ đó là lý do mà anh em chẳng lo tiến hành việc phong thánh. Nên biết là thánh Phanxicô qua đời năm 1226, và hai năm sau đã được phong thánh; đến năm 1232, Dòng Anh em Hèn mọn đã có vị thánh thứ hai (Antôn Padua). Đang khi đó, cho đến mãi tận năm 1233 (12 năm sau khi qua đời), đại học Bologna mới yêu cầu xúc tiến phong thánh cho cha Đa Minh, và anh em ta chỉ “hợp thỉnh”. Dòng ta không có nào trạng tôn sùng lãnh tụ!

b) Nghĩa xấu thứ hai còn tệ hơn nữa, đó là: “Xóa sạch đi!” (theo ngôn ngữ máy vi tính: bấm nút Delete). Tôi vừa nhắc đến chuyện Đức Thánh Cha Phanxicô viết hai thông điệp gọi hứng từ các tác phẩm của thánh Phanxicô Assisi, nhưng không trưng dẫn một bản văn nào của thánh Đa Minh. Tại sao? Câu trả lời rất đơn giản: tại vì không tìm thấy tài liệu! Như anh chị em đã biết, ngày nay, người ta chỉ còn giữ lại một lá thư của cha gửi cho nữ đan viện Madrid. Một nghi vấn được đặt lên: Chẳng lẽ một con người học thức, một con người đã cố động nâng cao trình độ trí thức của các tu sĩ mà suốt đời lại không viết một bản văn nào hay sao (trong khi Phanxicô đâu có học hành gì đâu)? Chắc hẳn là cha đã viết nhiều thư cho anh em cũng như cho các chức sắc trong Giáo hội[4], nhưng anh em ta không trân trọng lưu giữ bút tích của vị sáng lập. Chỉ cần đưa ra một trường hợp tương tự thì đủ rõ: giữa cha Giordanô và chị Diana, đã có một cuộc trao đổi thư từ khá thường xuyên; thế mà ngày nay, chỉ còn giữ các thư của cha gửi cho chị (nghĩa là chị chịu khó cất giữ), còn những thư của chị gửi cho cha thì biến đâu hết! Điều này chẳng nói lên sự bạc bẽo của anh em đầy ư?

2/ (Sed contra). Bây giờ chúng ta bước sang nghĩa tốt.

Cũng có hai cách giải thích.

a) Một là, theo cha Bruno Cadore, ước nguyện được chôn dưới chân anh em diễn tả đức khiêm tốn theo gương Thầy chí thánh, hạ mình đi rửa chân cho các môn đệ; và đồng thời nó cũng nói lên lòng quý trọng tình huynh đệ. Vào thời ấy, người ta mong ước được mai táng bên cạnh mồ các vị thánh, để chia sẻ công đức của các ngài. Đối với cha Đa Minh, “nơi thánh” ấy là cộng đoàn của các anh em.

b) Lối giải thích tích cực thứ hai: cha Đa Minh muốn tự xóa nhòa trước mặt anh em (màu nhiệm kenosis: tự hủy). Cha không muốn để cho dấu ấn cá nhân đè nặng lên anh em. Ngay từ tổng hội năm 1220, cha đã xin từ chức bề trên (vì cảm thấy mình bất xứng), và trao việc điều hành Dòng cho các giám định viên. Hiến pháp sẽ được soạn thảo bởi tổng hội chứ không do cha viết ra. Câu chuyện xem ra đơn giản, nhưng khi đối chiếu với thánh Phanxicô, ta mới thấy Đa Minh cao tay ẩn. Thực vậy, theo lời đề nghị của anh em, năm 1221, Phanxicô đã viết một bản luật trình lên Tòa Thánh (quen gọi là bản luật số 1: Regula prima, non bullata); Tòa thánh không chấp thuận và yêu cầu nhờ chuyên viên sửa lại, và thành quả là bản luật chính thức được châu phê năm 1223 (Regula secunda, bullata: bản luật số 2). Vài tháng trước khi qua đời, thánh nhân viết bản Di chúc (Testamentum), ôn lại những quãng đường Chúa đã thương diu dắt mình. Sau khi cha nhắm mắt rồi, anh em mới nêu lên nghi vấn: đâu là ý muốn đích thực của vị sáng lập: bản luật số một, bản luật số hai, hay là bản di chúc? Cuộc tranh luận đã đưa đến sự phân chia nhiều nhánh trong Dòng. May thay, chuyện này đã không xảy ra đối với anh em Giảng thuyết, bởi vì ý định của đấng sáng lập được biểu thị qua những quyết nghị của tổng hội chứ không qua các bút tích cá nhân. Nói cách khác, thánh Đa Minh tôn trọng anh em: Dòng là kết quả do anh em cùng nhau xây dựng, chứ không chỉ là công trình của vị sáng lập. Người muốn tỏ ra là một “huynh trưởng” chứ không phải “gia trưởng”. Đến đây, tôi xin mạo muội so sánh cha Đa Minh với Đức Giêsu. Thánh Phanxicô muốn họa lại Đức Giêsu sinh ra khó nghèo trong hang đá và chết trần trụi trên thập giá. Thánh Đa Minh muốn họa lại Đức Giêsu dưới một khía cạnh khác: Người đã sống 30 năm ẩn dật tại Nazareth, chỉ giảng đạo 3 năm, và không viết một tác phẩm nào (Các sách Tin mừng là do các môn đệ viết, chứ không do Người đọc chính tả). Một cách tương tự như vậy, cha Đa Minh cũng sống ẩn dật trong suốt 35 năm, bắt đầu hoạt động ở Toulouse từ năm 1205, và nổi bật từ sau công đồng Lateranô IV

năm 1215 (nghĩa là vào 6 năm cuối đời), và không để lại bút tích nào hết. Cha quả là một nhà giảng thuyết thâm lặng! Đề tài này để đưa chúng ta tới gần thánh Giuse thâm lặng trong năm kính nhớ ngài, nhưng tôi không muốn lạc đề.

Anh chị em thấy không: chỉ một câu nói mà có thể giải thích theo nghĩa tốt và nghĩa xấu. Đời là thế đấy: thực tại nào cũng có hai mặt. Như sẽ thấy, không những tình huynh đệ trong đời tu có mặt trái và mặt phải của nó, mà thậm chí tình anh em ruột thịt cũng không thiếu những méo mó lệch lạc. Dù biết vậy, nhưng không ai cấm chúng ta mơ ước một lý tưởng tốt đẹp hơn.

Bây giờ chúng ta đi vào nội dung lịch sử tình huynh đệ, bắt đầu từ Kinh thánh.

## I. Kinh thánh: Tình huynh đệ Kitô giáo

Chúng ta lướt qua Cựu ước và sẽ dừng lâu hơn ở Tân ước.

### A. Cựu ước

Hai câu hỏi: Ai là người anh em? Tình huynh đệ dựa trên nền tảng nào?

1) Cũng tương tự như bên Việt Nam, trong tiếng Do thái, các từ ‘ha và rea ám chỉ người anh em ruột (thí dụ St 4,2), hoặc anh em họ (thí dụ St 13,8; Lv 10,4), hoặc người cùng một bộ tộc (2 Sm 19, 13). Thậm chí, đôi khi bạn hữu (St 29,4), đồng bào (thí dụ: Lv 19,17-18; Đnl 15,2.12) cũng được gọi là anh em.

2) Dù sao, tình huynh đệ này không thuần túy dựa trên tình cảm tự nhiên (cùng một dòng tộc, cùng tổ tiên) nhưng là trên một nền tảng tôn giáo. Người Do thái ý thức rằng họ thuộc về một dân tộc do Thiên Chúa tuyển chọn kể từ ông Abraham, người được nhận là tổ phụ (x. Ga 8,33-42.53.56). Ý thức của sự “thuộc về” này phát sinh ra sự phân biệt giữa những người “nội” (ở trong) và “ngoại” (ở ngoài). “Anh em” được hiểu về “phía nội”, nghĩa là những người thuộc dân tộc Israel, cần được yêu thương giúp đỡ họ. Còn đối với “ngoại kiều”, nghĩa là những dân khác (Đnl 1,16;15, 2), thì theo những quy định khác.

3) Trong tiềm thức của nhiều dân tộc, vốn có một khuynh hướng mở rộng tình anh em, vượt lên trên tình nghĩa ruột thịt (tựa như câu tục ngữ ở nước ta: “tứ hải

giai huynh đệ”), nhưng ai ai cũng biết là không phải lúc nào các anh em ruột thịt cũng yêu thương nhau. Những trang đầu của Sách Sáng thế đã ghi lại sự hiềm thù giữa hai anh em Cain và Abel, sự thù địch sinh bởi lòng ghen tương và dẫn đến sự tàn sát (St 4,9), rồi các xích mích giữa Esau và Giacob (St 25), hoặc giữa các anh với người em là Giuse, đó là chưa kể những ghen tị giữa các anh chị em của ông Môsê (Ds 12). Rồi còn phải nói gì đến cảnh phân chia dân tộc thành hai nước Israel (Bắc) và Giuđa (Nam), lôi kéo theo biết bao cảnh chiến tranh tương tàn (x. 1V 12,24; Is 7,1-9)?

Thế nhưng có lẽ chính trong bối cảnh ấy mà nảy sinh những lời khuyên răn hãy biết yêu thương người anh em, xóa bỏ sự căm giận: “Người không được ghét người anh em ... hãy yêu thương người thân cận” (Lv 19,17t). Không rõ ở đây phải hiểu “người anh em” theo nghĩa chặt hay nghĩa rộng. Khi đọc các ngôn sứ, ta vừa thấy những đoạn văn than van cảnh huynh đệ tương tàn, nhưng cũng có những đoạn văn ca ngợi tình huynh đệ. Thật vậy, lắm lúc ngôn sứ đau buồn vì chẳng còn tình yêu huynh đệ gì nữa (Hs 4, 2), anh em chẳng còn biết xót thương nhau (Is 9, 18 tt). Dù vậy, tuy không có gì đau khổ cho bằng bị anh em bỏ rơi (Cn 19,7; G 19, 13), nhưng người anh em thật tình thì vẫn luôn yêu thương cả khi gặp nghịch cảnh (Cn 17, 17): anh em mà gần bó với nhau thì còn mạnh hơn thành lũy (Cn 18,19 theo bản LXX). “Ngọt ngào tốt đẹp lắm thay, anh em được sống vui vầy bên nhau” (Tv 133,1).

## B. Tân ước

Chúng ta chỉ khảo sát ý nghĩa của danh từ “anh em” (adelphos / frater), chứ không bàn đến các đại danh từ được dịch sang tiếng Việt, bởi vì dễ gây hiểu lầm. Một thí dụ: đoạn văn Mt 23,8. Nhóm Giờ Kinh Phụng vụ: “Phần anh em, thì đừng để ai gọi mình là rập-bi, nghĩa là thầy; còn tất cả anh em đều là anh em với nhau”. LM Nguyễn Thế Thuần: “Các người chớ cho gọi mình là Rabbi, vì Thầy của các người chỉ có một, còn các người hết thầy là anh em”. LM An-sơn Vị: “Riêng các con, đừng muốn xưng hô là Thầy, vì các con chỉ có một Thầy mà thôi, còn các con hết thầy là anh em cả”.

Mặt khác, cũng cần lưu ý đến sự phân biệt giữa “frater” (anh em) là danh từ cụ thể, và fraternitas (tình anh em) là danh từ trừu tượng.

1) Trước hết, danh từ “anh em”. Trong các sách Tin mừng, có khi danh từ được hiểu theo nghĩa đen (anh em

ruột thịt), chẳng hạn khi nói đến hai anh em Phêrô và Anrê (Mc 1,16; Mt 10,2), Giacôbê và Gioan (Mc 1,19; 3,17; 10,35; Mt 17,1), hoặc hai chị em Marta và Maria (Lc 10,39; Ga 11,11) cùng với Ladarô. Trong các bài giảng của Chúa, chúng ta thấy nhắc đến nhiều đổ kỵ xảy ra giữa các anh em, chẳng hạn như hai người anh em trong dụ ngôn về người con hoang đàng (Lc 15,11-32), hoặc hai người anh em được gọi đi làm việc vườn nho (Mt 21,28-31), hoặc các anh em sẽ làm khổ cho nhau do việc tuyên xưng Đức Kitô (Mt 10,21; Mc 1,12).

2) Nhất là Tân ước nhiều lần hiểu danh từ “anh em” theo nghĩa bóng [5], với những nội dung khác nhau:

[a] Tin mừng Matthêu nhiều lần sử dụng danh từ “anh em” trong các bài giảng của Đức Giêsu: bài giảng trên núi (5,22--24,47; 7,3-5); bài giảng về cộng đoàn (18,15); bài giảng cánh chung (23,8; 25,40), kèm theo nhiều bản phân luân lý, chẳng hạn như yêu thương, hòa giải (Mt 5,23-24), tha thứ (Mt 18,15-17).

[b] Ở cấp thứ hai, “anh em” được hiểu theo một nghĩa hẹp hơn, ám chỉ các môn đệ của Đức Giêsu, nghĩa là người “thi hành ý muốn của Thiên Chúa” (Mc 3,35), “người lắng nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành” (Lc 8,21).

[c] Lên cao hơn nữa, đặc biệt là sau khi Đức Kitô phục sinh, các anh em được hiểu về các tín hữu thuộc về cộng đoàn Hội thánh. Trong các trình thuật về cuộc phục sinh, thánh Gioan nói đến các “anh em” theo nghĩa ấy (20,17; 21,23). Luca (22,32) ghi lại một nhiệm vụ đặc biệt mà Đức Giêsu trao cho ông Phêrô, đó là củng cố các anh em trong đức tin. Như vậy, cộng đoàn anh em được xây dựng trên nền tảng đức tin vào Đức Kitô tử nạn và phục sinh.

3) Nền tảng của tình huynh đệ Kitô giáo

Một câu hỏi căn bản được đặt ra: dựa vào đâu mà các Kitô hữu coi nhau như anh em? Tình anh em chỉ giới hạn vào các tín hữu hay mở rộng đến tất cả mọi người?

Có nhiều ý kiến khác nhau giữa các học giả:

– Có ý kiến đồng hóa “anh em” (frater) với “người thân cận” (proximus)[6], cũng như “tình huynh đệ” (fraternitas) với đức ái (caritas), vì thế nó bao gồm tất cả mọi người, kể cả các kẻ thù.

– Có ý kiến tìm cách phân biệt như sau: các “anh em” chỉ giới hạn vào những người được tái sinh nhờ đức tin và phép rửa; còn “tha nhân” bao gồm tất cả mọi nhân sinh; vì thế “tình huynh đệ” giới hạn vào cộng đoàn các Kitô hữu, còn đức ái thì mang tính phổ quát. Thiết nghĩ cả hai ý kiến đều có lý bởi vì căn cứ trên bản văn Kinh thánh. Tuy nhiên, giáo sư Joseph Ratzinger, trong cuốn sách “Tình huynh đệ Kitô giáo” xuất bản vào năm 1960[7], đã phân biệt như thế này: tình huynh đệ chỉ áp dụng cho các Kitô hữu bởi vì được đặt nền trên niềm tin vào Thiên Chúa do Đức Giêsu mạc khải; tuy vậy, một khi đã chấp nhận lời giảng của Đức Giêsu thì tình yêu của chúng ta buộc phải mở rộng đến toàn thể nhân loại, cách riêng những thành phần khốn khổ, dựa theo Mt 25,31-46. Dù sao, tác giả lưu ý rằng mặc dù người nghèo được Chúa Kitô gọi là anh em của mình, nhưng không vì thế mà họ trở thành phần tử cộng đồng huynh đệ Giáo hội. Tân ước vẫn có sự phân biệt giữa người anh em “bên trong” (1Cr 5,12-13; Cl 4,5; 1Tx 4,10-12), với những người ở “bên ngoài” [8]. Điều này cho thấy rằng có sự phân biệt giữa “anh em” và người “thân cận”, cũng như giữa “tình huynh đệ” và đức “bác ái”: cần phải thực thi bác ái đối với tất cả mọi người, còn tình huynh đệ dành riêng cho các người đồng đạo[9].

Để hiểu rõ vấn đề, chúng ta hãy tìm hiểu nền tảng của tình huynh đệ này: nó đặt nền tảng trên đức tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi, chứ không chỉ thuần túy dựa trên bản tính con người[10].

[a] Nền tảng thứ nhất của tình huynh đệ là mạc khải của Đức Giêsu về Thiên Chúa là cha. Tuyên ngôn này là yếu tố căn bản của tình huynh đệ Kitô giáo. Tân ước rất nhiều lần tuyên bố rằng Thiên Chúa là cha, vì thế ai tin vào Ngài thì cũng phải nhìn nhận những người khác là anh chị em của mình.

[b] Nền tảng thứ hai là sự hiện diện của Đức Kitô. Người là lời mạc khải kế hoạch của Thiên Chúa muốn quy tụ tất cả mọi người thành một gia đình. Người là chiếc cầu nối kết nhân loại với Thiên Chúa và thực hiện công cuộc hòa giải giữa loài người với nhau (Ep 1,3-14; 2,11-22; Cl 1,12-20). Đặc biệt, thánh Phaolô gọi Đức Kitô là “trưởng tử của một đàn em” (Rm 8,29; x. Hr 2,11). Người là kẻ đi tiên phong: nhờ cuộc phục sinh, Người đã mở ra cho chúng ta con đường sống. Trước đó, Người đã dạy cho chúng ta cách thức đối xử với nhau dựa theo luật yêu thương (Mt 5,21-24.38-48; Lc 10,25-37; Ga 13,34-35...). Người còn làm gương cho chúng ta trong việc hy sinh mạng sống cho nhau (Ga

15,12-13), phục vụ lẫn nhau (Mt 20,26-28). Nhờ bí tích rửa tội, các môn đệ được tham dự vào quyền năng tử nạn và phục sinh của Người, được trở nên đồng hình đồng dạng với Người, nhờ vậy được chia sẻ điều kiện làm con Thiên Chúa và thể hiện cộng đồng huynh đệ (Gl 3,26-28).

[c] Nền tảng thứ ba là tác động của Thánh Linh. Cũng như Đức Kitô ở với các môn đệ cho đến tận thế (Mt 28,20), thì Thánh Linh cũng ở với họ (Ga 14,16), để giúp cho họ hiểu thấu lời của Thầy (Ga 14,26; 16,13). Thánh Linh hiện diện trong tâm hồn các tín hữu, trở thành yếu tố liên kết các phần tử tuy thuộc nhiều ngôn ngữ và sắc tộc nhưng cùng tuyên xưng một đức tin, vượt lên trên sự đố kỵ của tháp Babel. Thánh Linh là nguyên ủy của các ân huệ khác nhau được ban cho các chi thể của Đức Kitô (1Cr 12,12-13). Thánh Linh tạo nên Giáo hội như là cộng đồng huynh đệ, bởi vì Ngài biến họ thành con cái của Chúa Cha.

#### 4) Hội thánh là một cộng đồng huynh đệ

Trên đây chúng ta đã tìm hiểu ý nghĩa của danh từ cụ thể “người anh em” (adelphos / frater). Bây giờ chúng ta bước sang danh từ trừu tượng “tình huynh đệ”: fraternitas. Danh từ này có thể hiểu là “tình anh em” (tình nghĩa huynh đệ) hoặc “cộng đồng huynh đệ” (quen gọi huynh đoàn, một tổ chức có cơ cấu). Nguyên bản Hy-lạp của Tân ước sử dụng hai danh từ khác nhau, philadelphia và adelphotès. Philadelphia dùng để ám chỉ tình huynh đệ (chẳng hạn 1Tx 4,9; Rm 12,10; Hr 13,1; 1Pr 1,22; 2Pr 1,7), còn adelphotès dùng để gọi cộng đồng Kitô hữu. Từ này xuất hiện hai lần ở thư thứ nhất của thánh Phêrô: 1 Pr 2,17 (“Hãy yêu mến fraternitas”) [11] và 5,9 (“Anh em hãy đứng vững trong đức tin mà chống cự, vì biết rằng toàn thể fraternitas trên trần gian đều trải qua cùng một loại thống khổ như thế”). Ý tưởng này còn kéo dài sang thời các giáo phụ[12]. Nói cách khác, Hội thánh là một cộng đồng huynh đệ (huynh đoàn).

Những gì nói trên đây không chỉ là giấc mơ, nhưng đã trở thành hiện thực trong lịch sử của Kitô giáo, với những bước thăng trầm của nó. Tuy lý tưởng này không thể nào thực hiện trong toàn thể Giáo hội, nhưng vẫn có những cố gắng diễn tả lý tưởng ra thực tại, cũng như những nỗ lực khôi phục lại sau những thất bại.

Chúng ta có thể lấy một khuôn mẫu của Hội thánh tiên khởi được mô tả trong sách Tông đồ công vụ (2,42-47): các tín hữu ở Giêrusalem họp thành cộng đoàn,

được quy tụ bởi lời giảng của các tông đồ, cùng cử hành lễ nghi bẻ bánh, và họ đặt mọi tài sản làm của chung (2,44-45 // 4,32b.34.35). Không rõ cộng đoàn ấy tồn tại được bao lâu. Tác giả đã không giấu diếm những khó khăn trong nội bộ (thí dụ 5,1-11; 6,1), cộng thêm những cuộc bách hại từ bên ngoài (4,1-31; 5,17-42). Tuy vậy, cộng đoàn ấy đã trở thành lý tưởng của nhiều phong trào cách mạng xã hội, dù thuộc Kitô giáo hay không, mong muốn cho mọi người sống tình huynh đệ với nhau, cách riêng không để cho ai phải túng thiếu phương tiện sinh sống. Dù biết rằng mẫu gương ấy khó trở thành thực tại lâu bền nhưng không vì thế mà nó biến khỏi tâm thức tập thể. Một hình thức cụ thể để sống lý tưởng huynh đệ là các cộng đồng tu trì, họ muốn bắt chước nếp sống các thánh tông đồ *vita apostolica*. Chúng ta chuyển sang phần thứ hai.

## II. Các Dòng tu và tình huynh đệ

Theo các sử gia, đời tu trì Kitô giáo được khai mạc với các ẩn sĩ bên Ai cập. Thế nhưng đời sống cộng đoàn cũng sớm thành hình giữa các đan sĩ, và các từ ngữ liên quan đến tình huynh đệ đã xuất hiện khá thường xuyên trong các bản luật. Tuy nhiên, có nhiều mô hình khác nhau trong nếp sống huynh đệ.

1) Trong bản luật của thánh Pacomiô (k. 290-346), người ta đã thấy các phần tử được gọi là “anh em”. Bản luật thánh Basiliô (330-379) gọi các đan sĩ là “anh em”, và giải thích lý do, đó là bởi vì “họ có chung nhau cùng một mục tiêu và các lý tưởng”; cộng đồng của họ được gọi là “huynh đoàn” bởi vì họ chia sẻ một nếp sống, đặt tài sản làm của chung, giúp đỡ lẫn nhau, yêu thương nhau cách bền chặt, không ai bị khước từ tình huynh đệ; kể cả người phạm pháp vẫn được đối xử như anh em. Một cách tương tự như vậy, các nữ tu được gọi là “chị em”, một thuật ngữ được phổ biến nhờ thánh Cêsareô de Arles (470-542/43) qua bản luật viết cho một đan viện các nữ tu.

2) Thánh Augustinô lấy cộng đoàn tiên khởi Giêrusalem làm khuôn mẫu cho đan viện, và mặc dù danh từ “anh em” ít được sử dụng trong bản luật, nhưng thực chất phản ánh tình huynh đệ mà bản luật muốn diễn tả. Sống như anh em có nghĩa là vượt qua những sự phân biệt giữa người giàu với người nghèo; sống tình anh em có nghĩa là chăm sóc lẫn nhau và sửa bảo huynh đệ; sống tình anh em đòi hỏi sự chia sẻ tài sản.

3) Trong bản luật thánh Biển Đức (k. 480-547), danh từ

“anh em” ám chỉ các đan sĩ, được vị sáng lập dùng khi gọi ở ngôi thứ hai. Đan sĩ được nhận là anh em kể từ lúc khởi đầu đời đan tu, nghĩa là tập sinh, và dù phần tử có phạm lỗi thì vẫn được coi là anh em. Một đặc tính của đời đan tu Biển Đức là tên gọi “abbas” (gốc từ Đông phương có nghĩa là cha) dành cho bề trên; lý do là vì ngài thay mặt Đức Kitô, dựa trên lời thánh Phaolô “Anh em đã nhận được tình thân nghĩa tử khiến chúng ta thốt lên: Abba, cha ơi” (Rm 8,15). Quyền bính của viện phụ gồm cả chiều kích pháp lý và kỷ luật, nhưng tiên vàn ngài là người điều hành, hướng dẫn tâm linh. Viện phụ giữ vai trò của người cha; các đan sĩ là anh em với nhau bởi vì tất cả có một người cha chung.

4) Các dòng hành khất ra đời vào thế kỷ XIII (tiêu biểu nơi thánh Đa Minh và thánh Phan Sinh) có một quan điểm khác về quyền bính cũng như về tương quan chiều ngang. Người đứng đầu cộng đoàn được gọi là “prior”, anh trưởng giữa các anh em (chứ không phải là “cha” như trước); còn các phần tử gọi nhau là “fratres”. Anh trưởng và các anh em cùng thảo luận và quyết định những chuyện quan trọng. Hơn thế nữa, tình huynh đệ này còn muốn mở rộng ra bên ngoài cộng đoàn, hướng đến xã hội. Đề tài về tình huynh đệ trong các bản văn của thánh Phanxicô Assisi đã gợi ý cho Đức Thánh Cha viết hai thông điệp *Laudato si* và *Fratelli tutti*. Thánh nhân đi đến với các tín đồ Hồi giáo như là các anh em; hơn thế nữa, ngài coi vạn vật cũng là anh chị em: Anh Mặt trời, Chị Mặt trăng, v.v. Riêng đối với dòng Đa Minh, chúng ta nên ghi nhận vài đặc điểm sau đây:

a) Tên chính thức là *fratres praedicatorum* như ta đọc thấy trong sắc lệnh *Gratiarum omnium largitori* của Đức Thánh Cha Honorio III (ngày 21/1/1217). Thuật ngữ *fratres ordinis praedicatorum* xuất hiện trong thư giới thiệu Dòng với hàng giám mục thế giới (ngày 11/2/1218).

b) Tình huynh đệ không chỉ giới hạn vào tương quan giữa anh em với nhau. Mục tiêu của Dòng là loan báo Tin mừng cho muôn dân. Nhưng đời sống huynh đệ là bài giảng hùng hồn nhất về sự hòa giải thế giới.

c) *Fraternitas* không ám chỉ một tâm tình mà thôi nhưng còn bao hàm một cơ chế tổ chức[13], nhờ đó bảo đảm trật tự ổn định cũng như sự tham gia của tất cả các phần tử vào công tác chung. Thánh Đa Minh muốn anh em tuyên khấn sống cộng đoàn và vâng phục[14].

5) Thời giờ ngắn ngủi cho phép chú giải các đoạn văn



về tình huynh đệ[15]. Tuy nhiên, không thể bỏ qua một hiện tượng đáng tiếc đã xảy ra trong các dòng tu, đó là dần dần, từ “fratres” ám chỉ các tu sĩ không linh mục (một tục lệ đã có trước đây trong các dòng đan tu: fratres conversi), đối lại với “patres”[16]. Nói cách khác, danh từ fratres đã bị thu hẹp lại, không còn bao gồm tất cả các tu sĩ nữa[17]. Nhân tiện, nên ôn lại tiếng Việt cho khỏi quên: ngày nay các tu sĩ không linh mục được gọi là “tu huynh” (hay “sư huynh”), còn trước đây gọi là “thầy”. Tại sao gọi là “thầy”? Thưa rằng vì đó là ngôn ngữ “nhà chùa” được du nhập vào tổ chức “Nhà Chúa” (hay nhà Đức Chúa Trời): “thầy” tương đương với “các sư”. Vào thời cha Đắc Lộ, các thầy sẽ lên làm “thầy cả” chứ không làm “cha”, bởi vì cha thì ở dưới thầy, dựa theo hệ trật “quân-sư-phụ”.

Chúng ta chuyển qua phần thứ ba của buổi thuyết trình

### III. Tình huynh đệ đại đồng, dấu chỉ thời đại

#### 1) Tình huynh đệ đại đồng

Vào thời cận đại, nảy lên nhiều học thuyết về tình huynh đệ đại đồng tại Âu châu, mặc dù chịu ảnh hưởng rõ rệt của Kitô giáo, nhưng dẫn đến những kết luận trái ngược với quan điểm Kitô giáo. Sự khác biệt quan trọng nhất ở chỗ Thiên Chúa đã bị cắt đứt khỏi thế giới loài người, do đó cần phải tìm những nền tảng mới cho tình huynh đệ. Điều này rõ rệt nơi khẩu hiệu của cách mạng Pháp năm 1789 “Tự do, bình đẳng, huynh đệ” (Liberté, égalité, fraternité). Trước đây, triết học Kitô giáo tìm chìa khóa giải quyết những vấn đề nhân sinh ở nơi Thiên Chúa. Phong trào Khai sáng không muốn ngược mắt nhìn lên trời nữa, nhưng tìm chìa khóa ở nơi chính bản tính con người. Lý tưởng của họ là tìm ra một nền luân lý phổ quát, xóa bỏ hết mọi hàng rào phân biệt các chủng tộc, phái tính.

Làm thế nào thực hiện lý tưởng ấy? Có người đưa ra nhận xét rằng: nếu ai cảm thấy bị xúc phạm đến tự do và bình đẳng thì có thể kiện ra tòa án, chứ nếu bị xúc phạm đến huynh đệ thì đành bó tay! Trên thực tế, các phong trào cách mạng vận dụng đến vũ lực nhằm san bằng những phân chia giai cấp, và kết quả là tình huynh đệ chỉ giới hạn vào vòng những người thuộc cùng giai cấp vô sản, và loại trừ các thành phần khác, như ta thấy nơi chủ trương của học thuyết Marx. Chủ trương “huynh đệ đại đồng” vô tình lại tạo nên sự phân chia giữa “bạn” và “thù”. Chúng ta cũng đừng quên một sự khó khăn đã được đặt ra cho lịch sử đảng cộng sản Việt Nam vào

giữa thế kỷ XX: liệu cuộc xây dựng một chủ nghĩa vô sản quốc tế có đi ngược lại quyết tâm giành độc lập cho dân tộc, chống lại quân thực dân không?

Dù sao, một điều không thể phủ nhận là những học thuyết về huynh đệ đại đồng bắt nguồn từ Kitô giáo, dựa trên nguyên tắc là “mọi người đều là anh em bởi vì tất cả đều có một cha chung”, hoặc “bởi vì tất cả đều được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa”. Mặt khác, lý tưởng của một cộng đồng những người đặt hết mọi tài sản làm của chung được gọi hứng từ sách Tông đồ công vụ, và được khai triển nơi các cộng đoàn dòng tu. Duy có điều là triết học cận đại muốn cắt đứt mọi tương quan với Thiên Chúa: theo họ, bao lâu còn Thiên Chúa thì con người mất tự do, thiếu trưởng thành.

#### 2) Huân quyền cận đại: Vaticanô II

Ra như bất mạch được khát vọng ấy, tư tưởng về tình huynh đệ đã tái xuất hiện trong các văn kiện của Huân quyền. Trong các văn kiện của công đồng Vaticanô II, danh từ fraternitas xuất hiện 26 lần, và danh từ frater được dùng 105 lần, bàn đến tình huynh đệ ở trong Giáo hội cũng như tình huynh đệ phổ quát. Trong hiến chế Gaudium et spes, công đồng khẳng định rằng tình huynh đệ giữa mọi người thuộc mọi chủng tộc và tôn giáo là điều mà Thiên Chúa mong muốn (x. Ep 1,10): quả thực Thiên Chúa muốn cho tất cả mọi người trở thành một gia đình và đối xử với nhau như anh chị em (GS 24; 92). Tình huynh đệ phổ quát đặt nền tảng trên chân lý về Thiên Chúa là cha của hết mọi người. Chỉ khi con người cư xử với nhau như anh chị em thì họ mới thực hiện ơn gọi của mình (GS số 23). Chúng ta không thể nào kêu cầu Thiên Chúa là cha của hết mọi người, nếu chúng ta không đối xử với những người khác như là anh em, lý do là vì họ được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài (NA 5).

Như vậy, tình huynh đệ không còn giới hạn trong khuôn khổ của một cộng đoàn tu sĩ nhưng mở rộng đến toàn thể Giáo hội và toàn thể nhân loại, Giáo hội phải là bí tích (LG 9. 48; GS 45), nghĩa là dấu chỉ và dụng cụ phục vụ tình huynh đệ phổ quát.

#### 3) Đức Thánh Cha Phanxicô

Như đã nói ở đầu, hai thông điệp của đương kim Giáo hoàng được gọi hứng từ thánh Phanxicô Assisi về tình huynh đệ với vạn vật và tình huynh đệ phổ quát. Thực ra, tư tưởng này đã được phát biểu ngay từ những văn

kiện đầu tiên của triều đại, cụ thể là trong tông huấn “Evangelii gaudium” (24/11/2013) và Sứ điệp ngày hòa bình thế giới năm 2014 với đề tài “Tình huynh đệ: nền tảng và đường dẫn đến hoà bình” (12/12/2013). Ngài ngỏ lời với tất cả mọi người thiện chí, và thông điệp Fratelli tutti trích dẫn cách riêng văn kiện về tình huynh đệ nhân loại ký chung với Đại Imam Al-Alzahar Ahmad Al-Tayyeb (ở Abu Dhabi ngày 4/2/2019). Hẳn có người cho rằng tư tưởng này là một ảo mộng thuần túy! Có thể là như vậy, nhưng tôi chỉ xin đưa ra một nhận xét nho nhỏ để kết thúc bài nói chuyện hôm nay. Trong tông huấn Evangelii gaudium, ngài đã sử dụng thuật ngữ “huyền bí tình huynh đệ” (mistica della fraternità) hoặc “tình huynh đệ huyền bí” (fratellanza mistica) ở các số 87; 92; 272. Tiếc rằng các bản dịch tiếng Việt không nắm bắt được sự thâm thúy của cụm từ này. Đây là một ngôn ngữ thuộc linh đạo Dòng Tên[18]. Nên biết là trường phái tâm linh Dòng Tên rất dị ứng với khuynh hướng huyền bí (hay thần bí: mystique), nhưng Đức Thánh Cha Phanxicô lại thuộc về nhóm thiểu số bị nghi ngờ ấy (tiêu biểu nơi các cha Pierre Favre, Louis Lalle-mant, Jean-Joseph Surin)[19]. Phải hiểu “huyền bí tình huynh đệ” như thế nào? Ở số 87, tác giả viết: “Huyền bí của cuộc sống chung là kết thân và gặp gỡ, là mở rộng vòng tay thân ái đón nhận nhau và nương tựa vào nhau, là bước vào con nước ngập tràn, tuy hỗn loạn, để có thể thực sự trải nghiệm tình huynh đệ, đồng hội đồng thuyền, cuộc hành hương thánh”. Tình huynh đệ nói đây không phải là một cảm xúc tự nhiên, nhưng bắt nguồn từ đức tin chân thật vào Con Thiên Chúa nhập thể, từ đó chúng ta được thúc đẩy gặp gỡ tha nhân với những nỗi đau khổ và những cầu xin của họ, với niềm vui của họ (số 88). Số 91 nói thêm: “Chúng ta cần học tìm gặp Chúa Giêsu ở khuôn mặt của người khác, ở nơi tiếng nói của họ, ở nơi những lời cầu xin của họ. Và học chịu đau khổ trong vòng tay của Đức Giêsu chịu đóng đinh mỗi khi chúng ta bị đá kích một cách bất công hay gặp phải sự vô ơn bội nghĩa, mà không bao giờ chán nản vì đã lựa chọn sống tình huynh đệ. [...] Tông huấn kết luận ở số 92: Đây là một tình huynh đệ huyền bí, một tình huynh đệ chiêm niệm. Chính tình yêu huynh đệ giúp chúng ta thấy sự cao cả linh thánh của người thân cận, gặp thấy Thiên Chúa ở nơi mỗi con người, dung thứ những phiến toái của cuộc sống chung bằng cách bám chặt vào tình yêu Thiên Chúa, mở rộng tấm lòng và tìm kiếm hạnh phúc cho tha nhân như Cha trên trời làm!

Nói cách khác, tình huynh đệ đại đồng đòi hỏi một cái nhìn của đức tin, nhận ra Đức Kitô hiện diện nơi người

anh chị em, cách riêng những người bị xã hội bỏ rơi. Như đã nói ở đầu, bài này tập trung vào khía cạnh lịch sử, chứ không đi vào khía cạnh huấn đức (làm thế nào sống tình huynh đệ). Để kết thúc, tôi chỉ xin đưa ra một đề nghị cụ thể vì muốn trung thành với lịch sử. Dòng chúng ta được gọi là Ordo fratrum predicatorum, dịch là “Dòng anh em giảng thuyết” là đúng. Nhưng trong các văn bản chính thức, chúng ta lúng túng không biết phải dịch frater như thế nào. Xin trưng một thí dụ cụ thể: bản dịch Công vụ tổng hội Biên hòa. Ngay từ trang bìa, chúng ta đọc thấy “Tu sĩ Gerard Timoner bề trên tổng quyền”, và đặc biệt ở trang 8, khi nói đến thành phần tham dự, chúng ta thấy vị chủ tọa là Ts Timoner, còn danh tánh các vị khác không dịch thì để là Fr (Nên biết đây là viết tắt của Frater tiếng Latinh, chứ không phải là Father tiếng Anh). Tại sao chúng ta không dám dịch frater là Anh? Khi mở mạng internet của Tỉnh dòng Phanxicô Việt Nam, chúng ta sẽ thường xuyên gặp thấy các từ: “Anh Tổng phục vụ, Anh Giám tỉnh”; còn công thức khấn dòng là: “Trong tay Anh X, tôi khấn cùng Thiên Chúa toàn năng”.

Ở cuối số 101 của Tông huấn Evangelii gaudium, Đức Thánh Cha Phanxicô đã kêu gọi: “Chúng ta đừng để đánh cắp lý tưởng tình yêu huynh đệ”. Tôi chỉ xin dùng một lời nhỏ nhẹ hơn, nhại lại lời một bài ca của Phạm Duy đã nghe từ hồi còn làm sinh viên: “Trả lại cho em khung trời huynh đệ”. Xin cảm ơn anh chị em.

**Lm. GS. Giuse Phan Tấn Thành, OP**



[1] Chương 15, “Di chúc thánh Đa Minh”, Học viện Đa Minh 2016, trang 226-239.

[2] R. Creytens, Le testament de S. Dominique, in: Archivum Fratrum Praedicatorum 43(1973) 29-72.

[3] B. Cadoré, La sainteté de Dominique, lumière pour l’Ordre des Prêcheurs.- The holiness of Dominic, a light for the Order of Preachers (Prot. 50/18/480).

[4] Luigi Canetti, “Intorno all’ idolo delle origini”. La storia dei primi frati Predicatori”, in: I frati predicatori nel Duecento, a cura di G. G. Merlo, Verona 1996, pp. 9-51.

[5] Trong các thư của thánh Phaolô, hầu hết các lần xuất hiện (133 lần trong tổng số 343 lần của Tân ước), danh từ “anh em” được hiểu theo nghĩa tình thân[5], tức là các phần tử của “Hội thánh của Thiên Chúa” (Một vài đoạn ám chỉ anh em theo nghĩa cốt nhục: Gl 1,19; 1Cr 9,5; Rm 16,15).

[6] U. Falkenroth, “Fratello, prossimo”, in: Dizionario dei concetti biblici del Nuovo Testamento (a cura di L.Coenen) EDB Bologna 1976, p.731-736.

[7] Joseph Ratzinger, La fraternidad de los cristianos, Sigueme Salamanca

2004 (nguyên tác tiếng Đức: Die christliche Brüder, xuất bản năm 1960), trang 49-56.

[8] Tác giả cũng lưu ý là thánh Gioan (sách Tin mừng và các thư) nói đến mệnh lệnh yêu thương anh em, nghĩa là giữa các môn đệ với nhau, chứ không đề cập đến các nhân sinh trên thế giới. Cũng nên biết tác giả chỉ dùng từ anh em theo nghĩa bóng 2 lần trong Tin mừng (20,17; 21,23).

[9] Một thí dụ: “Chúng ta hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho những anh em trong cùng đại gia đình đức tin” (Gl 6,10).

[10] Luigi De Candido, “Fraternità” in: Nuovo Dizionario di Spiritualità, Paoline, Roma 1982, 674-688.

[11] Bản dịch của Nhóm GKPV dịch là: “Hãy yêu thương anh em” (1 Pr 2,17); và “toàn thể anh em” (5,19).

[12] Thí dụ: thánh Clémentê giáo hoàng (Ep. Ad Corinthios 2,4), Thánh Irênê (Adv. Haereses II,31,2), nhất là thánh Cyprianô (60 lần). X. Michel Dujarier: L’Eglise-Fraternité. I: “Les origines de l’expression “adelphotès – fraternitas” aux trois premiers siècles du christianisme”, Cerf, Paris, 1991.

[13] Chúng ta hãy đối chiếu với dòng Phan-sinh thì sẽ rõ. Danh hiệu chính thức là fratres minores. Khi mới thành hình, nhóm mang tên là fraternitas, sau đó mới trở thành religio và cuối cùng là Ordo. X. Julio Micó, OFM Cap. Temas básicos de espiritualidad franciscana (cap. V: La fraternidad franciscana), Valencia 1998. <http://www.franciscanos.org/temas/micotemas05.htm>

[14] Primae constitutiones, Dist. I, ca.14. cf. Liber Constitutionum et Ordinationum O.P., n.17 §1.

[15] Trong lá thư gửi cho Dòng mang tựa đề “Tất cả anh em đều là anh em với nhau” (You are all brothers) (8/8/2009), Anh Carlos A. Aspiroz đã sưu tập các văn kiện của các Tổng hội và các Tổng quyền từ sau 1975 liên quan đến đời sống huynh đệ và cộng đoàn như sau. Quezon City (1977), chương IV – De vita nostra religiosa in mundo hodierno; Walberberg (1980) Caput IV – De vita nostra religiosa in munho hodierno, Caput V – De Vita Communi; Rôma (1983) Caput XIII – De gubernio et vita religiosa; Avila (1986) Caput VII – De vita religiosa; Oakland (1989) Caput II – De vita communi; Mexico (1992) Caput III – De vita communi; Caleruega (1995) Caput III – De vita fraternal; Bologna (1998) Caput III – De formation et vita communi; Providence (2001) Caput IV – De vita contemplativa-de vita communi; Krakow (2004) Caput IV-De vita communi; Bogota (2007) Caput IV-Lòng cảm thương đối với đời sống Đa Minh – Đời sống Anh Em. Damian Byrne, Thư về đời sống chung (25/11/1989); Timothy Radcliffe, Thư Lời cam kết suốt đời (25/02/1998); Carlos A. Aspiroz Costa, Thư Tất cả anh em là anh em với nhau (08/08/2009). Ta cũng có thể thêm: Tổng hội Biên Hòa (2019), chương Ba. Bruno Cadoré, Thư về kế hoạch của tu viện (21/9/2015). Trong các văn kiện của Tòa Thánh, cần nhắc tới Huấn thị của Bộ Đời Sống Thánh Hiến và Tu Đoàn Tông Đồ, Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn (02/02/1994).

[16] Xc. Phan Tấn Thành, Giới thiệu văn kiện Căn tính và Sứ mạng của Tu huynh trong Giáo hội của Bộ Đời sống thánh hiến và các tu đoàn tông đồ (phát hành ngày 4/10/2015), ở địa chỉ <https://catechesis.net/4978-2/>. Nên biết là Bộ Đời sống thánh hiến cũng đã phát hành văn kiện “Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn” ngày 2/2/1994.

[17] Đó là lý do mà có sự phân biệt trong tiếng Anh giữa friars và (lay) brother, hoặc tiếng Tây-ban-nha, giữa frailes và hermanos (cũng như tiếng Ý giữa frati và fratelli).

[18] Christoph Theobald S.J., Mistica della fraternità. Lo stile nuovo della Chiesa e della teologia nei documenti programmatici del pontificato, in: Il Regno – attualità n.9 / 2015 (581-588).

[19] Michel de Certeau S.J., La fable mystique Gallimard, Paris 1982.

# CĂN TÍNH CỦA NGƯỜI ĐA MINH

*“Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy ở điểm này : là anh em có lòng yêu thương nhau”*

(Ga 13:35)



**L**à người Công Giáo, chắc hẳn chúng ta đã rất quen thuộc với câu trần trối này của Chúa Giêsu cho các môn đệ khi Người sắp ra đi để bước vào cuộc Thương Khó. Đây có thể nói là lời giảng cuối cùng đúc kết tất cả những gì Người đã từng dạy dỗ các môn đệ của mình. Và với lời tâm huyết này Chúa Giêsu đã ban cho các môn đệ một căn tính mới. Đó là, cứ qua dấu chỉ yêu thương nhau, mọi người nhận ra căn tính của các môn đệ là những người theo Chúa Giêsu.

Có lẽ, cũng với tinh thần này, cựa bè trên tổng quyền của Dòng Anh Em Giảng Thuyết, Bruno Cadoré, OP, khi đi kinh lý các tỉnh dòng cũng như Phụ Tinh Vinh Sơn Liêm, Calgary, Canada, đã đặt ra câu hỏi cho các thành viên: “Căn tính của anh em là gì?”

Tất nhiên, trước khi là người Đaminh, mỗi một thành viên trong dòng là người Kitô hữu, là người theo Chúa Giêsu. Vì thế, họ có thể đáp là “căn tính của tôi và tất cả anh em là những người theo Chúa Giêsu.” Tuy nhiên, câu hỏi cụ thể trên tổng quên đưa ra không nhằm tìm kiếm câu trả lời đương nhiên như vậy, nhưng nhằm vào căn tính đặc thù của người Đaminh. Nếu như qua hành động yêu thương nhau, người ta nhận ra căn tính của một nhóm người là môn đệ của Chúa Giêsu, thì qua hành động hay việc làm gì, mà người ta nhận ra được một nhóm người là Đaminh?

Đây là câu hỏi rất quan trọng nhưng cũng gây nhiều tranh cãi. Trong phạm vi của bài viết nhỏ bé này, con chỉ mong đóng góp một ít ý tưởng về căn tính của người Đaminh phát xuất từ việc suy niệm về sứ vụ của thánh tổ phụ Đaminh.

Trước hết, chúng ta cần định nghĩa cụm từ căn tính. Căn có nghĩa là căn bản, nền tảng. Tính có nghĩa là tính chất. Do đó, căn tính của người Đaminh là tính chất căn bản, hay nền tảng, của người Đaminh. Vì là mang tính chất nền tảng/căn bản, nên nếu thiếu tính chất này một nhóm người “Đaminh” họ sẽ không thể được coi là người Đaminh thực thụ. Cũng như một nhóm nào đó tự cho mình là “môn đệ của Chúa Giêsu” sẽ không được coi là môn đệ của Chúa Giêsu nếu họ không yêu thương nhau.

Như vậy tính chất căn bản/nền tảng gì làm nên người Đaminh?

Để giúp trả lời câu hỏi này, con nghĩ, chúng ta cần xem xét sứ vụ của thánh tổ phụ Đaminh. Thánh Đaminh lập ra dòng Anh Em Giảng Thuyết là nhằm đáp lại và giải quyết nạn lạc giáo, cụ thể là từ nhóm Cathars. Trên đường trở về từ một sứ vụ được trao phó, thánh Đaminh đã gặp và thuyết phục một người lạc giáo Cathar, cũng là người chủ quán nơi thánh Đaminh trú qua đêm. Đến sáng, thánh Đaminh đã thành công và từ đó ngài đã ôm ấp tâm niệm và thành lập Dòng Anh Em Giảng Thuyết để rao giảng Chân Lý của Chúa mang những người lạc giáo trở lại với chính đạo.

Ở đây, chúng ta có thể nói căn tính của người Đaminh là rao giảng lời Chân Lý. Nhưng nói cho cùng, tất cả những ai dẫn thân vào việc rao giảng Lời Chúa đều là những người rao giảng Chân Lý. Như thế, việc rao giảng Chân Lý, việc mà tất cả những người Đaminh đương nhiên vẫn đã, đang, và sẽ làm, chưa thể hiện

được tính cách đặc thù của người Đaminh để được coi là căn tính của người Đaminh.

Theo con, điều đặt biệt nơi thánh Đaminh là ngài nhìn ra được “dấu chỉ thời đại” (cf. Mt 16:2-4). Nạn lạc giáo Catharism không có gì xa lạ đối với những người cùng thời với thánh Đaminh. Ngay cả Giáo Hội bấy giờ cũng đã phái người rao giảng để chống lại lạc giáo nhưng họ đều thất bại. Nhờ việc nhìn ra “dấu chỉ thời đại” mà thánh Đaminh nhận ra rằng Giáo Hội không thể thuyết phục những người lạc giáo trở lại, trừ khi người rao giảng cũng phải sống khó nghèo như những người lạc giáo. Nói cách khác, ai cũng có thể nhìn ra vấn đề lạc giáo, nhưng chỉ có ai nhìn ra được “dấu chỉ thời đại” mới có thể đáp ứng và giải quyết được vấn đề. Đây là điểm đặc thù của thánh Đaminh, và con đề nghị, đây cũng phải là tính chất đặt thù của chúng ta, những người Đaminh.

Đành rằng khả năng nhìn ra được “dấu chỉ thời đại” không có tính bề ngoài rõ ràng để được nhận ra như hành động yêu thương nhau. Tuy nhiên, nó lại có thể giúp ích cho những hành động cụ thể như việc rao giảng Chân Lý. Ai cũng có thể nhận ra nạn lạc giáo và sự cần thiết của việc rao giảng Chân Lý. Nhưng nếu chỉ có thể thôi vẫn chưa đủ để giải quyết được vấn đề. Bằng chứng là những người giảng thuyết được sai đi trước thánh Đaminh đều thất bại. Khả năng nhận ra “dấu chỉ thời đại” sẽ giúp cho việc rao giảng Chân Lý thành công như trường hợp của thánh Đaminh.

Việc nhìn ra được “dấu chỉ thời đại”, tự nó, có tính chất uyển chuyển để đáp ứng với mọi tình huống. Đây là tính chất rất quan trọng. Ví dụ như tìm ra cách thức rao giảng Lời Chúa và mục vụ hiện nay trong tình trạng đại dịch cúm Tàu. Với tình hình hiện nay, làm sao người Đaminh vẫn có thể rao giảng Lời Chúa và thực hiện mục vụ cần thiết cho giáo dân. Hay, chúng ta cần có cách thức gì để các anh chị em Huynh Đoàn Giáo Dân Đaminh vẫn sinh hoạt được và nâng đỡ cho nhau.

Trên đây là suy niệm của con về căn tính của người Đaminh. Đó là khả năng nhìn ra “dấu chỉ thời đại” để có thể đáp ứng và giải quyết những khó khăn trong việc rao giảng Chân Lý. Con hy vọng, những điều con chia sẻ trên đóng góp được phần nào vào việc xác định căn tính của người Đaminh.

*Martino Maria Nguyễn Huy Thông, OP*



# Holy Father Dominic

## PERSPECTIVE OF “NEW EXPERIENCES” IN THE NOVITIATE



*Hoàng Nam Tú, O.P.  
Tập Sinh Đa Minh 2021*

Holy Father Dominic once said, “Arm yourself with prayer instead of a sword; be clothed with humility instead of fine raiment.” So, what is prayer? Description of prayer is abundant throughout the history of the catholic faith. From the quote above, Holy Father Dominic gives us a metaphoric comparison between the sword and prayer. As the knight would bring a sword into battle against his opponents, Catholics have prayers to aid us in our fight between Satan and his army. Saint Augustine, who wrote the Dominican Orders’ rules, strived to live by each day, states, “True prayer is nothing but love.” The more we pray, the more we grow closer to God, Jesus, and his Holy Family. For this reason, prayer life is essential in the life of Dominican friars. But it is only one of four pillars that encompass the life of a Dominican. Prayer, Study, Common life, and Preaching all work in conjunction with each other to develop the mind, body, and soul of all Dominican Friars.

Before entering the Novitiate in August of 2020, I had a chance to live with the Dominican friars for two and a half months. While there, I was able to get accustomed to the daily life of Dominican friars. Martin, laud, mass, midday prayer, adoration, study, and common life. To now, more than six months into my Novitiate with the Western Dominican Province, I am grateful that I got the time to prepare with the daily life of the Dominican Order and not have everything hit me all at once. However, I have found out that no preparation would help me anticipate and comprehend what I saw and learned during my time in the Novitiate so far.

Firstly, I was mesmerized by the choral office that the western Dominican province friars do. Before, I was not a fan of praying at all. I did it out of necessity and

desire to ask God for something that I wanted, but it was never entirely because I loved doing it. However, after many choral offices, I have come to love praying more deeply. Saint John Vianney states that “Prayer, is the inner bath of love into which the soul plunges it-self.” By opening my heart to loving to pray, I found out that it does not matter if I am saying it or chanting it. Both ways immersed me full of joy. Besides doing the offices with chanting, another thing that helped me understand and strengthen my prayer life was learning about the nine ways of prayer that Saint Dominic would always do. The nine forms of prayers are;

1. praying while bowing to the altar or cross
2. praying while prostrated on the floor
3. praying while scourging himself with an iron chain
4. praying while transfixed upon the cross and genuflected frequently
5. praying with hands held before him as if reading from a book
6. praying with arms outstretched,
7. praying with hands as an arrow directed heavenward
8. praying while doing a reflective reading
9. praying while walking in solitude.

These prayers have helped me to find what form of prayers works best for me. Finally, saying the Rosary each day has allowed me to grow in my spiritual life as

well. Saint Dominics noted, “One day, through the Rosary and the scapular, Our Lady will save the world.” For this reason, as a novice, I am saying the Rosary at least once a day every day. Holy Father Dominic has become my inspiration for prayers, and I attribute my growth in prayers to him.

Secondly, my time living at the Saint Dominic’s Priory in San Francisco, where my Novitiate is, has helped me grow in community life. We are not only living together under one roof, but as brothers, we are sharing our lives. When we live together, communal life challenges us to live as “one mind and one heart in God.” By entirely buying into communal life, Saint Dominic is inviting us to live in apostolic poverty, “we call nothing our own.” Doing so will allow us to share our blessings with the rest of the world more efficiently.”

Finally, studying and preaching the gospel. These last two pillars of Dominican’s Spirituality go hand in hand, in my opinion. When we partake in learning, we gain knowledge of various topics to spread to others in our preaching. Dominican study’s primary goal is God’s word, which is revealed in scripture, tradition, and from Christ himself. For this reason, Saint Dominic made study an essential part of the holy preaching. With the blessing from Pope Honorius III, heavenly father Dominic sent his friars to universities of his time to study and preach in these learning centers. Throughout my Novitiate so far, I have learned a lot about saint Dominic and the history of the order. I have taken those information and everyday conversation with my brothers in the house and everything that I have learned through my reading and incorporated them into the four sermons that I have preached so far. I agree that studying is necessary for preaching, and preaching is essential for others to partake in the studying that I have done. For Dominican, the process of studying is the work of a lifetime, and I hope to be doing that for a while, following in the path of the holy father, Dominic. So, through the life and teaching of our holy father, Dominic, I have learned a lot about what is required of me to be a true Dominican friar. My Novitiate has taught me more about community life and reinforced my understanding of the order and its goals. I love every last moment of my Novitiate so far, but I know that religious life is an ongoing discernment. Prayers

are the key to what my future holds. The more I pray, the more I will open up the true meaning of my discernment. I hope to continue being a Dominican and striving in the ways of Jesus, Holy Father Dominic, and his successors.

## NHỮNG TRẢI NGHIỆM VỀ LINH ĐẠO ĐA MINH TRONG NĂM TẬP

\*\*\*\*\*

*Br. Peter Augustine Hoàng Nam Tú*

Cha Thánh Đaminh đã từng nói, “Hãy trang bị cho mình lời cầu nguyện thay vì một thanh gươm; hãy mặc lấy sự khiêm nhường thay vì mặc cẩm bào lông lầy.” Vậy, cầu nguyện là gì? Có rất nhiều định nghĩa về lời cầu nguyện trong giòng lịch sử của Giáo hội Công giáo. Từ câu trích dẫn trên, Cha Thánh Đaminh cho chúng ta một so sánh ẩn dụ giữa thanh gươm và lời cầu nguyện. Hiệp sĩ mang kiếm vào trận chiến chống lại đối thủ của mình cũng giống như người Công giáo cầu nguyện để hỗ trợ chính mình trong cuộc chiến giữa Satan và đội quân của nó. Thánh Augustinô đã viết các lề luật mà Thánh Đa Minh đã lấy làm kỷ cương cho nếp sống tu trì Đa Minh. Thánh nhân nói: “Cầu nguyện đích thực không là gì nhưng là tình yêu.” Càng cầu nguyện, càng đến gần Chúa, đến gần Đức Giêsu và Thánh Gia của Người hơn.

Vì lý do này, đời sống cầu nguyện là điều cần thiết trong đời sống Đa Minh. Tuy nhiên, cầu nguyện mới chỉ là một trong bốn trụ cột gắn liền với nếp sống Đa Minh. Cầu nguyện, Học tập, Đời sống chung, và Rao giảng được đan kết với nhau nhằm phát triển toàn diện con người Đa Minh. Trước khi vào Nhà Tập, tôi có cơ hội sống 2 tháng rưỡi với anh em Phụ tỉnh tại tu xá Đa Minh Houston, Texas, tôi được làm quen với nếp sống tu trì Đa Minh: kinh sáng, kinh trưa, kinh chiều, thánh lễ, châu Thánh Thể, học tập và đời sống chung. Cho đến nay, tôi đã trải qua hơn sáu tháng trong Nhà Tập của của Tỉnh Dòng Đa Minh Miền Tây, tạ ơn Chúa đã cho tôi thời gian chuẩn bị cho cuộc sống hàng ngày của một tu sĩ Đa Minh. Tôi nhận thức rằng thời gian

trong Nhà Tập đã và đang giúp tôi trải nghiệm sâu đậm hơn về linh đạo Đa Minh.

Thứ nhất, tôi bị mê hoặc trong kinh nguyện khi cộng đoàn xướng lên những lời Kinh Phụng Vụ trong các giờ cầu nguyện. Thú thực, trước đây tôi không thích cầu nguyện chút nào; nếu có cầu nguyện cũng chỉ vì sự cần thiết và mong Chúa ban cho điều gì đó, chứ không phải vì tôi thích cầu nguyện. Tuy nhiên, sau nhiều tháng đọc Kinh Phụng Vụ, tôi bắt đầu yêu mến việc cầu nguyện và cầu nguyện cách sốt sắng hơn. Thánh John Vianney nói: “Cầu nguyện là bồn tắm bên trong của tình yêu mà linh hồn đắm mình trong đó.” Qua cách mở rộng trái tim để yêu thương và để cầu nguyện, tôi nhận thức được việc đọc hay xướng kinh không hẳn là điều quan trọng; tuy nhiên, cả hai cách đều khiến tôi ngập tràn niềm vui. Bên cạnh việc xướng kinh trong các giờ cầu nguyện, một điều khác giúp tôi hiểu và củng cố đời sống cầu nguyện của chính mình là học về chín cách cầu nguyện của Cha Thánh Đa Minh. Sau đây là chín hình thức cầu nguyện của Cha Thánh:

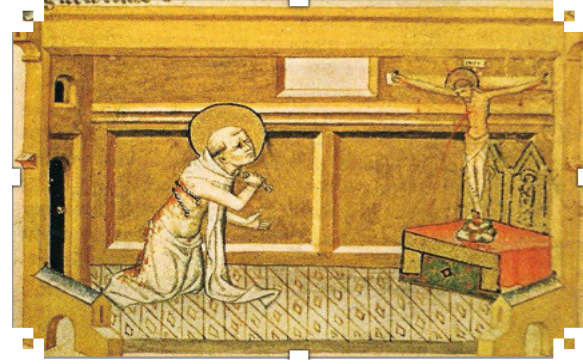
1. Cúi đầu cầu nguyện trước bàn thờ hoặc Thánh giá. Đây chính là thái độ cung kính thờ lạy.



2. Phủ phục cầu nguyện trên sàn nhà. Thái độ tạ tội.



3. Cầu nguyện trong lúc đánh tội, dùng roi sắt đánh vào mình. Thái độ thống hối và đền tội.



4. Bái gối cầu nguyện (và đứng lên) nhiều lần với đôi mắt hướng về Thánh giá.



5. Đứng thẳng cầu nguyện với đôi bàn tay mở rộng như đang tâm sự với Chúa.



6. Cầu nguyện với cánh tay dang rộng, bắt chước cử điệu Chúa Giêsu giang tay trên Thánh Giá.



7. Cầu nguyện với hai cánh tay vươn lên cao như để khấn khoản, van nài.



8. Ngồi tĩnh lặng học hỏi và cầu nguyện.



9. Cầu nguyện khi đi đường, nhất là trong những chỗ thanh vắng.



Những cách cầu nguyện này đã giúp tôi tìm ra hình thức cầu nguyện nào phù hợp nhất cho chính mình.

Cuối cùng, đọc Kinh Mân Côi mỗi ngày cũng cho phép tôi lớn lên trong đời sống thiêng liêng. Thánh Đa Minh lưu ý: “Một ngày nào đó, qua Kinh Mân Côi và Áo Đức Bà, Đức Mẹ sẽ cứu thế giới.” Vì lý do này, một tập sinh

Đaminh như tôi đọc Kinh Mân Côi ít nhất một lần mỗi ngày. Cha Thánh Đaminh đã trở thành nguồn cảm hứng cho những lời cầu nguyện của tôi, và cũng qua ngài mà tôi thăng tiến trong việc cầu nguyện.

Thứ hai, thời gian sống năm tập, tại Tu viện Thánh Đa Minh, San Francisco, California, đã giúp tôi trưởng thành hơn trong đời sống cộng đoàn. Chúng tôi không chỉ sống với nhau dưới một mái nhà, mà là còn anh em với nhau trong Chúa. Như vậy, chúng tôi đang chia sẻ với nhau cuộc sống của riêng mình. Khi sống cùng nhau, đời sống cộng đoàn thách thức chúng ta sống cùng “một tâm trí và một tấm lòng trong Chúa.” Bằng cách tham gia hoàn toàn vào đời sống cộng đoàn, Thánh Đa Minh mời gọi mỗi người chúng ta sống đời sống nghèo khó tông đồ, “chúng ta không có gì là của riêng mình.” Làm như thế cho phép chúng ta chia sẻ ơn phúc với thế giới một cách hiệu quả hơn.”

Cuối cùng là việc học hành và rao giảng Tin mừng. Như chúng ta biết, hai trụ cột cuối cùng của Linh đạo Đa Minh đi đôi với nhau. Khi học tập, chúng ta có thêm kiến thức về các chủ đề khác nhau để truyền bá cho những người khác qua việc rao giảng. Việc học hỏi Lời Chúa là mục tiêu chính của tu sĩ Đaminh. Điều này được mặc khải trong Kinh thánh, truyền thống và từ chính Chúa Kitô. Vì lý do này, Thánh Đa Minh đã coi việc học là một phần thiết yếu của việc rao giảng thánh. Nhờ hồng ân của Đức Giáo Hoàng Honorius III, Cha Thánh Đaminh đã gửi các tu sĩ của mình đến các trường đại học cùng thời để học và giảng tại các trung tâm học tập này. Trong suốt những ngày tháng sống ở Nhà Tập, tôi đã học được rất nhiều về thánh Đa Minh và lịch sử Dòng. Tôi có được những kiến thức đó qua các trao đổi hàng ngày với anh em trong nhà và mọi thứ tôi học được qua sách vở. Tôi đã tổng hợp những ý tưởng này vào trong bốn bài giảng mà tôi đã thực hiện trong năm tập.

Tôi rất tâm đắc về quan điểm học hành cần thiết cho việc rao giảng và việc rao giảng cần thiết để người khác tham gia vào những điều tôi đã học hỏi. Đối với anh em Đaminh, quá trình học tập là công việc của cả cuộc đời; tôi hy vọng sẽ làm được điều đó trong suốt cuộc đời mình, để tiếp bước con đường của Cha thánh Đaminh.

Qua các gương sáng và sự dạy dỗ của Cha Thánh Đa Minh, tôi đã học được rất nhiều điều về những gì tôi cần có để trở thành một tu sĩ Đa Minh đích thực. Tập viện đã dạy tôi rất nhiều về cuộc sống cộng đoàn. Tôi



yêu thích mọi khoảnh khắc trong Nhà Tập, nhưng tôi biết rằng đời sống tu trì là một nhận thức liên tục. Cầu nguyện là chìa khóa cho những điều tương lai của đời tôi nắm bắt. Càng cầu nguyện, tôi càng phát hiện ra ý

nghĩa đích thực của việc nhận thức. Tôi hy vọng sẽ tiếp tục làm người Đaminh và phấn đấu theo con đường của Chúa Giêsu, của Cha Thánh Đaminh, và những người kế vị ngài.



# Mẫu Sương Cầu Nguyện của Thánh Phụ Đa Minh



**Ông Cố Đaminh  
Nguyễn Văn Nhân**  
*Trưởng Liên Huynh Đa Minh  
Nam California, USA*

Chân Phước Gióc-đa-nô, người từng chứng kiến và nghe Cha Thánh Đa Minh cầu nguyện, kể lại: Cha Thánh Đa Minh thường cầu nguyện suốt đêm, Chúa ban cho Cha ơn đặc biệt là cầu nguyện cho các tội nhân, cho người nghèo và người sâu khổ. Cha Thánh cảm thông với những sầu khổ của họ tận đáy lòng, và biểu hiện ra bên ngoài bằng những dòng nước mắt. Có khi giữa đêm thanh vắng. Ngài lớn tiếng kêu nài: “Chúa ơi! Rồi đây các tội nhân sẽ ra sao?”

Lúc nào Cha Thánh Đa Minh cũng cầu xin cho được lòng bác ái đích thực để mưu tìm và chăm lo phần rỗi cho mọi người cách hữu hiệu. Ngài nghĩ rằng chỉ khi nào mình noi gương Chúa Cứu Thế, hiến toàn thân toàn sức cứu rỗi các linh hồn thì mới thực sự trở thành chi thể của Chúa”.

## - Đời sống Chiêm Niệm Đa Minh

Việc cầu nguyện của con cái Cha Thánh Đa Minh còn phải tiến thêm một bước nữa là “chiêm niệm”, thứ chiêm niệm sinh hoa trái trong hoạt động tông đồ, được diễn tả cụ thể trong luật quản trị Dòng từ ban đầu.

**C**hâm Ngôn của Thánh Phụ Đa-Minh: “luôn nói với Chúa và nói về Chúa”. Những ai từng sống hoặc tiếp xúc với Thánh Phụ Đa Minh đều khẳng định rằng Cha Thánh cầu nguyện không ngừng. Ngài dành phần lớn thời giờ để cầu nguyện, cầu nguyện tự nhiên như hít thở hằng ngày.

“Thánh Đa Minh đã là một người chiêm niệm trước khi trở thành nhà tông đồ”.

Theo Thánh Tôma, chiêm niệm là “lắng nghe, đọc sách, suy gẫm và cầu nguyện”, khi thì lắng nghe các bài giảng, khi thì đọc sách thiêng liêng, hoặc khi tâm nguyện hay khẩu nguyện. Như vậy, cầu nguyện không chỉ là xin ơn mà là xin cho ý Cha được thể hiện, là lời kinh thấp sáng cuộc đời, lời kinh ý lực, lời xin sức mạnh để chu toàn thánh ý Chúa.

Có một nguồn suối khác cho đời Chiêm Niệm của Cha Thánh Đa Minh, đó là lời kinh trong học hành và suy gẫm, đó là con đường từ tri đến mộ, từ hiểu biết đến mến yêu và kết hợp với Chúa: học về con người, học thánh khoa, học để nhận ra bàn tay Thiên Chúa trong các biến cố lịch sử. Cuối cùng, chiêm niệm chủ yếu là hành vi của ý chí khi tâm hồn yêu mến và ước ao được kết hợp với Chúa. Khởi đầu từ lòng yêu mến Chúa, dẫn chúng ta đến chiêm ngắm Ngài, nhờ đó chúng ta sẽ được sung mãn trong Ngài, yêu mến Ngài sâu xa hơn, giúp chúng ta có thể dâng lên Chúa lời kinh tạ ơn trong mọi lúc và duy trì trong ta niềm bình an bền vững, hoặc lời kinh thầm lặng, như Đức Maria ghi nhớ và suy niệm trong lòng ...

### - Cầu Nguyện bằng cả con người

Có nhiều tài liệu từ thế kỷ XIII, giới thiệu về “9 cách cầu nguyện của Thánh Đa Minh”, cho thấy Cha Thánh cầu nguyện với toàn thể con người. Ngài không chỉ cầu nguyện với cái đầu hay trái tim, mà với cả đôi tay và các cử điệu toàn thân.

Trước tiên là thái độ phủ phục trong đức tin. Thánh Đa Minh khiêm tốn sấp mình như đang đối diện với chính Thiên Chúa đang hiện diện. Chính vì thế, truyền thống của Dòng Đa Minh luôn cúi sâu cách trang trọng khi đọc lời Vinh Tụng Ba Ngôi Thiên Chúa sau mỗi Thánh Vịnh. Để diễn tả thái độ khiêm nhường, với ý thức về sự bất xứng, nhiều khi Thánh Đa Minh cầu nguyện mặt úp xuống đất.

Vì cầu nguyện là noi gương Chúa Kitô với lời nguyện hoàn hảo trên Thập Giá, Cha Thánh Đa Minh chiêm ngắm Thập Giá, nép mình vào Thập Giá, bái gối và đọc sách suy gẫm dưới chân Thánh Giá, như tranh vẽ của Chân Phước Angelico. Hoặc Cha Thánh cầu nguyện với đôi tay giang ra theo hình Thánh Giá, như sẵn sàng vác lấy Thập Giá để xứng đáng là môn đệ của Chúa.

Có khi Cha Thánh Đa Minh đứng cầu nguyện với đôi tay mở ra như dấu chỉ dâng hiến, sẵn sàng lãnh nhận sứ mạng và kín múc từ cạnh sườn Đức Giêsu dòng nước

sự sống. Và hơn thế, Cha Thánh luôn cầu nguyện kể cả khi đi đường, Ngài tiến lên trước hay lùi lại đằng sau anh em, để suy gẫm và cầu nguyện.



### - Cầu Nguyện với Kinh Mân Côi

Nếu là thành viên của đại Gia đình Đa Minh, phải siêng năng cầu nguyện bằng kinh Mân Côi, như gia sản của Dòng Đa Minh.

- Thánh Piô V nói: “Nhờ kinh Mân Côi phát triển, các tín hữu chăm chỉ suy gẫm, sốt sắng cầu nguyện, đã trở thành người mới,

sự tối tăm lạc thuyết tan biến nhường chỗ cho ánh sáng của đức tin bùng lên”.

- Thánh Piô X nhấn nhủ: “Nếu muốn hòa thuận trong gia đình, muốn cho quê hương được thái bình, thịnh vượng, hãy lần hạt hằng ngày trong gia đình. Kinh Mân Côi là bản tóm lược Tin Mừng và ban bình an cho người đọc. Kinh Mân Côi tốt lành đem lại tràn đầy ơn phúc hơn tất cả các kinh, lại đẹp lòng Đức Mẹ hơn cả”.

- Thánh Gioan Phaolô II quả quyết: “Khi Gia đình cùng đọc kinh Mân-Côi sẽ được hưởng bầu khí gia đình Na-da-rét: các thành viên đặt Đức Giêsu ở trung tâm, họ chia sẻ tâm tình sứ vụ của Ngài, họ đặt các nhu cầu và dự tính trong tay Ngài, họ kín múc từ Ngài niềm hy vọng và sức mạnh để tiến bước”.

### - Sự phong phú của Giờ Kinh Phụng Vụ

Khi cầu nguyện bằng Giờ Kinh Phụng Vụ, ngoài việc cầu nguyện bằng Thánh Vịnh hay Thánh Thi của Cựu và Tân Ước, chúng ta còn được đón nhận một kho tàng phong phú đa dạng các ý nguyện. Đó là các đoạn Lời Chúa được tuyển chọn. Cầu nguyện là cuộc đối thoại với Chúa, thì điều quan trọng là phải biết lắng nghe. Phần Lời Cầu và lời Tổng Nguyện theo phụng vụ mỗi ngày, cầu cho mọi thành phần nhân loại, từ các vị mục tử đến tu sĩ, giáo dân, các gia đình, các nhà lãnh đạo, già trẻ lớn bé, di dân, bệnh nhân, người nghèo, những người đã ra đi trước. Và đó là các bài Thánh Thi do các Thánh hoặc các vị hữu trách của Giáo Hội biên soạn, phù hợp với thời gian và bối cảnh phụng vụ, vốn là những vần thơ được dịch rất khéo, với âm điệu phong phú, đi sâu vào lòng người.



# Suy ngẫm về Sứ Mệnh của Thánh Phụ Đa Minh



**Ngọc Lan**

*Huynh Đoàn Đa Minh  
Thánh Phạm Trọng Khâm  
Arlington, VA, USA*

Nhân dịp kỷ niệm 800 năm Thánh Phụ Đa Minh qua đời, con xin được suy ngẫm về sứ mệnh và những nhân đức của Thánh Phụ để lại cho anh chị em Dòng Anh Em Giảng Thuyết (Ordo Praedicatorum or O.P.), ba sứ mệnh là: cầu nguyện, truyền giáo và làm việc bác ái. Giáo huấn của Giáo hội đã nêu lên đặc điểm của ba nhân đức đối thần, đó là: tin, cậy và mến (GLCG, số 1812-1829) và Thánh Phaolô quả quyết rằng, “trong ba nhân đức này đều quan trọng nhưng lớn hơn cả là đức mến” (1 Cor 13,13). Các nhân đức rèn luyện giúp ta hoàn thiện chính mình và trực tiếp quy về Thiên Chúa qua ân sủng Chúa ban. Mẹ Maria là một kiệt tác không ai có thể sánh bằng. Vì thế mà Thánh Louis de Montfort nêu lên mười đặc điểm nổi bật của Mẹ Maria trong kinh nguyện Tận Hiến

cho Chúa Giêsu qua Đức Trinh Nữ Maria (True Devotion to Mary); đó là: trinh khiết, khôn ngoan, khiêm tốn, trung tín, cung kính, vâng lời, khó nghèo, nhẫn nại, từ bi, và an ủi. Vào thế kỷ XIII, Thánh Tổ Phụ Đa minh đã đem “chân lý đức tin” đến cho mọi người qua: cầu nguyện liên li, thánh chiến qua việc truyền giáo - mang Tin Mừng đến cho người ngoại giáo, và ban nhiều ơn lành qua những việc lành phúc đức của ngài.

Lịch sử ghi lại Thánh Phụ Đa Minh đã liên li cầu nguyện và đã được Đức Mẹ hiện ra và trao ban đóa hồng “kinh Mân Côi.” Kinh Mân Côi là khí cụ giúp Thánh Phụ đánh vỡ những mưu toan của ma quỷ và để cứu rỗi các linh hồn ngoại giáo trở lại với Chúa. Vì sự nhiễu loạn và lũng đoạn đức tin của bè rối Albigeois (tỉnh Albi, Pháp) vào thế kỷ XII, ngài đã phải hãm mình và liên li cầu nguyện vì bè phái Albigeois đã sống một đời sống vô luân. Họ xách động người dân căm ghét và sát hại các hàng giáo sĩ và tu sĩ. Cha Đa minh đã cầu nguyện với Đức Mẹ và xin Mẹ cứu giúp. Đức Mẹ đã hiện ra soi sáng và chỉ dạy cho Cha Đa Minh một phương pháp cầu nguyện đó là “kinh Mân Côi” và nhờ lòng nhiệt thành hăng say cầu nguyện, cha đã chiến thắng được ma quỷ. Trải qua bao thế kỷ, chuỗi kinh Mân Côi đã

trở thành một khí cụ tình yêu vì chuỗi kinh đã gắn liền cuộc đời của Chúa Giêsu và Mẹ Maria; đặc biệt là mẫu nhiệm “Nhập thể và Cứu Chuộc.” Thánh Đa Minh đã không ngừng dâng lên những đoá hoa thiêng bất diệt và huyền bí cho Mẹ, để qua Mẹ và nhờ Mẹ cứu rỗi và đưa các linh hồn về với Chúa. Vào thế kỷ XX, chúng ta cũng có Đức Giáo Hoàng Phaolô II lấy khẩu hiệu “Totus Tutus - tất cả cho Mẹ.” Đức Giáo Hoàng cũng đã sáng lập ra thêm năm mẫu nhiệm mới, đó là Mẫu nhiệm năm Sự Sáng (Mysteria Luminosa), như vậy, Kinh Mân Côi ngày nay có 20 mẫu nhiệm. Qua dòng lịch sử, Cha Đa Minh đã cho chúng ta một mẫu gương và một tâm hồn sùng kính trong việc cầu nguyện. Ngài là một nhân chứng tình yêu, là một điểm tựa cho chúng con học hỏi, và biết khắng khít với đời sống thiêng liêng mặc dù cuộc sống là những chuỗi ngày mưu sinh.

Thánh Phụ Đa Minh rao giảng Tin Mừng và truyền bá kinh mân côi là nền tảng của dòng Đa Minh. Truyền giáo đòi hỏi cả hai điều: lời giảng (đức tin) và hành động (James 2, 14; 17) và như Chúa Giêsu đã sai các môn đệ, “Vây anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Matthew 28: 19-20). Thánh Đa Minh đã sống hết mình để mang Lời Chúa cũng như lời kinh Mân Côi đến cho mọi người. Cha Đa Minh sống mật thiết với Chúa và Mẹ Maria qua việc rao giảng Tin Mừng và chiêm niệm. Trái tim của Ngài luôn bùng cháy và đầy nhiệt huyết khi nói về Chúa và về Mẹ. Cuộc sống của ngài rất bình thường nhưng không tầm thường. Những nhân đức thanh khiết của Cha Đa Minh đã trở thành một với người qua phương châm là Veritas (Sự Thật). Sự hiểu biết và những nhân đức khôn ngoan của cha Đa Minh đem lại một truyền thống nối tiếp cho dòng Đa Minh - Dominican motto of Veritas (Truth), “Có khôn ngoan mới dựng được nhà, có sáng suốt mới biết xây cho vững. Nhờ hiểu biết, phòng ốc mới đầy dư mọi của cải sang trọng và quý giá” (Prov. 24:3-4). Cha Đa Minh duy trì sự trong sạch về thể xác và tinh thần để giúp ngài có thể nhìn thấy Thiên Chúa được phản chiếu trong sự sáng tạo của ngài trên trái đất. Xin Cha Đa Minh cầu bầu cho chúng con luôn biết suy ngẫm về Đấng Cứu Rỗi và tình yêu thương Chúa dành cho chúng con và cho chúng con cố gắng trở thành môn đệ luôn sống nhiệt thành và mang Tin Mừng đến cho mọi người.

Cha Đa Minh với lòng thành kính của ngài dâng lên cho

Đức Mẹ thì không có gì miêu tả được. Vì lòng sốt sắng của ngài đã làm đẹp lòng Mẹ Maria. Quả vậy, đức tin được cứu rỗi thật sự là những bằng chứng chứng minh qua việc làm tốt của chúng ta và đức tin giả dối thì đó là đức tin chết; vì thế, đời sống thánh thiện bác ái của Cha Đa Minh đã gạt hái được biết bao nhiêu linh hồn trở lại. Ngài đã không ngần ngại hy sinh, hãm mình, sống khó nghèo, và xa lánh sự nhộn nhịp, vật chất của thế gian. Ngài sống khiết tịnh để thánh hiến lễ dâng cho Chúa. Những đức tính khá đặc biệt của Cha Thánh Đa Minh đã được các nhà triết học ngoại giáo, bao gồm cả Aristote đào sâu trong cuốn Đạo đức Nicomachean của ông, và được nâng lên tầm quang trọng hiểu biết trong nhiều tác phẩm; như Thánh Thomas Aquinas cũng bình luận về Đạo đức Nicomachean của Aristote ngay trong chính tác phẩm Thần học Summa Theologia của ngài. Bởi thế sự khôn ngoan của Thánh Đa Minh do ân sủng của Chúa ban cho ngài vì ngài đã đẹp lòng Chúa và Mẹ Maria.

Và để kết thúc con sự nhớ tới Làng Nghĩa Thượng nhỏ bé của con ở bên VN. Con không biết tại sao Làng Nghĩa Thượng, Quận Gò Vấp, GX Từ Đình của chúng con lại lấy Thánh Tổ Phụ Đa Minh làm bản mạng. Con hỏi Bố thì nghe Bố kể là “vì Thánh Phụ Đa Minh rất là đặc biệt, ngài là đấng sáng, ngài giảng rất hay, và ngài rất đạo đức.v.v... cả làng, đặc biệt cả dòng họ đều lấy tên Thánh Đa Minh, chỉ ngoại trừ ba bốn người. Rồi Bố nói, “con vật vờ tự nhiên hỏi làm gì thế...” à, con mỉm cười đáp, “vì con đang đọc về ngài và sự nhớ đến Làng nghĩa Thượng của mình.” Thánh Đa Minh và sứ mệnh của ngài là rao giảng “chân lý đức tin” của Chúa và truyền bá hoa hồng Mân Côi của Đức Mẹ đã chỉ dạy cho Thánh Tổ Phụ. Ngài đã làm nên lịch sử của dòng Đa Minh. Ngài đã loan truyền và chỉ dạy bè phái Albigeois trong thời loạn lạc cái tà quy chính mà trở về với Chúa qua Kinh Mân Côi (Rosarium); vì thế, sứ mệnh và nhân đức của ngài là mẫu gương cho chúng con luôn học hỏi và rèn luyện, chẳng phải Thánh Phaolô đã nhắc nhở chúng ta “hãy bén rễ sâu và xây dựng đời mình trên nền tảng là Đức Kitô Giêsu, hãy dựa vào đức tin mà anh em đã được thụ huấn, và để cho lòng chan chứa niềm tri ân cảm tạ” (Cl, 2,7). Cha Đa Minh là một bông hoa hồng của Đức Mẹ, ngài đã toả làn hương thơm ngào ngạt bất diệt. Xin Mẹ Maria, Mẹ của lòng thương xót qua Thánh Phụ Đa Minh cầu bầu cho chúng con để chúng con luôn vững tin và tín thác vào Chúa trong đức tin. Và trong tình bạn ấy, chúng con sẽ được tăng trưởng và được thể hiện viên mãn.



# GIỮ VÀ TRUYỀN ĐỨC TIN CHO HIỆN TẠI VÀ MAI SAU



*Mác Giao*

**T**heo thống kê của Tòa Thánh được báo Quan Sát Viên Roma công bố thì tính đến ngày 31-12-2019, số người Công Giáo trên toàn thế giới vượt quá 1.34 tỷ người, chiếm khoảng 17.7% dân số toàn cầu, gia tăng 16 triệu, tức 1.12% so với năm 2018. Xin đừng vội mừng. Có thống kê những người theo đạo nhưng không có thống kê những người bỏ đạo để làm tính trừ. Số gia tăng nhiều nhất là ở châu Mỹ La-tinh và châu Phi, nơi có nhiều dân nghèo sinh sống trong các quốc gia kém phát triển. Bắc Mỹ và châu Âu không tăng thêm giáo dân. Trường hợp Việt Nam, số người Công Giáo đã tăng gấp đôi từ 1975 đến nay nên có thêm nhiều giáo phận và giáo xứ. Cũng đừng vội mừng, vì nếu tính theo tỷ lệ gia tăng dân số, thì số người Công Giáo ở Việt Nam không tăng mà còn giảm. Trước cuộc di cư 1954, người Công Giáo ở miền Bắc chiếm 10% dân số, trong khi đó ở trong Nam chỉ có trên 5%. Tính đồ đồng, giáo dân trên toàn quốc chiếm 7.5% năm 1954, và trước 1975, số giáo dân ở miền Nam cũng đạt 10% dân số. Đến năm 2018, số giáo dân có khoảng trên 7 triệu người và chỉ chiếm 6,87% tổng số dân 94 triệu. Chính Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Chí Linh,

Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, đã xác định tình trạng đậm chân thụt lùi này.

Nhìn các vị chủ chăn bận rộn, giáo dân thông cảm các ngài lo việc nhà chưa xong, đâu còn thời giờ và hơi sức lo chuyện hàng xóm? Có phải mỗi giáo xứ của chúng ta là một thành trì, trong khó ra, ngoài khó vào, mỗi năm có được “mấy mống” tân tòng? Nếu có, thì 99% là theo đạo để lấy vợ lấy chồng. Còn con cái giáo xứ thì càng lớn lên càng nguội đạo. Việc truyền đạo tạm gác.

Phải nói là thời đại chúng ta có hiện tượng nguội đạo, chưa đến nỗi mất đạo. Nhưng nếu cứ để nguội hoài thì chuyện mất sẽ từ từ xảy ra. Tại những nước châu Âu, từng là trung tâm của Thiên Chúa Giáo, nay có phong trào “déchristianisation” lạng lẽ lan truyền. Đó là khuynh hướng xóa bỏ tính chất Ki-tô Giáo, làm ngược lại những quy luật của Giáo Hội, như ly dị, phá thai, đồng tính luyến ái, không đi nhà thờ, không chịu các phép bí tích, tán thành việc các linh mục có vợ và phong chức linh mục cho các nữ tu, không muốn giáo hội dính vào cuộc sống của mình... Rất nhiều người trong giới trí thức, trong thành phần có học, dân sống ở đô thị ngã theo khuynh hướng này. Anh chị nào còn đi lễ chúa nhật, còn làm đám cưới và rửa tội cho con ở nhà thờ là bị bạn bè cười chê là lạc hậu, nhà quê! Chúng ta thấy đầy rẫy ngay trong các cộng đồng người Việt ở hải ngoại những cặp sống thử, những đám cưới linh đình chỉ có phép đời, không có phép đạo, những trẻ sơ sinh đẹp như thiên thần nhưng không được rửa tội. Châu Âu nhiều hơn châu Mỹ.

Con người thời nay, nhất là tại những quốc gia phát triển, trọng vật chất, sao lãng tinh thần, ham hưởng thụ, gia

tăng thói ích kỷ, chỉ biết sống cho riêng mình, được tự do muốn làm gì thì làm, không bị luật lệ nào ràng buộc. Tình trạng giữ đạo đáng buồn như vậy nhưng không phải dân bỏ đạo hay không giữ đạo ở các nước Âu Mỹ đã trở thành những con người xấu. Đa đa số vẫn là những người tử tế, ngay chính, có lòng bác ái, tôn trọng kỷ luật xã hội và quyền lợi của người khác. Đó là ảnh hưởng của tinh thần và văn hóa Thiên Chúa Giáo vẫn còn tồn tại từ bao nhiêu đời. Vì vậy không phải là vô phương cứu chữa.

Người viết bài này không có tham vọng tìm ra giải pháp sửa chữa, chỉ dám nói lên vài kinh nghiệm nhỏ của riêng mình và đôi điều học hỏi từ những vị thầy trong Giáo Hội liên quan đến vấn đề này. Nếu chúng ta chỉ biết nói: “Con người bất lực. Hãy để cho Chúa Thánh Thần hành động” là chúng ta ỷ lại, làm biếng, vô cảm. Phải nói: “Chúa Thánh Thần sẽ giúp khi chúng ta làm”.

## HUẤN LUYỆN CON CÁI VÀ TẠO THÓI QUEN TỐT TỪ GIA ĐÌNH

Bổn phận của cha mẹ là phải dạy con từ thuở còn thơ những hiểu biết về đời, đồng thời với những hiểu biết về đạo. Dạy xong không đủ. Dạy điều mình biết nhưng phải làm điều mình dạy, tức phải thực hành và làm gương. Không thể dạy con lương thiện trong khi cha mẹ vẫn ăn gian nói dối. Không thể dạy con bác ái trong khi vẫn nói hành nói xấu, vu oan giá họa người khác. Không thể dạy con quảng đại và từ tâm trong khi cha mẹ vẫn keo kiệt, tham lam và chỉ muốn hưởng lợi từ người khác. Không thể dạy con giữ đạo trong khi chính mình nguội lạnh, không cầu nguyện trong gia đình, không chịu xưng tội rước lễ, nhiều khi còn bỏ cả lễ Chúa Nhật vì những lý do không chính đáng. Phải tạo cho con những thói quen bình thường, từ cách đối xử, cách giữ đạo, cách ăn ngay ở lành, lòng thương người, chăm lo học hành và làm bổn phận. Những điều tốt một khi đã thấm vào một người sẽ trở thành bản chất và tư cách của con người đó, sẽ trở thành thói quen và mọi sự đều diễn ra dễ dàng, tự nhiên, bình thường. Làm khác mới không bình thường. Khi con cái lớn khôn đi học xa gia đình hay làm ăn nơi xa cha mẹ, cha mẹ phải luôn theo dõi, thăm nom, liên lạc và nhắc nhở con bằng lời lẽ thương yêu về việc giữ đạo. Nếu không, con sẽ từ từ nguội đạo với lý do bận công việc, nhưng lý do chính là đua đòi và bị ảnh hưởng của bạn bè. Nếu con còn đức tin và còn giữ đạo thì việc gì sau đó cũng sẽ tốt đẹp, nhất là việc hôn nhân và việc dạy cháu ở thế hệ thứ ba.

Đúng là cha mẹ phải lo cho con cháu cho tới khi nhắm mắt. Đó là bổn phận nhưng cũng là niềm hạnh phúc.

## HUẤN LUYỆN TRONG SINH HOẠT CỘNG ĐOÀN

Trước khi nói đến sinh hoạt trong cộng đồng xã hội, hãy lo việc sinh hoạt trong cộng đoàn giáo xứ. Việc dạy dỗ các em những hiểu biết cơ bản để xưng tội, rước lễ, chịu phép thêm sức là việc tối thiểu mà giáo xứ nào cũng làm. Nhưng sau khi chịu phép thêm sức, đến tuổi 14, 15, các em hầu như bị bỏ rơi nếu giáo xứ không có chương trình sinh hoạt đạo đức và xã hội cho các em. Đi nhà thờ với cha mẹ thì không biết đọc kinh tiếng Việt, không hiểu những bài giảng tiếng Việt. Lâu lâu giáo xứ tổ chức tĩnh tâm cho các em thì lại sinh hoạt bằng tiếng Việt, nghe giảng bằng tiếng Việt, hay bằng ngôn ngữ địa phương của những người không rành ngôn ngữ ấy, trong khi các em không còn là con nít bảo sao nghe vậy, đã có những suy nghĩ riêng, vài năm nữa lên đại học rồi. Làm sao các em yêu thích những buổi học hỏi như thế được?

Để cải thiện tình trạng này, giáo xứ phải tổ chức sinh hoạt thường xuyên theo định kỳ cho giới trẻ, không thể xuân thu nhị kỳ. Khi cha xứ hay cha phó quá bận rộn thì mời các linh mục hay các nhà giáo dục từ nơi khác đến giúp, đừng sợ mất công, mất tiền. Song song với việc học hỏi còn phải có những huynh trưởng tổ chức cho các em sinh hoạt ca hát, chơi thể thao, đi cắm trại, làm việc bác ái, như quyên và phát quà cho người nghèo, giúp những nơi gặp thiên tai hay những di dân mới tới. Học tập, vui chơi, hành động bằng hai thứ tiếng, các em sẽ vui thích, thân quen với bạn bè, gắn bó với cộng đồng, khó mất đức tin.

Tôi biết ở San José, California, một Sư Huynh Việt Nam, Frère Trần An Phòng, em một người bạn thời sinh viên của tôi, từ năm 1996 tổ chức sinh hoạt cho các em từ 15 tuổi trở lên thuộc các xứ đạo Việt Nam quanh vùng. Dự án hoạt động có bài bản bắt đầu từ năm 2005. Tôi có gần chục đứa cháu gọi bằng bác tham gia sinh hoạt trong tổ chức của Sư Huynh. Các cháu được học đạo, được vui chơi, được đi làm công tác bác ái, đi đại hội giới trẻ ở châu Âu do Đức Giáo Hoàng John Paul II chủ tọa, đi cả Việt Nam nhiều lần phát quà cho người nghèo, bị công an đuổi chạy te tua. Các cháu rất thích và lớn lên trong đức tin vững vàng. Nhiều cháu lập gia đình với người khác chủng tộc và không Công Giáo, nhưng các cháu đều kéo được người phối ngẫu theo

đạo và trở thành những người Công Giáo vững đức tin. Đó là nhờ ơn Chúa, và cũng một phần không nhỏ nhờ sự khuyến khích và cách giữ đạo của người vợ, người chồng đạo gốc. Không biết tổ chức này còn tồn tại sau khi Sư Huynh sáng lập nghi hưu hay không?

Cá nhân tôi nghiệm thấy ở tuổi trẻ, người ta dễ hấp thụ những lời hay ý đẹp đánh động lòng người, và sẽ nhớ cả đời. Khi tôi sinh hoạt với sinh viên Công Giáo ở Việt Nam, chúng tôi có mời Cha Đình Hoè thuộc dòng Phanxicô đến giảng tĩnh tâm Mùa Chay cho sinh viên. Cho đến nay, sau 60 năm, tôi vẫn còn nhớ lời Cha dạy: “Người ta thường quên mình là Người mà chỉ nhớ mình là ông chủ tịch, ông giám đốc, ông giáo sư, ông luật sư, ông bác sĩ, ông cha, ông cố... nên không đối xử với người khác như Người với Người”. Từ đó tôi suy ra nếu chỉ nhìn người khác qua bộ áo của mình thì chính mình đã đánh mất tính Người. Phải cho tuổi trẻ cơ hội được nghe, được học những điều hay. Khi đi vào đời, có thể họ chỉ còn nhớ vài lời ghi sâu trong lòng, thế đã tốt lắm, nhưng toàn bộ những lời giảng dạy không vô ích, chúng như mưa dầm thấm đất, giúp kiến tạo nhân cách và củng cố đức tin cho người nghe.

## GIẢNG ĐẠO TRONG THỜI HIỆN ĐẠI

Thời đại mới phải giảng đạo kiểu mới với ngôn ngữ mới. Cứ giữ kiểu giảng đạo như 50 năm trước thì không “ăn khách” đâu. Ngay trong Giáo Hội cũng vẫn còn một số truyền thống và thói quen đã lạc hậu, không thích hợp với thời chúng ta đang sống, cần được cải tổ. Bàn về việc này thì dài và lớn chuyện lắm. Thôi thì chúng ta chạy đường tắt bằng cách nghe những lời dạy bảo của các nhà thông thái và có thẩm quyền trong đạo.

Matthew Kelly, một nhà nghiên cứu và bình luận Công Giáo nổi tiếng gốc Úc và sinh sống ở Mỹ, đã viết: “Có rất nhiều người nghĩ rằng vấn đề của thế giới ngày nay là dân chúng không đến nhà thờ. Họ nghĩ rằng thách thức của chúng ta là phải đưa dân đến nhà thờ, nhưng thách thức thật sự chính là phải đưa Giáo Hội đến với dân. Một cách căn bản, đó là điều chúng ta không làm, chúng ta không làm điều mà Chúa Kitô đã làm - nói cho rõ là hãy đi ra ngoài và gặp dân ở nơi mà dân đang thiếu thốn, đang đau khổ. Chúng ta không thi hành sứ mệnh mà Chúa Kitô giao cho chúng ta qua việc kể truyền công tác tông đồ” (1)

Chính Đức Giáo Hoàng Phanxicô ngay khi mới nhậm

chức đã khuyên các giáo sĩ hãy mở cửa nhà thờ đón mọi người, hãy đi ra đường, ra chợ mà gặp gỡ dân, nói về Chúa với mọi người, kết thân và giúp đỡ những người nghèo khổ, đau khổ. Nếu nói những cái cách của Ngài là một cuộc cách mạng thì đó là Cuộc cách mạng của sự dịu dàng (Révolution de la tendresse) như báo Le Figaro ngày 30-3-2017 đã gọi. Ngài muốn thay đổi não trạng và hành động, không thay đổi cơ cấu. Cũng cơ cấu đó, nếu sống động sẽ đem lại nhiều lợi ích, nhưng nếu não trạng sơ cứng, ù lì, cơ cấu sẽ thành bộ máy không hồn. Ngài nhấn mạnh đến Lòng Thương Xót từ Thiên Chúa phải được tỏa lan xuống mọi người, bắt đầu bằng hàng giáo phẩm, để thông cảm với từng hoàn cảnh, tìm cách giúp đỡ và giải quyết cho từng trường hợp.

Về những trường hợp sinh con ngoại hôn và ly dị, chính Ngài đã than phiền về việc một linh mục ở Argentina, quê hương của Ngài, đã từ chối rửa tội cho một đứa bé sơ sinh không cha do bà mẹ đơn thân bồng tới nhà thờ. Ngài lo sợ người mẹ đã đau khổ lại càng thất vọng thêm, bị đời khinh dể lại còn bị Giáo Hội thân yêu của mình xua đuổi. Ngài cũng cho phép các linh mục coi xử cứu xét từng trường hợp người ly thân, ly dị được nhận ơn xá giải và được rước lễ. Giáo Hội không muốn từ chối một ai, không đẩy con cái mình vào vòng bế tắc.

Về vấn đề phá thai, Đức Giáo Hoàng Phanxicô khẳng định với lòng thương xót: “Tôi muốn nhắc lại một cách mạnh mẽ rằng phá thai là một tội trọng, vì nó giết chết một cuộc đời vô tội. Tuy nhiên, tôi cũng phải xác định mạnh mẽ là không có một tội nào mà không thể tìm đến hay hủy diệt Lòng Thương Xót của Chúa khi lòng thương xót ấy tìm được một con tim muốn xin sự hòa giải với Thiên Chúa Cha” (2)

Cơ quan nào, tổ chức nào cũng phải có luật lệ để điều hành công việc và bảo toàn đặc tính của mình. Giáo Hội cũng không làm khác. Đức Giáo Hoàng Phanxicô không chống luật lệ. Nhưng Ngài không muốn ôm lấy luật lệ và phán xử cứng nhắc theo luật, không thông cảm những nỗi niềm và hoàn cảnh của người bị xử. Ngài muốn thay đổi cách hành xử luật lệ, Ngài viết: “Không có một luật lệ hay quan niệm nào có thể ngăn cản Thiên Chúa ôm lấy đứa con trở về với lòng biết ơn sau khi đã lầm lẫn nhưng nay quyết định khởi sự lại từ đầu” (3)

Ngài còn nói mạnh hơn khi trả lời câu hỏi của Andrea Tornielli, nhà báo lão thành của báo La Stampa: “Nếu

Thiên Chúa tự giới hạn mình trong công lý mà thôi, Người sẽ không còn là Thiên Chúa và sẽ giống như loài người chỉ đòi hỏi luật lệ được tôn trọng. Nhưng nếu chỉ có công lý thì không đủ. Kinh nghiệm cho thấy nếu chỉ kêu cầu tới công lý mà thôi sẽ có nguy cơ hủy diệt công lý” (4)

Những ý tưởng và quan niệm theo kịp thời đại, cách đổi mới việc truyền giáo, đem tình yêu vào việc xử dụng luật lệ, đến với những người nghèo khó, đau khổ, đó là những cải cách dịu dàng, giúp rất nhiều cho việc bảo tồn và truyền bá đức tin. Dĩ nhiên có những dư luận chống đối từ những thành phần bảo thủ trong Giáo Hội. Họ sợ những đòi hỏi của Đức Giáo Hoàng Phaxicô sẽ đụng tới thói quen và quyền lợi của họ. Đó là thay đổi não trạng và cách sống, tránh những phô trương thời thượng, trình diễn bề ngoài, rơi vào hải kịch quyền hành, tức giáo sĩ trị. Họ sợ những tấm gương của Ngài rửa chân và hôn chân người bệnh hoạn, ngồi ăn chung với những người vô gia cư, không vô cảm với bất cứ nỗi đau thương nào, không ở dinh Giáo Hoàng mà ở apartment, không đi xe limousine nhưng lựa một xe nhỏ rẻ tiền... Thử tưởng tượng nếu ngày nay chúng ta không có một vị chủ chăn đứng đầu như vậy, thì Giáo Hội còn bị chỉ trích, chán ghét đến thế nào, và việc bảo tồn và truyền bá đức tin sẽ bị tổn hại ra sao?

Đã có vị lãnh đạo hướng dẫn Giáo Hội đi đúng đường. Chúng ta hãy hăng hái bước theo Ngài.



(1) Matthew Kelly, Rediscover Catholicism, second edition, tr 51, Beacon Publishing 2010, USA

“There are the great many people who think the problem with the world today is that people don’t come to church. They think the challenge is to bring people to church, but the real challenge is to bring the Church to the people. Fundamentally, that is what we are failing to do. We are failing to do as Christ did - namely, to reach out and meet people where they are in their need, in their brokenness. We are failing to carry out the mission Christ entrusted to us through our apostolic lineage” (cf. Matthew 28:16-20)

(2) (3) Jean-Marie Guénois, Le Pape Francois facilite le pardon de l’Eglise pour l’Avortement, Le Figaro, France, 21-11-2016

(4) Andrea Tornielli, Pope Francis The Name of God is Mercy, tr 77, Random House 2016, USA

“If God limited himself to only justice, He would cease to be God and would instead be like human beings who ask merely that the law be respected. But mere justice is not enough. Experience shows that an appeal to justice alone risks destroying it”

# 800 NĂM

## Nhìn Lại

### HOA TRÁI ĐA MINH

#### 1221 - 2021



**Giuse Tom Tường**  
HD. Thánh Linh, Orange County

**H**ình ảnh anh em Đa Minh thương tiếc vây quanh Đấng Tổ Phụ trong giây phút ly trần, và lời trần trời sau cũng ngài nói với anh em: “Cha ra đi sẽ làm ích cho anh em”. Và lời kinh Cha Thánh được đan dệt như một điệp khúc vang vọng vượt không gian và thời gian: “Lạy Cha, xin hãy giữ lời đã trối và phù giúp chúng con.”

### 1. Hoa quả Đa Minh cho Giáo hội Hoàn Vũ

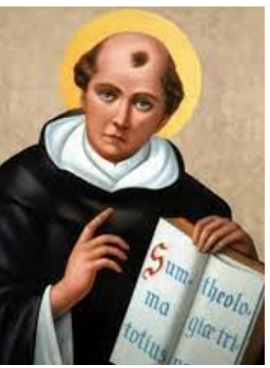
Nhìn vào dòng chảy lịch sử Dòng Đaminh trong 800 năm qua, Cha Thánh luôn giữ lời hứa để phù giúp cho Dòng được lớn mạnh, đức sáng Đaminh vẫn luôn tỏa sáng khắp nơi trên thế giới và để lại cho Giáo hội một kho báu ơn thiêng. Tư liệu Dòng Đa Minh cho biết Dòng đã cống hiến cho Giáo hội 86 vị hiển thánh và 291 chân phước và trên 100,000 đáng kính. Trong đó có các Thánh Tiến Sĩ đã góp phần rất lớn vào công trình giáo dục đức tin và bảo vệ Giáo hội:





**Thánh Giám Mục Albertô Cả, Tiến sĩ Hội Thánh (1206-1280)** thuộc Dòng Đa Minh, một bậc thầy vĩ đại của Thần học thời Trung Cổ, với sự học sâu hiểu rộng, ngài đã được học trò gọi là “sự kỳ diệu và phép lạ trong thời đại chúng ta.” Ngoài các bộ môn thần học, ngài còn quán thông các bộ môn văn hóa như:

Văn phạm, Hùng biện, Phép biện chứng, Số học, Hình học, Thiên văn học và Âm nhạc. Thánh Alberto Cả quả là một thiên tài trong các lãnh vực khoa học. Ngài dùng chính những tài năng này để bảo vệ đức tin Công giáo và rao giảng Tin Mừng.



**Thánh Thomasô Aquinô, Tiến sĩ Hội Thánh (1225-1274)**, Dòng Đa Minh là học trò uyên bác của Thánh Albertô Cả, là nhà triết học và thần học xuất sắc và chói lọi nhất trong lịch sử Giáo Hội Công Giáo, là tiến sĩ của Hội Thánh, quan thầy của giới học sinh trong các trường Công Giáo. Ngài đã để lại cho hậu thế một công trình tuyệt tác

là bộ “Tổng Luận Thần Học” nổi tiếng để làm nền tảng cho sự tra cứu học hỏi về hầu hết những vấn đề có liên hệ đến đức tin. Ngài nhìn nhận mình đã kín múc tất cả sự thông thái ấy nơi Chúa qua suy niệm và cầu nguyện.



**Thánh Nữ Catarina thành Siena, Tiến sĩ Hội Thánh (1347-1380)**. 177 năm sau khi Cha Thánh qua đời, Dòng Đa Minh trở sinh một bông hoa lạ. Đó chính là Thánh Catarina thành Siena, một người “không học mà làm tiến sĩ”, một con người sống trọn vẹn linh đạo Đa Minh: “Nói với Chúa, nói về Chúa”,

một con người lãnh nhận ơn lạ trở thành khí cụ của Thiên Chúa cho Giáo hội vào thế kỷ XIV. Thánh nhân hết lòng yêu mến Giáo Hội và Đức Giáo Hoàng, hiến dâng tất cả đời mình cho Giáo hội, và luôn nhiệt thành bảo vệ chân lý. Đây chính là ước nguyện của Thánh Tổ Phụ khi lập dòng Giảng Thuyết.

Thánh nữ đã để lại ba bộ sách, Đối Thoại, Những Lời Cầu Nguyện, và 380 Bức Thư như 380 câu chuyện gói

ghém lời thương yêu huấn dụ cho những ai muốn chiêm niệm Thiên Chúa, muốn thăng tiến nhân đức, và hiểu rõ hơn về đường lối nhân đức và bác ái dẫn đưa đến sự sống muôn đời. Thánh Catarina là đoàn viên của Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh ngay khi còn rất trẻ. Đây là niềm vinh dự và là gương soi cho tất cả anh chị em Huynh Đoàn Đa Minh Việt Nam tại Bắc Mỹ này.

## 2. Hoa quả Đa Minh cho Giáo hội Việt Nam

Một đóng góp không nhỏ tô đậm trang sử Giáo hội Việt Nam bằng chính máu tử đạo của anh em Đa Minh tại Việt Nam. Trong số 117 vị được Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô Đệ Nhị phong hiển thánh ngày 19 tháng 5, năm 1988 có 38 vị thuộc gia đình Đa Minh, gồm 6 giám mục Đa Minh Tây Ban Nha, 5 linh mục Đaminh Tây Ban Nha, 11 linh mục Đaminh Việt Nam, 3 linh mục thuộc Huynh Đoàn Đa Minh, 6 thầy giảng Huynh Đoàn, 7 giáo dân Huynh Đoàn (Dấu Ấn 800 Năm 1216-2016 của Phụ Tỉnh Đa Minh, tr. 30-35).

## 3. Cây Cổ Thụ Đa Minh tiếp tục trở sinh hoa trái khắp thế giới, đặc biệt tại Việt Nam

Dòng Đa Minh hiện diện trên 100 quốc gia, có 41 tỉnh dòng và phụ tỉnh, với 6,500 linh mục tu sĩ, 4 ngàn nữ đan sĩ, 35 ngàn nữ tu hoạt động và gần 200 ngàn đoàn viên Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh. Đặc biệt anh chị em Đa Minh đã và đang điều hành các trường đại học và các trung tâm đào tạo danh giá trên thế giới.

- Trường Kinh Thánh Giêrusalem do cha Marie-Joseph Lagrange, thuộc Tỉnh Dòng Đa Minh Pháp thành lập vào năm 1890 với mục đích theo đúng hướng đi của Cha Thánh Đaminh, tiếp tục công việc học hỏi các bản văn Kinh Thánh, giúp tìm hiểu Kinh Thánh theo văn mạch thích hợp dưới các khía cạnh khác nhau về lịch sử, ngôn ngữ cổ, khảo cổ học, khoa nghiên cứu chữ khắc, và khoa chú giải. Trường Kinh Thánh Giêrusalem được Tòa Thánh chấp nhận cấp bằng Tiến Sĩ Kinh Thánh (SSD)

- Đại Học Thomas Aquinas (Angelicum) tại Roma, một trung tâm đào tạo thời danh thế giới, chính nơi đây, Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô Đệ Nhị đã tốt nghiệp tiến sĩ Triết học vào năm 1946 dưới thời Viện Trưởng Cha Reginald Garrigou-Lagrange, O.P. và cũng là nơi xuất thân của rất nhiều các linh mục và giám mục trên thế giới.

- Đại Học Đa Minh thời danh tại Salamanca, Tây Ban Nha, được đương kim Giáo Hoàng Phanxico đánh giá rất cao trong bức tâm thư chúc mừng Dòng

Đa Minh nhân dịp mừng kỷ niệm 800 năm trên trời của Cha Thánh Đa Minh. Đại học này đã mang lại nhiều thành quả cho Giáo hội.

- Phân khoa Thần học tại Đại Học Fribourg, Thụy Sĩ do các Cha Đa Minh phụ trách, thuộc về Đại Học Quốc Gia Thụy Sĩ và được Vatican nhìn nhận như một Phân Khoa Thần Học Công Giáo và Bề Trên Tổng Quyền Dòng Đa Minh đương nhiên làm Chương Ấn của Phân Khoa này.

- Học Viện Đa Minh tại Hoa Thịnh Đốn, DC, trực thuộc Tỉnh Dòng Đa Minh Miền Đông Hoa Kỳ, là Phân Khoa Giáo Hoàng Học Viện Đức Mẹ Vô Nhiễm, nơi đào tạo anh em Đaminh làm linh mục và phục vụ giáo hội trong Tổng Giáo Phận Hoa Thịnh Đốn. Nơi đây còn có Học Viện chuyên ngành về Học Thuyết Thánh Thomas Aquinas.

- Trường Triết Học và Thần Học Đa Minh tại Berkeley, CA thuộc Tỉnh Dòng Đa Minh Miền Tây Hoa Kỳ. Nơi đây đào tạo các thầy Đaminh để làm linh mục. Hiện nay các thầy thuộc Phụ Tỉnh Thánh Vinh Sơn Liêm cũng đang học tại đây: Tân Linh Mục Martin Maria Nguyễn Huy Thông, Thầy Dominic Nguyễn Hoàng Phong, Thầy Francis Dominic Nguyễn Quý Đôn, Thầy Peter Pius Chu Hoài Nam, Thầy Peter Augustine Hoàng.

- Đại Học Đa Minh tại California, Hoa Kỳ do các Sơ Đa Minh tại San Rafael điều hành, được thiết lập vào năm 1890, đây là một trong những đại học kỳ cựu nhất của California.

- Trường Cao Đẳng Công Giáo Aquinas, Nashville, Tennessee, Hoa Kỳ được các Sơ Đa Minh thuộc Tỉnh Dòng Thánh Cecilia tại Nashville thành lập và điều hành từ năm 1961.

- Viện Thần Học Aquinas St. Louis, MO, được gọi là học viện liên dòng vì do Tỉnh Dòng Đa Minh Miền Nam và Miền Trung chung nhau thành lập và điều hành, nơi đây đào tạo các thầy của 2 tỉnh dòng trong chương trình quy củ để làm linh mục và cũng mở rộng cho tất cả sinh viên tu sĩ của các dòng tu và các chủng sinh của Tổng Giáo Phận St. Louis. Cũng nơi đây Cha Lôrensô Ninh Tú Toàn và Giuse Nguyễn Quốc Quang đã tốt nghiệp chương trình MA Thần học, và anh Vincent Nguyễn Hoàng đang được đào tạo trong chương trình quy củ 4 năm Thần Học.

- Đại Học Công Giáo St. Thomas Aquinas tại Mainila, Phi-Luật-Tân, còn được gọi là Đại Học Giáo

Hoàng, một đại học danh tiếng và kỳ cựu nhất vùng Châu Á Thái Bình Dương, được Tu Sĩ Đa Minh người Tây Ban Nha Miguel de Benavides, cũng là Tổng Giám Mục Manila lúc bấy giờ thành lập vào năm 1611 và sau này trao lại cho anh em Đa Minh Phi-luật-tân điều hành cho đến hôm nay. Ngoài Phân khoa Thần Học và Triết Học, Đại học còn có rất nhiều các phân khoa nổi tiếng khác nhau. Đại học đã được ba vị Giáo Hoàng viếng thăm: Giáo Hoàng Paul VI viếng thăm vào ngày 28 tháng 11, năm 1970, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolo Đệ Nhị viếng thăm vào ngày 18 tháng 2, 1981 và ngày 13 tháng một, năm 1995, và sau cũng là Đương Kim Giáo Hoàng Phanxicô thăm viếng vào ngày 18 tháng Một, năm 2015. Hiện nay, có rất nhiều các linh mục, tu sĩ nam nữ Việt Nam theo học tại đây.

- Trung Tâm Học Vấn Đa Minh Việt Nam là biến thân của Học Viện Đa Minh qua nhiều biến cố của đất nước. Thoạt tiên Học Viện Đa Minh được các cha Đa Minh Tây Ban Nha thành lập vào năm 1930 tại Miền Bắc nhằm đào tạo các ứng sinh linh mục cho Dòng, sau này được đổi thành Giáo Hoàng Chủng Viện Albertô, chung cho liên giáo phận Miền Bắc và vẫn do các cha Đaminh điều hành tại Nam Định.

Sau biến cố 1954, Giáo Hoàng Chủng Viện Albertô được di dời vào Miền Nam, đặt trụ sở tại Tu Viện Thánh Albertô, hiện này là Nhà Thờ Ba Chuông, 190 Lê Văn Sỹ, Phú Nhuận. Vào ngày 18 tháng 3, 1967, Tỉnh Dòng Đa Minh Việt Nam được thiết lập, Giáo Hoàng Học Viện Alberto được đổi thành Trung Tâm Học Vấn hiến định của Dòng, đặt trụ sở tại Thủ Đức, Việt Nam.

Sau biến cố tháng 4, năm 1975, Cha Cựu Bề Trên Giám Tỉnh Tiên Khởi của Tỉnh Dòng Đa Minh Việt Nam, cha Gioakim Nguyễn Văn Liêm đã thay mặt Bề Trên Tổng Quyền Đa Minh ra quyết định mở lại Học Viện và xây dựng cơ sở mới tại Tu Viện Mân Côi, Gò Vấp vào năm 1992. Mọi sinh hoạt của Trung Tâm đã đi vào ổn định vẫn giữ nguyên chủ đích đào tạo các ứng sinh linh mục cho Tỉnh Dòng, đồng thời mở rộng chương trình đào tạo cho các chủng sinh, các nam nữ tu sĩ thuộc dòng tu đến từ ba miền đất nước.

Vào năm 2003, Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo đã chấp thuận sát nhập Trung Tâm Học Vấn Đa Minh vào Phân Khoa Thần Học thuộc Đại Học Giáo Hoàng và Hoàng Gia Santo Tomaso (UST), tại Manila, Phi-luật-tân. Hiện nay Trung Tâm mang tính cách quốc tế với đầy đủ quyền hạn để đào tạo và cấp văn bằng Cử Nhân Thần Học tại Việt Nam.

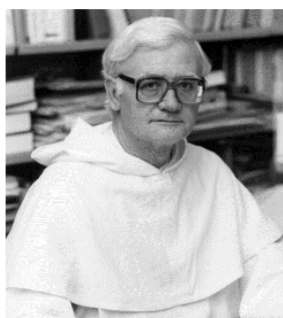


Ngoài các Đại Học, Học Viện, Trung Tâm Học Vấn danh giá trên thế giới, cũng chúng ta cũng phải kể đến các thần học gia Đaminh nổi tiếng của Dòng trong thế kỷ 20, đã để lại nhiều ấn tượng trong các sinh hoạt trí thức của Giáo hội.



**Đức Hồng Y Yves Yves Congar** là linh mục Đa Minh người Pháp, được xem là một trong những thần học gia Công Giáo quan trọng bậc nhất trong thế kỷ 20. Ngài được biết đến qua các suy tư và các tác phẩm về Giáo hội học, có thể nói đó là thần học về Giáo hội được coi như một hiệp hội hay như một

cộng đoàn. Đức Hồng Y Congar đã rút ra từ các nguồn kinh thánh, các thánh giáo phụ, và các nguồn cổ xưa để hồi sinh kỹ cương, ngài còn là người ủng hộ phong trào hiệp nhất, và có ảnh hưởng lớn tại Công Đồng Vatican II (1962-1965).



**Cha Edward Schillebeeckx** là một thần học gia Công giáo người Bỉ, Edward Schillebeeckx (1914-2009) gia nhập Dòng Đaminh tại Ghent, học tập tại Cộng đoàn Đaminh ở Louvain và chịu chức linh mục vào năm 1941. Sau khi hoàn tất chương trình học tại Louvain (1943), Cha Schillebeeckx dạy

thần học. Cuối thế chiến thứ II, ngài chuyển đến Học Viện Đaminh tại Le Saulchoir, Paris, để tiếp tục làm

luận án tiến sĩ và tham dự các buổi giảng thuyết tại Sorbonne. Nơi đây, với sự hướng dẫn của Congar và Chenu, Schillebeeckx chú tâm đến khía cạnh lịch sử và các vấn đề công bằng xã hội đang thách đố thần học. Cha Schillebeeckx tham dự Công Đồng Vatican II như là cố vấn của các Giám mục Hà Lan, và có nhiều ảnh hưởng trong việc phác thảo “Thư Mục Vụ” của Hội Đồng Giám Mục Hà Lan.

#### 4. Kết luận

Các thần học gia cũng như các đại học, học viện, và các trung tâm học vấn của anh chị em Đaminh được kể trên đây chỉ là số nhỏ sinh hoạt trí thức nổi bật của gia đình Đa Minh trên thế giới. Còn vô vàn các cơ sở giáo dục đào tạo cũng với các giáo sư, các nhà thần học và các nhà giảng thuyết của Dòng Đa Minh đang tích cực hoạt động vì Tin Mừng và cho Tin Mừng Chúa Kitô khắp nơi trên thế giới nhưng vì giấy bút có giới hạn nên không thể kể hết trong bài viết này được.

Để kết thúc, người viết xin dùng lời của Đức Giáo Hoàng Benedict XV đã chúc mừng Dòng Đa Minh nhân dịp cử hành Năm Thánh kỷ niệm 700 năm trên trời của Thánh Phụ Đa Minh qua việc ban hành Thông Điệp Fausto Appetente bằng tiếng La-tinh vào ngày 29 tháng 6, 1921 để ca ngợi công cuộc rao giảng Tin Mừng của Thánh Đa Minh. Đức Thánh Cha đã nêu bật ba đặc điểm của Thánh Đa Minh trong công cuộc giảng thuyết: đạo lý vững chắc, trung thành với Tòa Thánh, và lòng thảo kính đặc biệt với Trinh nữ Maria.

Đức Thánh Cha ca tụng việc Thánh Đa Minh đã nỗ lực bảo vệ đức tin Công giáo chống lại bè rối Albigensê và dẫn đưa họ trở về với Giáo hội. Thánh nhân nhận thức được tầm quan trọng của việc học hỏi thần học, bởi vậy ngài đã thúc đẩy việc học hành trong các tu viện và cũng nhờ đó mà Dòng đã có những vị thánh nổi tiếng về việc loan báo Tin Mừng cũng như trong lãnh vực nghiên cứu thần học. Đức Benedict XV chân nhận Thánh Đaminh trung thành tuyệt đối với Giáo hội và đã truyền lại cho con cái của ngài đức tính này, đặc biệt trong số anh chị em Đaminh này có Thánh Tôma Aquinô và Thánh nữ Catarina Siena. Đức Benedict XV cũng đề cập tới lòng sùng kính Đức Mẹ Maria của gia đình Đa Minh, việc làm này được đánh dấu đặc biệt với công cuộc truyền bá Kinh Mân côi, mang lại kết quả phong phú cho công tác tông đồ.

100 năm sau, Đức Đương Kim Giáo Hoàng Phanxicô vừa qua cũng gửi thư chúc mừng Dòng Đa Minh nhân dịp Năm Thánh kỷ niệm 800 năm trên trời của Thánh Đa Minh. Trong thư đề ngày 24 tháng 5, 2021 gửi cho Bề Trên Tổng Quyền Gerard Timoner, Đức Phanxicô đã hết lòng ca ngợi Thánh Đa Minh: “đã đáp ứng nhu cầu cấp bách của thời đại không chỉ đề ra giảng Tin Mừng một cách mới mẻ và sôi nổi, mà còn quan trọng không kém, để trở thành một nhân chứng thuyết phục cho những lời kêu gọi nên thánh trong sự hiệp thông sống động của Giáo Hội. Với tinh thần của tất cả việc cải cách thực sự, ngài tìm cách trở lại với sự nghèo nàn và đơn sơ của cộng đồng Kitô hữu sơ khai nhất, tập hợp xung quanh các tông đồ và trung thành với sự dạy dỗ của họ (xem Công Vụ Tông Đồ 2:42). Đồng thời, lòng nhiệt thành đối với việc cứu rỗi các linh hồn đã khiến ngài thành lập một đội ngũ những nhà thuyết giáo dân thân, những người có tình yêu với trang sử thánh và sự toàn vẹn của cuộc sống có thể soi sáng tâm trí và sưởi ấm trái tim bằng chân lý ban sự sống của Lời Chúa.”

Đức Phanxicô đã đề cao các công trình đóng góp công sức cho Giáo hội của gia đình Đa Minh, ngài đề cập đến những tác phẩm của Thánh Catherine Siena, các bức tranh của Chân phước Fra Angelico và các công việc từ thiện của Thánh Rosa of Lima, v.v. Ngày hôm nay

những công việc kể trên tiếp tục truyền cảm hứng cho công việc của các nghệ nhân, học giả, giáo viên và các nhà truyền thông. Đức Thánh Cha cũng không quên nhắc đến các thánh tử đạo Dòng Đa Minh và cho đây là một hình thức rao giảng hùng hồn nhất, những anh chị em Đa Minh đang noi gương Thánh Martinô de Porres làm việc bác ái chăm sóc những người nghèo của Chúa Kitô, đặc biệt ngài kể đến các chứng nhân thầm lặng của anh chị em Huynh Đoàn Giáo Dân Đa Minh, các thành viên của Phong Trào Giới Trẻ Đa Minh, những người phản ánh vai trò quan trọng và thực sự không thể thiếu của giáo dân trong công cuộc loan báo Tin Mừng.

Chúng ta, những người Đa Minh vô cùng vui sướng có Đấng Tổ Phụ luôn quan tâm dẫn dắt con cái của ngài trong suốt 800 năm qua trong sứ vụ rao giảng Tin Mừng, luôn được cập nhật, đặc biệt trong thời đại kỹ thuật số và không bao giờ bị lỗi thời, công việc rao giảng Tin Mừng của anh chị em Đaminh luôn được trân quý và Đức Thánh Cha Phanxicô đã “xin cho Dòng Giảng Thuyết, bây giờ như trước đây, đi đầu trong công cuộc loan báo Tin Mừng được canh tân, một công trình có thể nói lên tâm hồn của những người nam và nữ trong thời đại chúng ta và đánh thức nơi họ lòng khát khao triều đại thánh thiện, công lý và hòa bình của Chúa Kitô ngự đến!”



# LỜI KINH HUYỀN NHIỆM



Đạo Tử

## TRỞ VỀ

KINH MÂN CÔI, như chùm hoa tươi thắm,  
Đang trước tòa Thánh Mẫu quyền năng,  
Thay lời Cung Chúc Vương Nữ cao sang,  
Luôn cận kề chở che chúng sinh trần thế.

KINH MÂN CÔI, như trầm hương lan tỏa,  
Bay rất xa, thơm ngát Tòa Cao.  
Như lời ru rất êm nhẹ, ngọt ngào,  
Nhưng ẩn chứa một tình chân cung hiến.

KINH MÂN CÔI, với uy lực quyền biến  
Đã đổi thay cả thế giới khô cằn,  
Cho tâm hồn chìm ngập giữa bình an,  
Muôn tội lụy ngập tràn trong tha thứ.

KINH MÂN CÔI, như cuồng phong, giông tố  
Rửa trắng trong mọi hoen ố hồng trần,  
Đẩy tâm hồn vào sóng lộng hồng ân  
Để phước lộc hồi sinh: Nguồn Cứu Rỗi.

KINH MÂN CÔI, Niềm Tin và Trông Đợi  
Khi tất cả tưởng như đã vô phương:  
Khổ đau, tuyệt vọng, đổ vỡ, chán chường...  
Vẫn tìm thấy Yêu Thương và Hy Vọng.

KINH MÂN CÔI, trong từng ngày cuộc sống,  
Vẫn luôn là Thần Dược vô song,  
Vẫn luôn là Mạnh Lực khôn cùng,  
Giữ đời ta trong An Bình, Hạnh Phúc.

Con trở về! Đời ngập trong lầm lỡ!  
Sống lạc loài như kẻ không Đức Tin!  
Dù sơ sinh con đã được thánh hóa,  
Vẫn vô tâm, quên hết nét ngoan hiền!

Con trở về! Nay thân tàn ma dại:  
Hồn ngả nghiêng, đắm đuối giữa hồng trần,  
Lòng u mê, không hiểu đời oan trái:  
Gieo bão giông sẽ gặt quả vong thân!

Con trở về! Khi cuộc đời ruộng bỏ,  
Khắp thế nhân xa lánh kẻ nông cuồng:  
Coi rẻ tình người, yêu thương sỏi đá...  
Điên dại bước đi, chẳng hiểu lẽ vô thường!

Nay, lạy Chúa! Con về đây sám hối:  
Con trọn tin vào Tình Chúa bao la.  
Con biết Ngài không tính sổ tội lỗi,  
Nhưng theo lòng thương xót hải hà.

Ôi! Lạy Chúa, xin giúp con mạnh mẽ,  
Rửa sạch con trong Máu Cứu Độ thứ tha,  
Để từng ngày đời con trên dương thế,  
Phượng Thờ Ngài, đừng biết đến chia xa



# ÔNG ADAM VÀ TÔI



*Ngân Hà*

Mặt trời ngủ quên đằng sau những đụn mây đen đúa chẳng đoái hoài gì đến những bầy chim. Cây thánh giá trên nóc nhà thờ chính toà đang buồn bã nhìn xuống thành phố âm đạm chưa đủ tối cho đèn đường thấp lên, cái lầu chuông cũng chẳng giống lên tiếng kêu để nhắc nhở đoàn chiên hát lên lời kinh chiều. Cái hẹn với một cặp vợ chồng người ngoại quốc chưa từng quen biết không rõ quốc tịch (không phải là người da trắng) đã quá tuổi lục tuần sau giờ làm việc tại quán cà phê Pacific trên đường Burrard đối diện với nhà thương Saint Paul. Tháng hai giữa mùa đông bầu trời Vancouver xám xịt thành phố toàn cảnh như một bức tranh lanscape vẽ bằng mực than, gió heo may như gái già mang tâm sự buồn thối qua lòng những con phố đã mỗi một vì đã lâu vắng tiếng cười của những trẻ thơ, những vòng bánh xe hối hả lăn nhanh nghe ướt nhẹp những nước, những cửa hàng cũng co ro vì lạnh, dư âm của mùa Giáng Sinh vẫn còn sót lại trên những cửa sổ hàng quán hình những cuống lá xanh ôm chằm lấy những trái berries đỏ rực bên cạnh những hình chuông bạc được thắt nơ bằng những sợi ruban đủ màu sắc. Dưới lè đường những hàng cây trụi lá đứng lặng im kiên nhẫn chờ cho những hạt tuyết cuối cùng tan nhanh theo những giọt mưa xuân trở về vào tháng ba.

Tôi bước đi vội vã gót giày nện nhanh như đang vội đếm từng viên gạch vuông lát đều nhau trên lòng hè phố vừa để tránh những cơn gió lạnh đang tìm cách len lỏi qua cổ áo quây rây vành tai của tôi vừa coi đồng hồ. Đẩy cửa bước vào, một người đẹp chờ để bước ra, nàng quạt vào mặt tôi một mùi nước hoa sang trọng và bước nhanh ra ngoài. Bên trong, đèn lò mờ dãi ra vài sợi ánh sáng từ những chao đèn cúi thấp, mùi café nao nao từ phía sau quầy vương vãi ra ngoài lẫn với mùi bánh nướng.

Ông bà đã đến trước tôi, ở một cái bàn cuối dãy, hai tay chồng cầm dĩa khoan thai không tỏ ra thái độ nôn nóng đang chờ đợi ai, người chồng dáng cao ráo nét mặt như người đã từng trải qua nhiều khó khăn thách đố thành công lẫn thất bại trong đời, bà vợ da trắng trẻ hơn chồng đôi chút tướng rất sang và cao ráo, ngày còn trẻ hẳn phải là một đoá hồng nhan với nhiều gai nhọn cả hai đều không nhận ra tôi đã đến gần:

“Ông bà tới lâu chưa, quán này thích hợp cho dân sành điệu như ông bà”

“Cũng vừa đến thôi, ngồi đi, đã gọi café rồi, có muốn ăn lót lòng gì không?” Giọng ông vồn vã bật thiệp. Cái bàn được kê ở một vị trí khá đặc biệt hai chiều được che chắn bằng bức tường lưng lưng, hẳn là do người đàn bà này đã chọn thì phải, vị trí đủ kín để ngăn chặn những câu chuyện không muốn nói ra, nhưng cũng đủ hờ hênh như chẳng may để rơi một tiếng thở dài. Quán mỗi lúc một đông, người tới đây đều là dân thích ngồi đồng, mỗi người là một ốc đảo, những giọt café đen mang lại cho họ những tâm sự khác nhau, ai cũng âm thầm bên khói thuốc lầy chất đặng trong ly để làm dịu bớt cơn đắng đang nao nao trong lòng. Bên ngoài trời bỗng đổ mưa, những hạt mưa ném mạnh lên cửa sổ như những hạt nước mắt của người đẹp trong cơn hờn dỗi. Tháng ba đã gần về.

Ông gặp cục đường trắng tinh, ngọt và mỹ miều như người vợ kế bên, dùng muỗng quậy đều và đặt trước mặt bà, rồi bà cũng service như vậy cho ông nhưng thái độ sẽ sàng như chính hơi thở của bà. Ông bắt đầu kể chuyện thời sự nắng mưa và tôi góp ý với ông nhìn bàn tay với những ngón to và thô thiển chắc nịch móng tay nhiều chỗ sứt mẻ không đều nói lên một đời sống từng trải qua những lao động chân tay và yêu sự làm việc nhưng toàn thể con người ông lại toát ra một dáng vẻ điềm đạm nhân cách và lịch sự, trong lúc đó hình ảnh của người đàn bà biểu lộ một tâm thân mềm mại như thiên nga, nét mặt tươi vui như chưa từng nếm

trải những khổ đau nếu vào tuổi mới cưới nhau thì hẳn sắc đẹp của bà đáng gọi là tác phẩm mỹ miều của tạo hóa, dù đã ngoài sáu mươi, nhưng ánh mắt vẫn trong veo như thu thủy chôn dấu trong đó biết bao gian nan thống khổ bề dâu nhưng cũng nhiều thành công lẫn yêu thương đằm đúi trong đời, bà ít nói nhưng không tiếc để rơi những nụ cười trên làn môi xinh như mộng, ngọt như đường thốt nốt. Cả hai đều cho người đối diện một nhận xét tươi đẹp về họ mang trong người hai trái tim tha thiết với cuộc đời hài hòa trong cuộc sống dù sóng gió hay nổi trôi lòng con thuyền của họ vẫn chạt chội những tiếng cười.

Bà nhấp ngụm café nóng rồi quay qua ông cười có vẻ bí mật:

“Hình anh trong ly café chiều nay trẻ đẹp như hồi anh hồi thế kỷ thứ 18, anh còn nhớ chứ?”

Ông cũng hóm hỉnh không kém trêu lại bà:

“Còn em hiện ra nguyên hình hoàng hậu Elizabeth I sống cùng thời với em thế kỷ thứ 15, khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang”. Rồi nhìn bà cười tùm tùm. Không khí trong bàn họp hực như đôi vợ chồng đang trong thời kỳ hồi xuân.

Bà ngồi sát bên tường treo toàn tranh của Vincent Van Gogh, hai chúng tôi bên này đối diện với bức tranh mang tên The Beginning. Tôi hỏi ông:

“Bức tranh tuyệt đẹp phải không ông, nhưng nội dung của nó tại sao lại là beginning mà không là một cái gì khác?”

Ông nhìn vào tôi như dò xét như đã đọc được điều gì trong mắt tôi:

“Tôi hiểu thâm ý câu hỏi của ông, ông có thể gọi tên nó là The Ending, không có gì sai cả, tôi đồng ý, nhưng cuối của mỗi ending chẳng phải là để bắt đầu cho một new beginning sao ông, giống như bánh xe quay tròn để dẫn ông vào tương lai, chúng ta cả ông và tôi đều nhận ra vòng quay nào cũng đều là beginning và đó là mục đích của người tạo ra nó là như vậy”.

“Vâng, ông có lý, vậy ông có đồng ý với tác giả về ý nghĩa của bức tranh này không và tại sao?”

Lại một lần nữa ông nhìn tôi, lần này ông ngó tôi lâu hơn:

“Câu hỏi này dẫn ông và tôi quay về cái thời xa xưa đó, ông cần phải đặt mình vào cái thì hoang sơ đó mới hiểu được. Đó là lúc bắt đầu cho một new beginning, khi hai nhân vật đầu tiên hiện diện trong vũ trụ này bị

đuôi ra khỏi vườn địa đàng vì tội bất phục tùng, nét mặt họ không buồn rầu như ông thấy đó, chỉ duy có phảng phất trong ánh mắt đôi điều hối hận mà thôi, nhưng ngược lại hai người ra đi dáng điệu rất khoan thai tay trong tay nhìn nhau âu yếm ra khỏi vườn địa đàng họ không ngoái lại tội ý luyến tiếc. Chính người đàn ông biết người vợ mình trốn ra chỗ cây Yavê đã cấm và chiều theo con cám dỗ, khi chàng tới nơi thì nàng đã hái ăn rồi. Một sự dằng co, một trận chiến hung hãn bắt đầu đặt ra cho người chồng khiến ông tiến thoái lưỡng nan vì ông muốn trung thành với Yavê Thiên Chúa như lời Người đã phán, ngày nào người dựng tới nó người sẽ phải chết. Lời Ngài đã trở nên luật thành văn. Đàng khác ông lại rất yêu vợ, vì sau nhiều trăm năm sống cơ ro một mình, ông thất bại đi tìm cho mình một đối tác tương xứng, khi Yavê Thiên Chúa hiểu lòng ông, thấy ông ngày đêm rầu rã kém vui nên đã mượn tạm cái xương sườn của ông và Ngài dẫn nàng đến cho ông for free! Mắt ông rạng ngời, tim ông nhẩy nhót lỗi nhịp. Một niềm vui. Lần đầu tiên ông biết thế nào là niềm vui, từ đó hai người yêu nhau như đôi bồ câu và ông đặt tên cho nàng là Eve - con bồ câu nhỏ bé của anh - Ông dành cho vợ những phần ăn ngon nhất không bao giờ để cho vợ phải vất vả chiều chuộng khi ngủ cho nàng gối đầu tay, hằng ngày ông tạo cho vợ nhiều niềm vui. Lần kia, bà nhìn lên mặt trăng hình bán nguyệt thấy mặt trăng rầu rĩ, bà hỏi chồng: “Anh à, đêm nay sao mặt trăng lại kém vui anh nhi”. Thấy thế, ông trả lời: “Mặt trăng vui sao được khi nó thiếu mất nửa kia, người ta cũng vậy chỉ vui khi có đôi, như trước đây anh chưa có em và nếu sau này không còn em vì bất cứ lý do gì, nhìn anh cũng buồn như ánh trăng đêm nay, và đó là mâu nhiệm của triết lý: Hai - Đã - Trở - Nên Một”.

Ngừng một lát, sau ngụm café ông tiếp:

“Chính vì người chồng yêu quý triết lý bất khả phân ly của Yavê một khi hai người đã trở nên một thân xác và được Yavê chúc lành, nên ông quyết định ăn trái cây ấy mà bà vợ trao cho ông để được gánh chịu cùng một hậu quả chung với vợ, nhưng tôi muốn nhấn mạnh với ông một điểm, khác với đàn bà thời nay, ngày đó người đàn bà chỉ sa ngã sau nhiều cơn cám dỗ, còn bây giờ ma quỷ chưa kịp cám dỗ, người đàn bà đã sa ngã rồi”.

Ông vẫn không rời ánh mắt trên tôi và đọc được vài áng mây không hẳn là mây trắng lang thang nhưng là một áng mây vẫn đục, nhưng ông không nói gì. Trong lúc đó đôi mắt bà long lanh rợn rã như sao trời hài lòng với chồng (tôi đoán như vậy). Bên ngoài mưa vẫn rơi tầm tã, từ chỗ tôi ngồi nhìn qua khung cửa sổ hẹp ngả tư đèn vàng luân

phiên chớp tắt, như dòng đời luôn vội vã, người ta chia tay nhau ở ngã tư đường, trao nhau những nụ hôn ướt át vội vàng dưới mưa, dù ngồi trong này, tôi cũng cảm thấy tâm hồn tôi không được khô ráo, ánh mắt tôi đang để ý trên một bức tranh khác có tên là: E minor, tôi không giỏi về âm nhạc, nhưng cũng biết nhận ra một bài ca viết dưới E minor chord thường diễn tả tâm sự buồn. Bỗng ông cất ngang dòng tư tưởng của tôi:

“Người đàn bà trong tranh đang chơi một bản nhạc buồn vì khuôn mặt nàng đang thú nhận điều ấy, trong lúc ông chồng trong lòng đầy tư lự chìm đắm trên những ngón tay ngà của vợ đang thả hồn vào cây đàn Harp, họ cũng là Adam và Eve ngồi dưới vành trăng hạ tuần, trong một chiều thu lá vàng u uất rơi xung quanh họ. Với nàng, thân đàn chính là người chồng, còn nàng là những sợi dây tơ, sợi dây tơ chỉ làm nên cung bậc khi chúng được căng ra trên cơ thể của người kia.”

Thấy chiều cũng đã muộn, mặt trời đòi đi ngủ sớm, chim muông đã chùng cánh bay, chúng tôi tạm biệt nhau sau một tuần café và một buổi ngắm tranh đầy hào hứng.

Ông bà không giới thiệu tên với tôi, nhưng tôi biết chắc người tôi đã gặp chính là Adam và Eve, cho tới khi viết bài này, lòng tôi vẫn còn tư lự về thái độ chọn lựa của người chồng như ông. Còn các độc giả, thái độ của các bạn thế nào?

Vừa bước vào tới trong cửa, cô nhà tôi đã hỏi dồn: “Anh đi uống café với ai lâu vậy?”

Tôi đưa nàng vào một hoàn cảnh khó tin: “Đi với ông Adam”. Nàng chẳng tỏ thái độ gì nghi ngờ dù bên ngoài trời vẫn mưa, nhưng tôi lại nhìn thấy mùa xuân lóng lánh đang trở mình trong đôi mắt nàng.

Thật vậy.



# CHỨC MỪNG

PHỤ TỈNH ĐAMINH VIỆT NAM HẢI NGOẠI  
HỘI NUÔI DƯỠNG ƠN CỢI THÁNH MARTINÔ

## HÂN HOAN CHÚC MỪNG

TÂN LINH MỤC

MARTIN MARIA NGUYỄN HUY THÔNG, O.P.

ĐÃ ĐƯỢC ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC SALVATORE CORDILEONE,  
TỔNG GIÁO PHẬN SAN FRANCISCO,  
TRUYỀN CHÚC LINH MỤC  
VÀO 10:30 SÁNG, MỒNG 5 THÁNG 6, 2021,  
TẠI NGUYỄN ĐƯỜNG THÁNH ĐA MINH,  
2390 BUSH ST, SAN FRANCISCO, CA 94115, HOA KỲ





# PHIẾU GHI DANH - ỦNG HỘ HỘI NUÔI DƯỠNG ƠN GỌI THÁNH MARTINÔ

Hội viên:            Mới                    Cũ, Ghi số ID: ..... (nếu biết)  
Tên Thánh, Họ và Tên: ..... Email: .....  
Địa chỉ: ..... Thành phố: .....  
Tiểu bang: ..... Zip Code: ..... Điện thoại: ..... Xin giấy khai thuế:  
Xin ủng hộ số tiền:     \$.....             \$100             \$200             \$300  
   \$500                     \$1000             \$.....



## PHIẾU XIN LỄ XIN KHẨN THÁNH MARTINÔ

Tên Thánh, Họ và Tên: ..... Email: .....  
Địa chỉ: ..... Thành phố: .....  
Tiểu bang: ..... Zip Code: ..... Điện thoại: .....  
Ý Lễ hoặc Khẩn: .....  
.....

*Mọi đóng góp tùy lòng hảo tâm, dành cho việc bảo trì Đền Thánh*

Chi phiếu, ngân phiếu xin ghi: **VIETNAMESE DOMINICAN FATHERS**

Địa chỉ tại Canada: 2815 - 26 Avenue, SE, Calgary, AB T2B 0R3, Canada

Điện Thoại: 403 800 4187

Email: [phutinh@daminhptvn.org](mailto:phutinh@daminhptvn.org)

**Địa chỉ tại USA:** 12505 Ann Louise Rd Houston, TX 77086, USA

Điện thoại: 713 459 4018 hoặc 346 240 0305

Email: [phutinh@daminhptvn.org](mailto:phutinh@daminhptvn.org)